

Số: 81 /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết tán thành chủ trương
sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 734/SNV-XDCQ ngày 26/4/2025; ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh; UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính (viết tắt là ĐVHC) cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, cụ thể như sau:

I. HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG NGÃI

1. Tỉnh Quảng Ngãi có 5.155,248 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số: 1.532.488 người (quy mô dân số là dân số thường trú và dân số tạm trú); trong đó, dân số là người dân tộc thiểu số: 218.745 người, tỷ lệ 14,24%. Có 13 ĐVHC cấp huyện, gồm: 11 huyện (05 huyện đồng bằng, 5 huyện miền núi và 1 huyện hải đảo), 1 thị xã và 1 thành phố; 170 ĐVHC cấp xã, gồm: 144 xã, 17 phường và 09 thị trấn.

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: 169 ĐVHC.

3. Số lượng ĐVHC cấp xã đủ tiêu chuẩn không phải thực hiện sắp xếp: 01 đơn vị.

Xã Ba Xa, thuộc huyện Ba Tơ có diện tích tự nhiên 102,7867 km² (đạt 205,573% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số 5.452 người (đạt 109,040% so với tiêu chuẩn) theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2025

1. Chuyển nguyên trạng huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành đơn vị hành chính cấp xã có tên gọi là đặc khu.

Tên gọi đơn vị hành chính mới: Đặc khu Lý Sơn

Diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính mới là 10,3986 km²

Quy mô dân số của đơn vị hành chính mới là 25.639 người

Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Đặc khu Lý Sơn là hải đảo, cách biệt với đất liền nên không giáp với đơn vị hành chính liền kề.

2. Không thực hiện sắp xếp đối với xã Ba Xa, thuộc huyện Ba Tơ có diện tích tự nhiên là 102,7867 km² và quy mô dân số là 5.452 người.

Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Ba Tô (mới); phía Tây giáp xã Kon Plông (mới); phía Nam giáp xã Ba Tô (mới) và xã Kon Plông (mới); phía Bắc giáp xã Ba Vì (mới).

3. Sắp xếp 169 xã, phường, thị trấn thuộc 12 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Ngãi thành 54 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 06 phường và 48 xã (cụ thể có Phụ lục sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Quảng Ngãi kèm theo).

4. Sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Quảng Ngãi có 56 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 6 phường, 49 xã và 01 đặc khu, giảm 115 ĐVHC cấp xã hiện nay (gồm: 11 phường, 09 thị trấn, 95 xã), tỷ lệ giảm là 67,65% so với số ĐVHC cấp xã trước sắp xếp.

III. VỀ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI VÀ THÔNG QUA HĐND CẤP XÃ, CẤP HUYỆN

1. Việc tổ chức lấy ý kiến cử tri về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã đã được các địa phương tổ chức ngày 20/4/2025 (Chủ nhật) tại 954 Tổ lấy ý kiến cử tri/954 thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi với 328.178 cử tri đại diện hộ gia đình tham gia ý kiến/350.307 cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách, tỷ lệ 93,68%. UBND tỉnh đã có Báo cáo số 86/BC-UBND ngày 22/4/2025 tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

2. Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 2788-CV/TU ngày 22/4/2025¹ và Kết luận số 2760-KL/TU ngày 24/4/2025 của Ban

¹ về Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và Đề án hợp nhất tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum

Thường vụ Tỉnh ủy²; các địa phương đã thực hiện rà soát, điều chỉnh tên gọi đối với 24 ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp thuộc 7 huyện³ (xác định lại tên gọi khác với tên gọi trong Đề án đã lấy ý kiến cử tri ngày 20/4/2025). Tổ chức lấy ý kiến cử tri vào ngày 23/4/2025 đối với điều chỉnh tên gọi của 24 ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp và tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với việc thành lập xã Tịnh Khê (mới) trên cơ sở sắp xếp xã Tịnh Kỳ, xã Tịnh Khê, xã Tịnh Long, xã Tịnh Thiện và xã Tịnh Châu vào chiều ngày 24/4/2025.

3. Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến cử tri, HĐND cấp xã, cấp huyện đã thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã vào ngày 24/4/2025 và ngày 25/4/2025 (có Báo cáo của UBND tỉnh tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của HĐND cấp huyện, cấp xã về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 kèm theo).

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi thực hiện theo đúng chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các quy định của pháp luật; phù hợp với nguyên tắc sắp xếp, mở rộng không gian phát triển cho đơn vị hành chính mới; góp phần tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động; cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; phù hợp với nhiệm vụ và định hướng phát triển của tỉnh Quảng Ngãi.

Để có cơ sở trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết tán thành chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 (có Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 kèm theo).

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- TT Đảng ủy UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC(Tr604).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Tuấn

² về dự thảo Đề án sắp xếp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum; tình hình thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

³ Huyện Tư Nghĩa điều chỉnh tên gọi của 3/4 ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

- Huyện Nghĩa Hành đề nghị điều chỉnh tên gọi của 4/4 ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

- Huyện Mộ Đức đề nghị điều chỉnh tên gọi của 4/4 ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

- Huyện Trà Bồng đề nghị điều chỉnh tên gọi của 5/6 ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

- Huyện Sơn Tây đề nghị điều chỉnh tên gọi của 2/3 ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

- Huyện Minh Long đề nghị điều chỉnh tên gọi của 2/2 ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

- Huyện Sơn Tịnh đề nghị điều chỉnh tên gọi của 4/4 ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHIẾU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2025
(Kèm theo Tờ trình số 81 /TT-UBND ngày 26 /4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Hiện trạng đơn vị hành chính				Phương án sắp xếp						
STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liên kế			
1	2	3	4	5	6	7	8			
1	Thành lập xã Tịnh Khê trên cơ sở nhập xã Tịnh Kỳ, xã Tịnh Khê, xã Tịnh Long, xã Tịnh Thiện và xã Tịnh Châu thuộc thành phố Quảng Ngãi									
	Xã Tịnh Kỳ	3,35424	11.377	Xã Tịnh Khê	46,04611	55.919	Phía Đông giáp biên Đông: phía Tây giáp phường Trương Quang Trọng (mới) và xã Thọ Phong (mới); phía Nam giáp xã An Phú (mới); phía Bắc giáp xã Đông Sơn (mới)			
	Xã Tịnh Khê	16,20328	17.254							
	Xã Tịnh Long	7,91757	10.111							
	Xã Tịnh Thiện	12,01916	9.224							
	Xã Tịnh Châu	6,55186	7.953							
2	Thành lập phường Trương Quang Trọng trên cơ sở nhập phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh An Tây, xã Tịnh An Đông và xã Tịnh An thuộc thành phố Quảng Ngãi									
	Phường Trương Quang Trọng	9,03963	20.898	Phường Trương Quang Trọng	34,64830	49.308	Phía Đông giáp xã Tịnh Khê (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tịnh (mới); phía Nam giáp phường Nghĩa Lộ (mới) và xã An Phú (mới); phía Bắc giáp xã Thọ Phong (mới)			
	Xã Tịnh An Tây	7,09728	11.475							
	Xã Tịnh An Đông	9,85896	6.836							
	Xã Tịnh An	8,65243	10.099							
3	Thành lập xã An Phú trên cơ sở nhập xã An Phú, xã Nghĩa Hà, xã Nghĩa Đông và xã Nghĩa Dũng thuộc thành phố Quảng Ngãi									
	Xã An Phú	7,69000	31.833	Xã An Phú	33,93273	71.426	Phía Đông giáp biên Đông: phía Tây giáp phường Cẩm Thành (mới); phía Nam giáp xã Tư Nghĩa (mới); phía Bắc giáp xã Tịnh Khê (mới) và phường Trương Quang Trọng (mới)			
	Xã Nghĩa Hà	13,83858	18.749							
	Xã Nghĩa Đông	6,21503	10.551							
	Xã Nghĩa Dũng	6,18912	10.293							
4	Thành lập phường Cẩm Thành trên cơ sở nhập phường Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Nghiêm, phường Chánh Lộ và phường Nghĩa Chánh thuộc thành phố Quảng Ngãi									
	Phường Nguyễn Nghiêm	0,52729	11.792	Phường Cẩm Thành	7,93408	60.996	Phía Đông giáp xã An Phú (mới); phía Tây giáp phường Nghĩa Lộ (mới); phía Nam giáp xã Tư Nghĩa (mới); phía Bắc giáp phường Nghĩa Lộ (mới)			
	Phường Trần Hưng Đạo	0,52536	12.661							
	Phường Nghĩa Chánh	4,33342	18.342							
	Phường Chánh Lộ	2,54801	18.201							

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp		
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)
5	Thành lập phường Nghĩa Lộ trên cơ sở nhập phường Lê Hồng Phong, phường Trần Phú, phường Quảng Phú và phường Nghĩa Lộ thuộc thành phố Quảng Ngãi					
	Phường Lê Hồng Phong	3,25226	10.197	Phường Nghĩa Lộ	17,07376	73.556
	Phường Trần Phú	2,55876	20.416			
	Phường Quảng Phú	7,30505	22.594			
	Phường Nghĩa Lộ	3,95769	20.349			
6	Thành lập phường Trà Cầu trên cơ sở nhập xã Phổ An, xã Phổ Thuận, phường Phổ Văn và phường Phổ Quang thuộc thị xã Đức Phổ					
	Xã Phổ An	18,24999	13.080	Phường Trà Cầu	54,46310	45.524
	Phường Phổ Văn	10,56403	10.326			
	Phường Phổ Quang	11,06179	9.973			
	Xã Phổ Thuận	14,58729	12.145			
7	Thành lập xã Nguyễn Nghiêm trên cơ sở nhập xã Phổ Phong và xã Phổ Nhơn thuộc thị xã Đức Phổ					
	Xã Phổ Nhơn	41,02341	7.335	Xã Nguyễn Nghiêm	95,33454	18.041
	Xã Phổ Phong	54,31113	10.706			
8	Thành lập phường Đức Phổ trên cơ sở nhập phường Phổ Hòa, phường Nguyễn Nghiêm, phường Phổ Ninh, phường Phổ Minh và phường Phổ Vinh thuộc thị xã Đức Phổ					
	Phường Phổ Hòa	16,37729	4.614	Phường Đức Phổ	69,32664	41.358
	Phường Nguyễn Nghiêm	5,61711	11.131			
	Phường Phổ Minh	9,10647	5.456			
	Phường Phổ Vinh	15,59115	9.465			
	Phường Phổ Ninh	22,63462	10.692			
9	Thành lập xã Khánh Cường trên cơ sở nhập xã Phổ Khánh và xã Phổ Cường thuộc thị xã Đức Phổ					
	Xã Phổ Khánh	55,91033	13.997	Xã Khánh Cường	103,97994	28.964
	Xã Phổ Cường	48,06961	14.967			
10	Thành lập phường Sa Huỳnh trên cơ sở nhập phường Phổ Thạnh và xã Phổ Châu thuộc thị xã Đức Phổ					
	Phường Phổ Thạnh	30,16842	25.879	Phường Sa Huỳnh	49,94836	32.396
	Xã Phổ Châu	19,77994	6.517			
11	Thành lập xã Bình Minh trên cơ sở nhập xã Bình Minh, xã Bình An và xã Bình Khương thuộc huyện Bình Sơn					

Hiện trạng đơn vị hành chính					Phương án sắp xếp		
STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liên kế
	Xã Bình Minh	42,11023	10.762	Xã Bình Minh	128,60469	19.673	Phía Đông giáp xã Bình Sơn (mới); phía Tây giáp xã Đông Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Bình Chương (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới)
	Xã Bình An	47,35232	3.962				
	Xã Bình Khương	39,14214	4.949				
12	Thành lập xã Bình Chương trên cơ sở nhập xã Bình Chương và xã Bình Mỹ thuộc huyện Bình Sơn						
	Xã Bình Chương	17,96140	7.910	Xã Bình Chương	30,78636	16.565	Phía Đông giáp xã Bình Sơn (mới) và xã Thọ Phong (mới); phía Tây giáp xã Đông Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Ba Gia (mới); phía Bắc giáp xã Bình Minh (mới) và xã Bình Sơn (mới)
	Xã Bình Mỹ	12,82496	8.655				
13	Thành lập xã Bình Sơn trên cơ sở nhập xã Bình Thạnh, xã Bình Chánh, xã Bình Dương, xã Bình Nguyên, xã Bình Trung, thị trấn Châu Ô và xã Bình Long thuộc huyện Bình Sơn						
	Xã Bình Thạnh	15,65352	17.067	Xã Bình Sơn	100,06782	89.058	Phía Đông giáp xã Vạn Tường (mới); phía Tây giáp xã Bình Minh (mới); phía Nam giáp xã Đông Sơn (mới) và xã Bình Chương (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới) và biển Đông
	Xã Bình Chánh	12,69774	15.717				
	Xã Bình Dương	8,79871	8.632				
	Xã Bình Nguyên	26,48617	11.416				
	Xã Bình Trung	14,53135	11.537				
	Thị trấn Châu Ô	8,21653	16.552				
	Xã Bình Long	13,68380	8.137				
14	Thành lập xã Vạn Tường trên cơ sở nhập xã Bình Thuận, xã Bình Đông, xã Bình Trị, xã Bình Hải, xã Bình Hòa và xã Bình Phước thuộc huyện Bình Sơn						
	Xã Bình Thuận	18,86953	9.583	Xã Vạn Tường	109,27807	60.612	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Bình Sơn (mới); phía Nam giáp xã Đông Sơn (mới); phía Bắc giáp biển Đông
	Xã Bình Đông	13,50536	12.622				
	Xã Bình Trị	18,37567	8.975				
	Xã Bình Hải	13,33214	14.491				
	Xã Bình Hòa	21,61479	7.100				
	Xã Bình Phước	23,58058	7.841				
15	Thành lập xã Đông Sơn trên cơ sở nhập xã Bình Hiệp, xã Bình Thạnh, xã Bình Tân Phú, xã Bình Châu thuộc huyện Bình Sơn và xã Tịnh Hòa thuộc thành phố Quảng Ngãi						
	Xã Bình Hiệp	13,73621	7.665	Xã Đông Sơn	115,82671	56.334	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Thọ Phong (mới); phía Nam giáp biển Đông và xã Tịnh Khê (mới); phía Bắc giáp xã Vạn Tường (mới) và xã Bình Sơn (mới)
	Xã Bình Thạnh	26,43445	8.327				
	Xã Bình Tân Phú	38,57552	9.347				
	Xã Bình Châu	19,36934	17.433				
	Xã Tịnh Hòa	17,71119	13.562				

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp			
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liên kế
16	Thành lập xã Trường Giang trên cơ sở nhập xã Tịnh Giang, xã Tịnh Đông và xã Tịnh Minh thuộc huyện Sơn Tịnh						
	Xã Tịnh Giang	17,14455	8.146	Xã Trường Giang	51,30199	22.047	Phía Đông giáp xã Ba Gia (mới) và xã Sơn Tịnh (mới); phía Tây giáp xã Sơn Hạ (mới) và xã Cà Đam (mới); phía Nam giáp xã Trà Giang (mới) và xã Sơn Hạ (mới); phía Bắc giáp xã Ba Gia (mới) và xã Đông Trà Bồng (mới)
	Xã Tịnh Đông	24,86630	7.672				
	Xã Tịnh Minh	9,29114	6.229				
17	Thành lập xã Ba Gia trên cơ sở nhập xã Tịnh Bắc, xã Tịnh Hiệp và xã Tịnh Trà thuộc huyện Sơn Tịnh						
	Xã Tịnh Bắc	8,80617	5.852	Xã Ba Gia	66,13601	21.511	Phía Đông giáp xã Sơn Tịnh (mới) và xã Thọ Phong (mới); phía Tây giáp xã Trường Giang (mới) và xã Đông Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Trường Giang (mới) và xã Sơn Tịnh (mới); phía Bắc giáp xã Bình Chương (mới).
	Xã Tịnh Hiệp	35,83117	9.657				
	Xã Tịnh Trà	21,49867	6.002				
18	Thành lập xã Sơn Tịnh trên cơ sở nhập xã Tịnh Bình, xã Tịnh Sơn và thị trấn Tịnh Hà thuộc huyện Sơn Tịnh						
	Xã Tịnh Bình	25,24458	11.788	Xã Sơn Tịnh	59,78458	42.380	Phía Đông giáp xã Thọ Phong (mới) và phường Trương Quang Trọng (mới); phía Tây giáp xã Ba Gia (mới) và xã Trường Giang (mới); phía Nam giáp xã Nghĩa Giang (mới), xã Trà Giang (mới) và phường Nghĩa Lộ (mới); phía Bắc giáp xã Ba Gia (mới) và xã Thọ Phong (mới).
	Xã Tịnh Sơn	14,36000	9.731				
	Thị trấn Tịnh Hà	20,18000	20.861				
19	Thành lập xã Thọ Phong trên cơ sở nhập xã Tịnh Phong và xã Tịnh Thọ thuộc huyện Sơn Tịnh						
	Xã Tịnh Phong	27,55949	13.234	Xã Thọ Phong	66,64076	27.787	Phía Đông giáp xã Đông Sơn (mới) và xã Tịnh Khê (mới); phía Tây giáp xã Ba Gia (mới), xã Sơn Tịnh (mới) và xã Bình Chương (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tịnh (mới) và phường Trương Quang Trọng (mới); phía Bắc giáp xã Đông Sơn (mới) và xã Bình Chương (mới)
	Xã Tịnh Thọ	39,08127	14.553				
20	Thành lập xã Tư Nghĩa trên cơ sở nhập xã Nghĩa Trung, thị trấn La Hà, xã Nghĩa Hòa và xã Nghĩa Thương thuộc huyện Tư Nghĩa						
	Thị trấn La Hà	4,66844	12.176	Xã Tư Nghĩa	41,93318	59.172	Phía Đông giáp xã An Phú (mới); phía Tây giáp xã Nghĩa Giang (mới) và xã Nghĩa Hành (mới); phía Nam giáp xã Vệ Giang (mới) và xã Nghĩa Hành (mới); phía Bắc giáp phường Nghĩa Lộ (mới), phường Cẩm Thành (mới) và xã An Phú (mới)
	Xã Nghĩa Trung	12,89611	15.549				
	Xã Nghĩa Thương	14,50453	16.400				
	Xã Nghĩa Hòa	9,86410	15.047				
21	Thành lập xã Vệ Giang trên cơ sở nhập xã Nghĩa Hiệp, thị trấn Sông Vệ và xã Nghĩa Phương thuộc huyện Tư Nghĩa						
	Xã Nghĩa Hiệp	10,47753	13.487	Xã Vệ Giang	24,20753	38.683	Phía Đông giáp xã Long Phụng (mới); phía Tây giáp xã Nghĩa Hành (mới) và xã Đình Cương (mới); phía Nam giáp xã Long Phụng (mới) và xã Đình Cương (mới); phía Bắc giáp xã Tư Nghĩa (mới)
	Thị trấn Sông Vệ	6,42000	14.830				
	Xã Nghĩa Phương	7,31000	10.366				

Hiện trạng đơn vị hành chính					Phương án sắp xếp		
STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liên kế
22	Thành lập xã Nghĩa Giang trên cơ sở nhập xã Nghĩa Thuận, xã Nghĩa Kỳ và xã Nghĩa Điền thuộc huyện Tư Nghĩa						
	Xã Nghĩa Thuận	15,04160	8.975	Xã Nghĩa Giang	47,74004	39.371	Phía Đông giáp phường Nghĩa Lộ (mới) và xã Tư Nghĩa (mới); phía Tây giáp xã Trà Giang (mới); phía Nam giáp xã Nghĩa Hành (mới) và xã Phước Giang (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Tịnh (mới)
	Xã Nghĩa Kỳ	25,52676	20.547				
	Xã Nghĩa Điền	7,17168	9.849				
23	Thành lập xã Trà Giang trên cơ sở nhập xã Nghĩa Sơn, xã Nghĩa Lâm và xã Nghĩa Thắng thuộc huyện Tư Nghĩa						
	Xã Nghĩa Sơn	37,90355	1.274	Xã Trà Giang	91,72208	20.801	Phía Đông giáp xã Nghĩa Giang (mới) và xã Phước Giang (mới); phía Tây giáp xã Trường Giang (mới) và xã Sơn Hạ (mới); phía Nam giáp xã Sơn Mai (mới); phía Bắc giáp xã Trường Giang (mới) và xã Sơn Tịnh (mới)
	Xã Nghĩa Lâm	14,55973	7.595				
	Xã Nghĩa Thắng	39,25880	11.932				
24	Thành lập xã Nghĩa Hành trên cơ sở nhập xã Hành Thuận, thị trấn Chợ Chùa và xã Hành Trung thuộc huyện Nghĩa Hành						
	Xã Hành Thuận	8,40413	9.121	Xã Nghĩa Hành	24,40032	31.533	Phía Đông giáp xã Tư Nghĩa (mới) và xã Vệ Giang (mới); phía Tây giáp xã Phước Giang (mới); phía Nam giáp xã Đình Cương (mới); phía Bắc giáp xã Tư Nghĩa (mới) và xã Nghĩa Giang (mới)
	Thị Trấn Chợ Chùa	7,53460	12.374				
	Xã Hành Trung	8,46159	10.038				
25	Thành lập xã Đình Cương trên cơ sở nhập xã Hành Đức, xã Hành Phước và xã Hành Thịnh thuộc huyện Nghĩa Hành						
	Xã Hành Đức	16,48036	12.124	Xã Đình Cương	53,96211	36.083	Phía Đông giáp xã Long Phụng (mới) và xã Mộ Đức (mới); phía Tây giáp xã Thiện Tín (mới) và xã Phước Giang (mới); phía Nam giáp xã Mộ Đức (mới) và xã Thiện Tín (mới); phía Bắc giáp xã Nghĩa Hành (mới) và xã Vệ Giang (mới)
	Xã Hành Phước	16,85688	14.340				
	Xã Hành Thịnh	20,62487	9.619				
26	Thành lập xã Thiện Tín trên cơ sở nhập xã Hành Thiện, xã Hành Tín Tây và xã Hành Tín Đông thuộc huyện Nghĩa Hành						
	Xã Hành Thiện	25,28092	7.502	Xã Thiện Tín	99,10045	17.357	Phía Đông giáp xã Mộ Đức (mới), xã Đình Cương (mới) và xã Nguyễn Nghiêm (mới); phía Tây giáp xã Minh Long (mới) và xã Sơn Mai (mới); phía Nam giáp xã Ba Động (mới) và xã Ba Vinh (mới); phía Bắc giáp xã Đình Cương (mới) và xã Phước Giang (mới)
	Xã Hành Tín Tây	39,18419	5.212				
	Xã Hành Tín Đông	34,63534	4.643				
27	Thành lập xã Phước Giang trên cơ sở nhập xã Hành Đông, xã Hành Nhân và xã Hành Minh thuộc huyện Nghĩa Hành						
	Xã Hành Đông	29,88350	8.213	Xã Phước Giang	57,02263	23.842	Phía Đông giáp xã Nghĩa Hành (mới) và xã Đình Cương (mới); phía Tây giáp xã Sơn Mai (mới) và xã Trà Giang (mới); phía Nam giáp xã Sơn Mai (mới) và xã Thiện Tín (mới); phía Bắc giáp xã Nghĩa Giang (mới)
	Xã Hành Nhân	17,54173	8.950				
	Xã Hành Minh	9,59740	6.679				
28	Thành lập xã Long Phụng trên cơ sở nhập xã Thắng Lợi, xã Đức Nhuận và xã Đức Hiệp thuộc huyện Mộ Đức						

Hiện trạng đơn vị hành chính		Phương án sắp xếp					
STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liên kế
	Xã Thắng Lợi	16,38000	16.763	Xã Long Phụng	36,10214	39.973	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Định Cường (mới) và xã Vệ Giang (mới); phía Nam giáp xã Mỏ Cày (mới) và xã Mộ Đức (mới); phía Bắc giáp xã Vệ Giang (mới)
	Xã Đức Nhuận	10,63481	14.635				
	Xã Đức Hiệp	9,08733	8.575				
29	Thành lập xã Mỏ Cày trên cơ sở nhập xã Đức Chánh, xã Đức Thạnh và xã Đức Minh thuộc huyện Mộ Đức						
	Xã Đức Chánh	19,12484	18.993	Xã Mỏ Cày	44,79727	38.587	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Mộ Đức (mới) và xã Long Phụng (mới); phía Nam giáp xã Lân Phong (mới) và xã Mộ Đức (mới); phía Bắc giáp xã Long Phụng (mới)
	Xã Đức Thạnh	9,36461	9.749				
	Xã Đức Minh	16,30782	9.845				
30	Thành lập xã Mộ Đức trên cơ sở nhập xã Đức Hòa, xã Đức Phú, xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức thuộc huyện Mộ Đức						
	Xã Đức Hòa	13,54999	11.465	Xã Mộ Đức	76,16838	35.895	Phía Đông giáp xã Mỏ Cày (mới) và xã Lân Phong (mới); phía Tây giáp xã Thiện Tín (mới); phía Nam giáp xã Lân Phong (mới); phía Bắc giáp xã Long Phụng (mới), xã Mỏ Cày (mới) và xã Định Cường (mới)
	Xã Đức Phú	42,43992	8.555				
	Xã Đức Tân	11,46132	7.469				
	Thị trấn Mộ Đức	8,71715	8.406				
31	Thành lập xã Lân Phong trên cơ sở nhập xã Đức Phong và xã Đức Lân thuộc huyện Mộ Đức						
	Xã Đức Phong	27,13613	19.970	Xã Lân Phong	57,01159	36.123	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Mộ Đức (mới); phía Nam giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới) và phường Trà Cầu (mới); phía Bắc giáp xã Mộ Đức (mới) và xã Mỏ Cày (mới)
	Xã Đức Lân	29,87546	16.153				
32	Thành lập xã Trà Bồng trên cơ sở nhập thị trấn Trà Xuân, xã Trà Sơn và xã Trà Thủy thuộc huyện Trà Bồng						
	Thị trấn Trà Xuân	5,93266	8.747	Xã Trà Bồng	139,42766	18.926	Phía Đông giáp xã Đông Trà Bồng (mới); phía Tây giáp xã Thanh Bồng (mới); phía Nam giáp xã Cà Đam (mới) và xã Tây Trà Bồng (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới)
	Xã Trà Sơn	57,35420	6.240				
	Xã Trà Thủy	76,14080	3.939				
33	Thành lập xã Đông Trà Bồng trên cơ sở nhập xã Trà Bình, xã Trà Phú và xã Trà Giang thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Trà Bình	21,84035	5.728	Xã Đông Trà Bồng	74,82853	11.197	Phía Đông giáp xã Bình Chương (mới), xã Bình Minh (mới) và xã Ba Gia (mới); phía Tây giáp xã Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Cà Đam (mới) và xã Trường Giang (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới)
	Xã Trà Phú	15,91060	4.816				
	Xã Trà Giang	37,07758	653				
34	Thành lập xã Tây Trà trên cơ sở nhập xã Sơn Trà, xã Trà Phong và xã Trà Xinh thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Sơn Trà	49,90162	4.312	Xã Tây Trà	170,86227	11.617	Phía Đông giáp xã Tây Trà Bồng (mới) và xã Thanh Bồng (mới); phía Tây giáp thành phố Đà Nẵng (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Sơn Hà (mới); phía Bắc giáp xã Thanh Bồng (mới)
	Xã Trà Phong	40,35403	4.902				
	Xã Trà Xinh	80,60662	2.403				

Đơn vị hành chính liên kế

Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Đinh Cương (mới) và xã Vệ Giang (mới); phía Nam giáp xã Mỏ Cày (mới) và xã Mộ Đức (mới); phía Bắc giáp xã Vệ Giang (mới)

Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Mộ Đức (mới) và xã Long Phụng (mới); phía Nam giáp xã Lân Phong (mới) và xã Mộ Đức (mới); phía Bắc giáp xã Long Phụng (mới)

Phía Đông giáp xã Mỏ Cày (mới) và xã Lân Phong (mới); phía Tây giáp xã Thiện Tín (mới); phía Nam giáp xã Lân Phong (mới); phía Bắc giáp xã Long Phụng (mới), xã Mỏ Cày (mới) và xã Đinh Cương (mới)

Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Mộ Đức (mới); phía Nam giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới) và phường Trà Cầu (mới); phía Bắc giáp xã Mộ Đức (mới) và xã Mỏ Cày (mới)

Phía Đông giáp xã Đông Trà Bồng (mới); phía Tây giáp xã Thanh Bồng (mới); phía Nam giáp xã Cà Đam (mới) và xã Trà Bồng (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới)

Phía Đông giáp xã Bình Chương (mới), xã Bình Minh (mới) và xã Ba Gia (mới); phía Tây giáp xã Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Cà Đam (mới) và xã Trường Giang (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới)

Phía Đông giáp xã Tây Trà Bồng (mới) và xã Thanh Bồng (mới); phía Tây giáp thành phố Đà Nẵng (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Sơn Hà (mới); phía Bắc giáp xã Thanh Bồng (mới)

Hiện trạng đơn vị hành chính				Phương án sắp xếp			
STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liên kế
35	Thành lập xã Cà Dam trên cơ sở nhập xã Trà Tân và 52,9908 km ² , quy mô dân số 1.815 người của xã Trà Búi (gồm 4 thôn Niên, Tây, Tang, Quế) của xã Trà Búi thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Trà Tân	59,35972	2.521				
	DTTN 52,9908 km ² và QMDS 1.815 người của 4 thôn: Niên, Tây, Tang, Quế) xã Trà Búi	52,99080	1.815	Xã Cà Dam	112,35052	4.336	Phía Đông giáp xã Trường Giang (mới); phía Tây giáp xã Tây Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Sơn Hà (mới) và xã Sơn Hạ (mới); phía Bắc giáp xã Trà Bồng (mới) và xã Đông Trà Bồng (mới)
36	Thành lập xã Thanh Bồng trên cơ sở nhập xã Trà Lâm, xã Trà Hiệp và xã Trà Thanh thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Trà Lâm	34,66508	2.315				
	Xã Trà Hiệp	49,97195	2.398	Xã Thanh Bồng	133,88495	7.426	Phía Đông giáp xã Trà Bồng (mới); phía Tây giáp xã Tây Trà (mới) và thành phố Đà Nẵng (mới); phía Nam giáp xã Tây Trà Bồng (mới) và xã Tây Trà (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới)
	Xã Trà Thanh	49,24792	2.713				
37	Thành lập xã Tây Trà Bồng trên cơ sở nhập xã Hương Trà, xã Trà Tây và một phần diện tích tự nhiên là 10 km ² , quy mô dân số là 382 người của xã Trà Búi (gồm thôn Nước Nĩa của xã Trà Búi) thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Hương Trà	49,47508	4.607				
	Xã Trà Tây	69,57808	3.089				
	DTTN 10km ² và QMDS 382 người thôn Nước Nĩa của xã Trà Búi	10,00000	382	Xã Tây Trà Bồng	129,05316	8.078	Phía Đông giáp xã Cà Dam (mới); phía Tây giáp xã Tây Trà (mới); phía Nam giáp xã Sơn Hà (mới); phía Bắc giáp xã Thanh Bồng (mới) và xã Trà Bồng (mới)
38	Thành lập xã Sơn Hạ trên cơ sở nhập xã Sơn Hạ, xã Sơn Nham và xã Sơn Thành thuộc huyện Sơn Hà						
	Xã Sơn Hạ	39,73643	10.816				
	Xã Sơn Nham	65,82086	5.146	Xã Sơn Hạ	154,28944	24.775	Phía Đông giáp xã Trà Giang (mới); phía Tây giáp xã Sơn Hà (mới); phía Nam giáp xã Sơn Linh (mới) và xã Sơn Mai (mới); phía Bắc giáp xã Cà Dam (mới) và xã Trường Giang (mới)
	Xã Sơn Thành	48,73215	8.813				
39	Thành lập xã Sơn Linh trên cơ sở nhập xã Sơn Giang, xã Sơn Linh và xã Sơn Cao thuộc huyện Sơn Hà						
	Xã Sơn Giang	26,16237	5.328				
	Xã Sơn Linh	64,21397	6.086	Xã Sơn Linh	126,69744	17.139	Phía Đông giáp xã Sơn Mai (mới); phía Tây giáp xã Sơn Thủy (mới); phía Nam giáp xã Sơn Thủy (mới) và xã Minh Long (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Hạ (mới)
	Xã Sơn Cao	36,32110	5.725				
40	Thành lập xã Sơn Hà trên cơ sở nhập thị trấn Di Lăng, xã Sơn Bao và xã Sơn Thượng thuộc huyện Sơn Hà						
	Thị trấn Di Lăng	56,76197	10.632				
	Xã Sơn Bao	68,31945	4.771	Xã Sơn Hà	163,43834	20.326	Phía Đông giáp xã Sơn Hạ (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Sơn Tây (mới); phía Nam giáp xã Sơn Thủy (mới) và xã Sơn Tây Hạ (mới); phía Bắc giáp xã Tây Trà Bồng (mới), xã Tây Trà (mới) và xã Cà Dam (mới)
	Xã Sơn Thượng	38,35692	4.923				

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp		
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)
41	Thành lập xã Sơn Thủy trên cơ sở nhập xã Sơn Trung, xã Sơn Hải và xã Sơn Thủy thuộc huyện Sơn Hà					
	Xã Sơn Trung	27,07154	3.867	Xã Sơn Thủy	95,76813	12.658
	Xã Sơn Hải	24,35369	3.449			
	Xã Sơn Thủy	44,34290	5.342			
42	Thành lập xã Sơn Kỳ trên cơ sở nhập xã Sơn Kỳ và xã Sơn Ba thuộc huyện Sơn Hà					
	Xã Sơn Kỳ	142,94906	7.568	Xã Sơn Kỳ	188,06978	12.070
	Xã Sơn Ba	45,12072	4.502			
43	Thành lập xã Sơn Tây trên cơ sở nhập xã Sơn Long, xã Sơn Tân và xã Sơn Dung thuộc huyện Sơn Tây					
	Xã Sơn Long	48,41132	2.252	Xã Sơn Tây	127,06171	9.832
	Xã Sơn Tân	33,50095	3.168			
	Xã Sơn Dung	45,14944	4.412			
44	Thành lập xã Sơn Tây Thượng trên cơ sở nhập xã Sơn Mùa, xã Sơn Liên và xã Sơn Bua thuộc huyện Sơn Tây					
	Xã Sơn Mùa	40,67403	3.685	Xã Sơn Tây Thượng	122,42836	7.421
	Xã Sơn Liên	30,77682	1.746			
	Xã Sơn Bua	50,97751	1.990			
45	Thành lập xã Sơn Tây Hạ trên cơ sở nhập xã Sơn Tinh, xã Sơn Lập và xã Sơn Màu thuộc huyện Sơn Tây					
	Xã Sơn Tinh	49,99513	2.519	Xã Sơn Tây Hạ	136,14676	5.690
	Xã Sơn Lập	46,51041	1.382			
	Xã Sơn Màu	39,64122	1.789			
46	Thành lập xã Minh Long trên cơ sở nhập xã Long Hiệp, xã Thanh An và xã Long Môn thuộc huyện Minh Long					
	Xã Long Hiệp	17,31441	4.905	Xã Minh Long	124,73945	10.085
	Xã Thanh An	37,94991	3.652			
	Xã Long Môn	69,47513	1.528			
47	Thành lập xã Sơn Mai trên cơ sở nhập xã Long Mai và xã Long Sơn thuộc huyện Minh Long					

Đơn vị hành chính liền kề

Phía Đông giáp xã Sơn Linh (mới) và xã Minh Long (mới); phía Tây giáp xã Sơn Hà (mới) và xã Sơn Tây Hạ (mới); phía Nam giáp xã Sơn Kỳ (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Hà (mới) và xã Sơn Hạ (mới)

Phía Đông giáp xã Minh Long (mới) và xã Ba Dinh (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây Hạ (mới); phía Nam giáp xã Ba Vi (mới) và xã Kon PLông (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Thủy (mới)

Phía Đông giáp xã Sơn Tây Hạ (mới) và xã Sơn Hà (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Măng Bút (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tây Hạ (mới) và xã Kon PLông (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Sơn Hà (mới)

Phía Đông giáp xã Sơn Tây (mới); phía Tây giáp thành phố Đà Nẵng (mới) và xã Măng Bút (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tây (mới); phía Bắc giáp xã Tây Trà (mới) và xã Sơn Hà (mới)

Phía Đông giáp xã Sơn Thủy (mới) và xã Sơn Kỳ (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây (mới); phía Nam giáp xã Sơn Kỳ (mới) và xã Kon PLông (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Tây (mới) và xã Sơn Hà (mới)

Phía Đông giáp xã Thiện Tín (mới); phía Tây giáp xã Sơn Kỳ (mới), xã Sơn Thủy (mới) và xã Sơn Linh (mới); phía Nam giáp xã Ba Vinh (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Mai (mới)

Hiện trạng đơn vị hành chính					Phương án sắp xếp		
STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liên kế
	Xã Long Mai	37,10369	4.247	Xã Sơn Mai	112,55724	9.892	Phía Đông giáp xã Thiện Tín (mới); phía Tây giáp xã Sơn Linh (mới); phía Nam giáp Minh Long (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Hạ (mới), xã Trà Giang (mới) và xã Phước Giang (mới)
	Xã Long Sơn	75,45355	5.645				
48	Thành lập xã Ba Vi trên cơ sở nhập xã Ba Vi, xã Ba Tiêu và xã Ba Ngạc thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Tiêu	40,67683	2.712	Xã Ba Vi	125,40245	11.372	Phía Đông giáp xã Ba Dinh (mới) và xã Ba Tô (mới); phía Tây giáp xã Kon Plông (mới); phía Nam giáp xã Ba Xa; phía Bắc giáp xã Sơn Kỳ (mới)
	Xã Ba Ngạc	42,22597	3.464				
	Xã Ba Vi	42,49965	5.196				
49	Thành lập xã Ba Tô trên cơ sở nhập xã Ba Tô, xã Ba Nam và xã Ba Lê thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Tô	59,15164	6.582	Xã Ba Tô	274,39618	9.555	Phía Đông giáp xã Ba Dinh (mới) và tỉnh Gia Lai (mới); phía Tây giáp xã: Ba Xa, Ba Vi (mới); phía Nam giáp tỉnh Gia Lai (mới); phía Bắc giáp xã Ba Dinh (mới)
	Xã Ba Nam	120,12551	1.093				
	Xã Ba Lê	95,11903	1.880				
50	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Dinh	43,21734	5.535	Xã Ba Dinh	97,04831	7.257	Phía Đông giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Ba Vinh (mới); phía Tây giáp xã Ba Tô (mới), xã Ba Vi (mới) và xã Sơn Kỳ (mới); phía Nam giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Ba Tô (mới); phía Bắc giáp xã Ba Vinh (mới) và xã Minh Long (mới)
	Xã Ba Giang	53,83097	1.722				
51	Thành lập xã Ba Tơ trên cơ sở nhập thị trấn Ba Tơ, xã Ba Bích và xã Ba Cung thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Bích	58,75847	2.343	Xã Ba Tơ	120,91234	12.263	Phía Đông giáp xã Đặng Thủy Trâm (mới) và xã Ba Động (mới); phía Tây giáp xã Ba Dinh (mới); phía Nam giáp xã Ba Tô (mới); phía Bắc giáp xã Ba Vinh (mới) và xã Ba Động (mới)
	Thị trấn Ba Tơ	32,05334	7.579				
	Xã Ba Cung	30,10053	2.341				
52	Thành lập xã Ba Vinh trên cơ sở nhập xã Ba Điền và xã Ba Vinh thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Điền	44,42298	1.735	Xã Ba Vinh	115,00002	6.425	Phía Đông giáp xã Ba Động (mới); phía Tây giáp xã Ba Dinh (mới); phía Nam giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Ba Dinh (mới); phía Bắc giáp xã Minh Long (mới) và xã Thiện Tín (mới)
	Xã Ba Vinh	70,57704	4.690				
53	Thành lập xã Ba Động trên cơ sở nhập xã Ba Liên, xã Ba Thành và xã Ba Động thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Liên	41,25979	1.489	Xã Ba Động	103,00837	7.688	Phía Đông giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới); phía Tây giáp xã Ba Vinh (mới); phía Nam giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Đặng Thủy Trâm (mới); phía Bắc giáp xã Thiện Tín (mới)
	Xã Ba Thành	46,52876	3.344				
	Xã Ba Động	15,21982	2.855				
54	Thành lập xã Đặng Thủy Trâm trên cơ sở nhập xã Xã Ba Trang và xã Ba Khâm thuộc huyện Ba Tơ						

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp		
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)
	Xã Ba Trang	147,65984	2.565	Xã Đặng Thùy Trâm	199,40256	4.494
	Xã Ba Khâm	51,74272	1.929			
				Đơn vị hành chính liên kề		
	Phía Đông giáp phường Đức Phổ (mới) và xã Khánh Cường (mới); phía Tây giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Ba Tô (mới); phía Nam giáp tỉnh Gia Lai (mới); phía Bắc giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới) và xã Ba Động (mới)					



ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2025
(Kèm theo Tờ trình số 81 /TTr-UBND ngày 26/4/2025 của UBND tỉnh)

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

UBND tỉnh Quảng Ngãi xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính (viết tắt là ĐVHC) cấp xã tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, cụ thể như sau:

Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
4. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.
5. Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.
6. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025.
7. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022).

8. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.

9. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

10. Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

1. Quảng Ngãi là tỉnh nằm ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, có tọa độ địa lý 14°32'04" đến 15°25'00" vĩ độ Bắc và từ 108°06'00" đến 109°04'00" kinh độ Đông. Phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai, phía Nam giáp tỉnh Bình Định, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam.

Tỉnh Quảng Ngãi nằm ở vị trí trung độ của cả nước (cách Thủ đô Hà Nội 883 km về phía Bắc và cách thành phố Hồ Chí Minh 838 km về phía Nam) và nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Quảng Ngãi có các tuyến giao thông kết nối quan trọng như Quốc lộ 1, Quốc lộ 24, cao tốc Bắc - Nam (đoạn nối Đà Nẵng - Bình Định) và đường sắt Bắc - Nam, kết nối theo hướng Bắc - Nam với hai vùng kinh tế quan trọng bậc nhất và lớn nhất cả nước: vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, kết nối theo hướng Đông - Tây với các tỉnh Tây nguyên, Lào và Đông Bắc Thái Lan. Xét vị trí trong môi liên hệ liên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Quảng Ngãi cách sân bay Chu Lai (Quảng Nam) khoảng 40 km, cách sân bay quốc tế Đà Nẵng khoảng 150 km, cách sân bay Phù Cát (Bình Định) khoảng 150 km; cách các trung tâm đô thị lớn là thành phố Đà Nẵng khoảng 150 km, thành phố Hội An khoảng 130 km, thành phố Tam Kỳ khoảng 70 km, thành phố Quy Nhơn khoảng 175 km, thành phố Nha Trang hơn 380 km, thành phố Phan Rang hơn 470 km và thành phố Phan Thiết hơn 600 km. Trong môi liên hệ vùng Tây Nguyên, Quảng Ngãi cách thành phố Kon Tum khoảng 190 km, thành phố Pleiku khoảng 230 km, thành phố Buôn Ma Thuột hơn 400 km và thành phố Đà Lạt hơn 520 km.

Với những ưu thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, tiềm năng kinh tế - xã hội và chính sách lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, Quảng Ngãi sẽ tiếp tục phấn đấu là tỉnh phát triển khá của cả nước, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước, tập trung phát triển kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, từng bước hình thành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung như định hướng Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đề ra.

2. Chính quyền địa phương của tỉnh hiện nay có quá trình hình thành, phát triển gắn với quá trình tổ chức đơn vị hành chính 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) ổn định xuyên suốt từ thời kỳ đầu thành lập nước đến nay, cơ bản bảo đảm sự kế thừa, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, lịch sử, văn hoá của mỗi đơn

vị hành chính. Đặc biệt, trong thời điểm bối cảnh đất nước bắt đầu công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, tình hình chính trị trong nước và quốc tế có nhiều biến động, điều kiện kinh tế xã hội còn gặp nhiều khó khăn, hạ tầng kỹ thuật còn thiếu thốn thì việc tổ chức chính quyền địa phương theo 03 cấp đơn vị hành chính và xu hướng chia tách đơn vị hành chính để thuận lợi cho công tác quản lý dân cư, quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn từng đơn vị hành chính, tạo điều kiện cho vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa được ưu tiên bố trí nguồn lực cho phát triển, đồng thời bảo đảm khả năng kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên đối với cơ quan nhà nước cấp dưới.

Quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi diễn ra nhiều giai đoạn, việc các ĐVHC sau khi chia, tách, thành lập mới được tập trung quan tâm đầu tư đúng hướng, đã thúc đẩy sự phát triển về kinh tế - xã hội, hạ tầng cơ sở được đầu tư đồng bộ, hiện đại; năng lực quản lý của bộ máy nhà nước ngày càng tốt, gần dân, sát với dân hơn; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được củng cố. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, do yêu cầu quá trình đô thị hóa các vùng nông thôn đã thành lập mới các ĐVHC đô thị nhằm xây dựng mô hình tổ chức chính quyền phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh.

Tuy nhiên, việc chia nhỏ ĐVHC và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 03 cấp đã làm phát sinh những bất cập, làm phân tán nguồn lực, tiềm năng của các địa phương cho phát triển, làm tăng số lượng các cơ quan quản lý, tăng số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức, người lao động... dẫn đến bộ máy chính quyền địa phương nói riêng và hệ thống chính trị các cấp nói chung chồng chéo, làm lãng phí nguồn ngân sách nhà nước. Nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương có sự trùng lặp giữa cấp huyện với cấp tỉnh và cấp xã.

3. Trong bối cảnh bộ máy nhà nước đang đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số thì nhiều hoạt động hành chính truyền thống đã được số hoá và triển khai thực hiện trên môi trường mạng. Chuyển đổi số gắn với chuyển đổi quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp giải quyết thủ tục hành chính, không phụ thuộc vào ranh giới địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Đồng thời, việc tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính giúp đơn giản hoá trình tự, thủ tục thực hiện công việc của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần tăng năng suất và hiệu quả công việc. Nhiều công việc quản lý trung gian được thay thế bằng hệ thống phần mềm điện tử, giúp tổ chức vận hành hiệu quả hơn mà không cần nhiều tổ chức và biên chế.

4. Thực hiện Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ

Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đã yêu cầu: Nghiên cứu định hướng không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Từ tình hình thực tiễn và các căn cứ nêu trên, để tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW, Kết luận số 126-KL/TW và Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các văn bản liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương trong kỷ nguyên mới, phù hợp với xu thế chung của cả nước thì việc xây dựng “**Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025**” là cần thiết.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

I. TỈNH QUẢNG NGÃI

1. Diện tích tự nhiên: 5.155,2484 km².

2. Quy mô dân số: 1.532.488 người¹ (*Quy mô dân số là dân số thường trú và dân số tạm trú*); trong đó, dân số là người dân tộc thiểu số: 218.745 người, tỷ lệ 14.24%.

3. Số lượng ĐVHC cấp huyện: Tỉnh Quảng Ngãi có 13 ĐVHC cấp huyện, gồm: 11 huyện (5 huyện đồng bằng², 5 huyện miền núi³ và 1 huyện hải đảo⁴); 1 thị xã⁵ và 1 thành phố⁶.

4. Số lượng ĐVHC cấp xã

4.1. Số lượng ĐVHC cấp xã: 170 ĐVHC, gồm: 144 xã, 17 phường và 09 thị trấn.

4.2. Tổng số xã miền núi, vùng cao: 78 ĐVHC (21 xã miền núi và 57 xã vùng cao).

4.3. Xã An toàn khu: 05 ĐVHC.

4.4. Xã đặc biệt khó khăn: 50 ĐVHC.

4.5. Xã nông thôn mới: 93 ĐVHC; trong đó có 12 xã nông thôn mới nâng cao⁷.

(cụ thể có Phụ lục I kèm theo)

¹ Số liệu về diện tích tự nhiên, quy mô dân số tính đến thời điểm 31/12/2024 do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh cung cấp tại Công văn số 110/SNNMT-VPĐKD ngày 07/3/2025 và Công an tỉnh cung cấp tại Công văn số 2025/CAT-QLHC (Đ1) ngày 13/4/2025

² Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức

³ Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà, Minh Long

⁴ Lý Sơn

⁵ Thị xã Đức Phổ

⁶ Thành phố Quảng Ngãi

⁷ Xã Bình Dương, xã Bình Trị, xã Bình Thạnh; xã Đức Tân, xã Đức Thạnh; xã Phổ An, Phổ Thuận; xã Tịnh Khê, xã Tịnh Kỳ, xã Tịnh Châu, Nghĩa Hiệp, Đức Minh.

II. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP: 169 ĐVHC

III. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP XÃ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP: 01 ĐVHC

1. Số lượng ĐVHC cấp xã đủ tiêu chuẩn không phải thực hiện sắp xếp: **01** đơn vị

Xã Ba Xa, thuộc huyện Ba Tư có diện tích tự nhiên 102,7867 km² (đạt 205,573% so với quy định) và quy mô dân số 5.452 người (đạt 109,040% so với quy định) theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

2. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù: Không.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

I. PHƯƠNG ÁN ĐỐI VỚI HUYỆN ĐẢO LÝ SƠN

Chuyển nguyên trạng huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành đơn vị hành chính cấp xã có tên gọi là đặc khu.

1. Tên gọi sau sắp xếp: Đặc khu Lý Sơn.

2. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC sau sắp xếp: Trung tâm chính trị - hành chính huyện hiện nay.

3. Diện tích tự nhiên: **10,3986 km²**

4. Quy mô dân số: **25.639 người**

5. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đặc khu Lý Sơn là hải đảo, cách biệt với đất liền nên không giáp với đơn vị hành chính liền kề.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Thành lập **xã Tịnh Khê** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 5 ĐVHC cấp xã: Xã Tịnh Kỳ, xã Tịnh Khê, xã Tịnh Long, xã Tịnh Thiện và xã Tịnh Châu thuộc thành phố Quảng Ngãi.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tịnh Khê có: diện tích tự nhiên 46,04611 km² (đạt 153,487% so với quy định), quy mô dân số 55.919 người (đạt 349,494% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp phường Trương Quang Trọng (mới) và xã Thọ Phong (mới); phía Nam giáp xã An Phú (mới); phía Bắc giáp xã Đông Sơn (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Tịnh Khê hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp 5 xã nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền

kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã Tịnh Khê hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Tịnh Khê phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân. Ngoài ra, tên gọi "Tịnh Khê" còn mang giá trị lịch sử và văn hóa, là một trong những căn cứ địa cách mạng quan trọng, nơi đây đã từng là điểm liên lạc của các chiến sĩ cách mạng, nơi ẩn náu của lực lượng du kích, nơi có Rừng dừa nước đóng vai trò chiến lược, giúp bảo vệ và hỗ trợ các hoạt động kháng chiến của quân dân địa phương.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại xã Tịnh Khê hiện nay phù hợp, Tịnh Khê là trung tâm giữa các xã thực hiện sắp xếp, thuận lợi giao thông, liên kết các xã lân cận.

2. Thành lập Phường Trương Quang Trọng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 4 ĐVHC cấp xã: Phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh Ấn Tây, xã Tịnh Ấn Đông và xã Tịnh An thuộc thành phố Quảng Ngãi.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Trương Quang Trọng có: diện tích tự nhiên 34,6483 km² (đạt 629,969% so với quy định), quy mô dân số 49.308 người (đạt 234,800% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Tịnh Khê (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tịnh (mới); phía Nam giáp phường Nghĩa Lộ (mới) và xã An Phú (mới); phía Bắc giáp xã Thọ Phong (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Phường Trương Quang Trọng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp 4 phường, xã nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Phường Trương Quang Trọng hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi Phường Trương Quang Trọng phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân; mang giá trị lịch sử ghi nhớ công lao của Bí thư Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi - Trương Quang Trọng, ông là người làng Phú Nhơn, phường Trương Quang Trọng hiện nay, bia mộ của ông hiện cũng tọa lạc tại phường Trương Quang Trọng.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại phường Trương Quang Trọng hiện nay thuận lợi

giao thông, liên kết các xã lân cận, trụ sở mới được sửa chữa năm 2024, đáp ứng nhu cầu bố trí phòng làm việc khi tăng số lượng cán bộ, công chức sau sắp xếp.

3. Thành lập xã An Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 4 ĐVHC cấp xã: Xã An Phú, xã Nghĩa Hà, xã Nghĩa Đồng và xã Nghĩa Dũng thuộc thành phố Quảng Ngãi.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã An Phú có: diện tích tự nhiên 33,93273 km² (đạt 113,109% so với quy định), quy mô dân số 71.426 người (đạt 446,413% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp phường Cẩm Thành (mới); phía Nam giáp xã Tư Nghĩa (mới); phía Bắc giáp xã Tịnh Khê (mới) và phường Trương Quang Trọng (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Nghĩa Dũng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp 4 xã nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liên kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã An Phú hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã An Phú phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân. Ngoài ra, tên gọi “An Phú” tạo sự hài hòa, gắn bó, đoàn kết tình cảm, thể hiện tâm nguyện của người dân địa phương về một vùng đất an bình, thịnh vượng, sung túc, hướng đến một tương lai phát triển tốt đẹp cho người dân.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại xã Nghĩa Dũng hiện nay thuận lợi giao thông, liên kết các xã lân cận, trụ sở có diện tích rộng và có khả năng mở rộng đáp ứng bố trí phòng làm việc sau sắp xếp.

4. Thành lập phường Cẩm Thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 4 ĐVHC cấp xã: Phường Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Nghiêm, phường Chánh Lộ và phường Nghĩa Chánh thuộc thành phố Quảng Ngãi.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Cẩm Thành có: diện tích tự nhiên 7,93408 km² (đạt 144,256% so với quy định), quy mô dân số 60.996 người (đạt 290,457% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã An Phú (mới); phía Tây giáp phường Nghĩa Lộ (mới); phía Nam giáp xã Tư Nghĩa (mới); phía Bắc giáp phường Nghĩa Lộ (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Phường Nguyễn Nghiêm hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau

sắp xếp

Việc sắp xếp 4 phường nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Phường Cẩm Thành hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi phường Cẩm Thành phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm ghi nhớ vùng đất thành cổ Quảng Ngãi, do nhà Nguyễn xây dựng năm 1807, hoàn thành năm 1815. Người xưa cho rằng địa cuộc nơi đây tụ hội khí thiêng, văn mạch của miền đất núi Ân, sông Trà nên Cẩm Thành trở thành địa danh văn hóa của Quảng Ngãi. Qua nhiều thăng trầm lịch sử, khi tòa thành không còn nữa, mỹ từ Cẩm Thành vẫn tiếp tục tồn tại mang theo niềm tự hào của một vùng văn hóa địa linh, nhân kiệt.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại phường Nguyễn Nghiêm hiện nay thuận lợi giao thông, liên kết các đơn vị lân cận, trụ sở có diện tích rộng nhất trong các đơn vị thực hiện sắp xếp, thuận lợi trong việc bố trí phòng làm việc sau sắp xếp.

5. Thành lập phường Nghĩa Lộ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 4 ĐVHC cấp xã: Phường Lê Hồng Phong, Phường Trần Phú, phường Quảng Phú và phường Nghĩa Lộ thuộc thành phố Quảng Ngãi.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Nghĩa Lộ có: diện tích tự nhiên 17,07376 km² (đạt 310,432% so với quy định), quy mô dân số 73.556 người (đạt 350,267% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp phường Cẩm Thành (mới); phía Tây giáp xã Nghĩa Giang (mới); phía Nam giáp xã Tư Nghĩa (mới) và xã Nghĩa Giang (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Tịnh (mới) và phường Trương Quang Trọng (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Phường Nghĩa Lộ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp 4 phường nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Phường Nghĩa Lộ hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi phường Nghĩa Lộ phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân; lưu giữ lịch sử tên vùng đất Nghĩa Lộ có quá trình hình thành và phát triển lâu đời, gắn với quá trình hình thành và phát triển thành phố Quảng Ngãi. Qua nhiều giai đoạn lịch

sử, có lúc sáp nhập thị xã Quảng Ngãi vào xã Nghĩa Lộ thuộc huyện Tư Nghĩa, rồi tái lập thị xã Quảng Ngãi; hợp nhất, rồi chia tách tỉnh Quảng Ngãi; chia tách xã Nghĩa Lộ thì tên ĐVHC xã Nghĩa Lộ vẫn liên tục được kế thừa và tồn tại cho đến hiện nay.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại phường Nghĩa Lộ hiện nay thuận lợi giao thông kết nối các đơn vị lân cận, là trung tâm giữa các đơn vị thực hiện sắp xếp và có trụ sở diện tích rộng, thuận lợi khi bố trí làm việc sau sắp xếp.

6. Thành lập phường Trà Câu trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 4 ĐVHC cấp xã: Xã Phổ An, xã Phổ Thuận, phường Phổ Văn và phường Phổ Quang thuộc thị xã Đức Phổ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Trà Câu có: diện tích tự nhiên 54,4631 km² (đạt 990,238% so với quy định), quy mô dân số 45.524 người (đạt 216,781% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới); phía Nam giáp phường Đức Phổ (mới); phía Bắc giáp xã Lâm Phong (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Phường Phổ Văn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp 4 ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Phường Trà Câu hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc đặt tên phường Trà Câu phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, Trà Câu là tên địa danh có từ lâu đời, khi nói đến Trà Câu là người dân sinh sống ở địa phương biết đến thuộc thị xã Đức Phổ hiện nay; có dòng sông Trà Câu chảy từ thượng nguồn qua phường Phổ Văn hiện nay và về cửa biển Mỹ Á hoàn với dòng sông Thoá, song trườn ra biển Đông.

Trụ sở đặt tại phường Phổ Văn hiện nay do có hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ, hệ thống giao thông thuận lợi, có đường Quốc lộ 1 đi qua; tiếp giáp với các vùng lân cận (phường Đức Phổ (mới), xã Nguyễn Nghiêm (mới)), có hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị hành chính mới.

7. Thành lập Xã Nguyễn Nghiêm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 2 ĐVHC cấp xã: Xã Phổ Phong và xã Phổ Nhơn thuộc thị xã Đức Phổ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nguyễn Nghiêm có: diện tích tự nhiên 95,33454 km² (đạt 95,335% so với quy định), quy mô dân số 18.041 người (đạt 360,820% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp phường Trà Câu (mới) và phường Đức Phổ (mới); phía Tây giáp xã Thiện Tín (mới) và xã Ba Động (mới); phía Nam giáp xã Đặng Thùy Trâm (mới); phía Bắc giáp xã Lâm Phong (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Phổ Nhơn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp 2 xã nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; 02 ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, truyền thống lịch sử, văn hóa tương đồng; có quy mô, tiềm năng, lợi thế và trình độ phát triển kinh tế phù hợp. 02 xã Phổ Phong và xã Phổ Nhơn có vị trí biệt lập về giao thông, không có đường giao thông kết nối với đơn vị hành chính xã miền núi liền kề (xã Ba Khâm). Đối với xã Phổ Thuận liền kề với xã Phổ Phong, Phổ Nhơn có địa hình khá cách trở, tiếp giáp chủ yếu với xã Phổ Phong dãy núi Sương Rồng và tiếp giáp một phần nhỏ với xã Phổ Nhơn qua dòng sông Trà Câu, trong khi xã Phổ Thuận tiếp giáp với phường Phổ Văn và xã Phổ An có địa giới đan xen nhau; do đó khi nhập xã: Phổ Nhơn, Phổ Phong với xã Phổ Thuận hoặc nhập xã: Phổ Nhơn, Phổ Phong với xã Ba Khâm đều không thuận lợi. Tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện sắp xếp giảm gần 70% số lượng ĐVHC cấp xã so với số ĐVHC cấp xã hiện nay, đảm bảo mục tiêu sắp xếp ĐVHC theo quy định; vì vậy, kính đề nghị cấp thẩm quyền xem xét việc thành lập xã Nguyễn Nghiêm.

Việc đặt tên Xã Nguyễn Nghiêm phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, xã Phổ Phong hiện nay gắn với người chiến sỹ cách mạng Nguyễn Nghiêm, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi đầu tiên, là nơi sinh của đồng chí Nguyễn Nghiêm và cũng là nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi.

Trụ sở đặt tại xã Phổ Nhơn hiện nay vì thuận lợi giao thông, kết nối các xã lân cận; có cơ sở hạ tầng đáp ứng hoạt động của ĐVHC mới.

8. Thành lập phường Đức Phổ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 5 ĐVHC cấp xã: Phường Phổ Hòa, Phường Nguyễn Nghiêm, phường Phổ Ninh, phường Phổ Minh và phường Phổ Vinh thuộc thị xã Đức Phổ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Đức Phổ có: diện tích tự nhiên 69,32664 km² (đạt 1260,484% so với quy định), quy mô dân số 41.358 người (đạt 196,943% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới) và xã Đặng Thùy Trâm (mới); phía Nam giáp xã Khánh Cường (mới); phía Bắc giáp phường Trà Câu (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Phường Nguyễn Nghiêm hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; các ĐVHC có địa giới hành chính liên kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Phường Đức Phổ hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc đặt tên phường Đức Phổ phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, phường Nguyễn Nghiêm hiện nay là trung tâm hành chính của thị xã Đức Phổ, do đó việc đặt tên phường Đức Phổ cho đơn vị hành chính mới được hình thành từ 05 đơn vị hành chính hiện nay thuộc thị xã Đức Phổ nhằm lưu giữ tên gọi của thị xã Đức Phổ và có ý nghĩa lịch sử.

Trụ sở đặt tại phường Nguyễn Nghiêm hiện nay vì phường Nguyễn Nghiêm có hệ thống hạ tầng thương mại, dịch vụ, hệ thống giao thông thuận lợi, kế thừa từ trung tâm hành chính của thị xã Đức Phổ hiện nay; hạ tầng đô thị ổn định, có không gian phát triển, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị hành chính mới.

9. Thành lập xã Khánh Cường trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 2 ĐVHC cấp xã: xã Phổ Khánh và xã Phổ Cường thuộc thị xã Đức Phổ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Khánh Cường có: diện tích tự nhiên 103,97994 km² (đạt 346,600% so với quy định), quy mô dân số 28.964 người (đạt 181,025% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Đặng Thùy Trâm (mới) và tỉnh Gia Lai (mới); phía Nam giáp phường Sa Huỳnh (mới); phía Bắc giáp phường Đức Phổ (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Phổ Cường hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liên kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã Khánh Cường hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số.

Việc đặt tên xã Khánh Cường phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm lưu giữ lại tên gọi của 02 ĐVHC xã trước sắp xếp và thể hiện sự phát triển, thịnh vượng của ĐVHC mới.

Trụ sở đặt tại xã Phổ Cường hiện nay vì hệ thống giao thông thuận lợi, có đường Quốc lộ 1, đường sắt Bắc - Nam; tiếp giáp với các vùng lân cận có hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển, có không gian phát triển phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị hành chính mới.

10. Thành lập phường Sa Huỳnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự

nhiên, quy mô dân số của 2 ĐVHC cấp xã: Phường Phổ Thạnh và xã Phổ Châu thuộc thị xã Đức Phổ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Sa Huỳnh có: diện tích tự nhiên 49,94836 km² (đạt 908,152% so với quy định), quy mô dân số 32.396 người (đạt 154,267% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây và phía Nam giáp tỉnh Gia Lai (mới); phía Bắc giáp xã Khánh Cường (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Phường Phổ Thạnh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; xã Phổ Châu và phường Phổ Thạnh được tách ra từ 01 ĐVHC trước đây, các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Phường Sa Huỳnh hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc đặt tên phường Sa Huỳnh phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, Sa Huỳnh là địa danh có từ lâu đời, gắn với Phổ Thạnh, nơi có di chỉ văn hóa Sa Huỳnh được Thủ tướng Chính phủ công nhận di tích Quốc gia.

Trụ sở đặt tại phường Phổ Thạnh hiện nay vì Phổ Thạnh là nơi tập trung đông dân cư, cơ sở hạ tầng phát triển, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị hành chính mới.

11. Thành lập xã Bình Minh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Bình Minh, xã Bình An và xã Bình Khương thuộc huyện Bình Sơn.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Bình Minh có: diện tích tự nhiên 128,60469 km² (đạt 428,682% so với quy định), quy mô dân số 19.673 người (đạt 122,956% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Bình Sơn (mới); phía Tây giáp xã Đông Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Bình Chương (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Bình Minh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã Bình Minh hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Bình Minh phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt

tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân.

Trụ sở ĐVHC mới nằm tại xã Bình Minh hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, nằm vị trí trung tâm, có không gian phát triển, hình thành trung tâm chính trị, kinh tế xã mới; có quỹ đất để đầu tư, xây dựng trung tâm hành chính xã.

12. Thành lập xã Bình Chương trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 2 ĐVHC cấp xã: Xã Bình Chương và xã Bình Mỹ thuộc huyện Bình Sơn.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Bình Chương có: diện tích tự nhiên 30,78636 km² (đạt 102,621% so với quy định), quy mô dân số 16.565 người (đạt 103,531% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Bình Sơn (mới) và xã Thọ Phong (mới); phía Tây giáp xã Đông Trà Bông (mới); phía Nam giáp xã Ba Gia (mới); phía Bắc giáp xã Bình Minh (mới) và xã Bình Sơn (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Bình Chương hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã Bình Chương hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Bình Chương phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân và gắn với yếu tố lịch sử hình thành tên đơn vị hành chính trước đây (theo lịch sử Đảng bộ huyện Bình Sơn giai đoạn 1930-1975, tháng 02/1946, các thôn An Phong, Phước Tích, Thạch An, Ngọc Trì, An Diêm sáp nhập thành xã Bình Chương).

Trụ sở ĐVHC mới nằm tại xã Bình Chương hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận; có vị trí trung tâm, có không gian phát triển, hình thành trung tâm chính trị, kinh tế xã mới; cơ sở vật chất trụ sở xã Bình Chương vừa mới được đầu tư xây dựng mới, bước đầu có thể đáp ứng yêu cầu làm việc ngay và có thể mở rộng, đầu tư sau này.

13. Thành lập xã Bình Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 7 ĐVHC cấp xã: Xã Bình Thạnh, xã Bình Chánh, xã Bình Dương, xã Bình Nguyên, xã Bình Trung, thị trấn Châu Ổ và xã Bình Long thuộc huyện Bình Sơn.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Bình Sơn có: diện tích tự nhiên 100,06782 km² (đạt 333,559% so với quy định), quy mô dân số 89.058 người (đạt 556,613% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Vạn Tường (mới); phía Tây giáp xã Bình Minh (mới); phía Nam giáp xã Đông Sơn (mới) và xã Bình Chương (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới) và biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm Hành chính - Chính trị huyện Bình Sơn (thị trấn Châu Ô hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và định hướng, mở rộng không gian phát triển quy hoạch xây dựng Khu kinh tế Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045 theo Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045. Xã Bình Sơn hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Bình Sơn phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại tên của ĐVHC huyện Bình Sơn (trước sắp xếp), mang giá trị lịch sử, văn hóa của huyện (*Bình Sơn là huyện được hình thành tên gọi từ năm Hồng Đức thứ 2 (1471) theo chiều dài lịch sử của Đảng bộ huyện Bình Sơn*).

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại thị trấn Châu Ô hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, là trung tâm phát triển theo hướng đô thị theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025 và nhằm tiếp tục định hướng phát triển đô thị trong tương lai; có sẵn cơ sở vật chất của Trung tâm hành chính huyện hiện có.

14. Thành lập xã Vạn Tường trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 6 ĐVHC cấp xã: Xã Bình Thuận, xã Bình Đông, xã Bình Trị, xã Bình Hải, xã Bình Hòa và xã Bình Phước thuộc huyện Bình Sơn.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Vạn Tường có: diện tích tự nhiên 109,27807 km² (đạt 364,260% so với quy định), quy mô dân số 60.612 người (đạt 378,825% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Bình Sơn (mới); phía Nam giáp xã Đông Sơn (mới); phía Bắc giáp biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Bình Trị hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành

chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và định hướng, mở rộng không gian phát triển quy hoạch xây dựng Khu kinh tế Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045 theo Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045. Xã Vạn Tường hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Vạn Tường phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, mang giá trị lịch sử, văn hóa của huyện với chiến tích lịch sử Vạn Tường tại xã Bình Hải, huyện Bình Sơn.

Trụ sở ĐVHC mới nằm tại xã Bình Trị hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, là vị trí trung tâm giữa các xã thực hiện sắp xếp; hiện tại có cơ sở vật chất tương đối khang trang, bước đầu đáp ứng được cơ bản yêu cầu của Trung tâm hành chính xã; có quỹ đất và không gian phù hợp để mở rộng đầu tư tập trung.

15. Thành lập xã Đông Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 5 ĐVHC cấp xã: Xã Bình Hiệp, xã Bình Thanh, xã Bình Tân Phú, xã Bình Châu thuộc huyện Bình Sơn và xã Tịnh Hòa thuộc thành phố Quảng Ngãi.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đông Sơn có: diện tích tự nhiên 115,82671 km² (đạt 386,089% so với quy định), quy mô dân số 56.334 người (đạt 352,088% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Thọ Phong (mới); phía Nam giáp biển Đông và xã Tịnh Khê (mới); phía Bắc giáp xã Vạn Tường (mới) và xã Bình Sơn (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Bình Tân Phú hiện nay (Bình Phú cũ).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và định hướng, mở rộng không gian phát triển quy hoạch xây dựng Khu kinh tế Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045 theo Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045. Xã Đông Sơn hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Đông Sơn phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, việc lấy tên xã Đông Sơn gắn với lịch sử của Đảng bộ huyện Bình Sơn giai đoạn 1930-1975 (ngày 05/8/1970,

Tỉnh ủy quyết định tách 3 xã: Bình Châu, Bình Tân, Bình Phú cùng với các xã Đông Sơn Tịnh thành lập huyện Đông Sơn).

Trụ sở ĐVHC mới nằm tại xã Bình Tân Phú hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận là vị trí trung tâm giữa các xã thực hiện sắp xếp; có quỹ đất và không gian phù hợp để mở rộng đầu tư tập trung; hiện tại có cơ sở vật chất đảm bảo để làm trung tâm xã Đông Sơn.

16. Thành lập xã Trường Giang trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: xã Tịnh Giang, xã Tịnh Đông và xã Tịnh Minh thuộc huyện Sơn Tịnh.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trường Giang có: diện tích tự nhiên 51,30199 km² (đạt 171,007% so với quy định), quy mô dân số 22.047 người (đạt 137,794% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Ba Gia (mới) và xã Sơn Tịnh (mới); phía Tây giáp xã Sơn Hạ (mới) và xã Cà Đam (mới); phía Nam giáp xã Trà Giang (mới) và xã Sơn Hạ (mới); phía Bắc giáp xã Ba Gia (mới) và xã Đông Trà Bồng (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Tịnh Đông hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liên kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã Trường Giang hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Trường Giang phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, 03 xã Tịnh Giang, Tịnh Đông, Tịnh Minh có vị trí địa lý nằm dọc theo con Sông Trà; người dân nơi đây đồng thuận thống nhất ý kiến chọn tên xã Trường Giang để đặt cho 03 xã sau sáp nhập.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại xã Tịnh Đông hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, có vị trí trung tâm giữa 3 xã thực hiện sắp xếp (Tịnh Đông, Tịnh Giang, Tịnh Minh), thuận lợi cho người dân, tổ chức liên hệ công tác.

17. Thành lập xã Ba Gia trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Tịnh Bắc, xã Tịnh Hiệp và xã Tịnh Trà thuộc huyện Sơn Tịnh.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Ba Gia có: diện tích tự nhiên 66,13601 km² (đạt 220,453% so với quy định), quy mô dân số 21.511 người (đạt 134,444% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Sơn Tịnh (mới) và xã

Thọ Phong (mới); phía Tây giáp xã Trường Giang (mới) và xã Đông Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Trường Giang (mới) và xã Sơn Tịnh (mới); phía Bắc giáp xã Bình Chương (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Tịnh Bắc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã Ba Gia hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Ba Gia phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Năm 1965, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, quân và dân ta mở nhiều đợt tiến công, nhằm làm tiêu hao sinh lực địch đã giành nhiều thắng lợi; trong đó, có chiến thắng Ba Gia, là một thắng lợi to lớn góp phần đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ trên chiến trường Quảng Ngãi. Việc đặt tên xã Ba Gia để tỏ lòng ghi nhớ công ơn, tự hào về các Anh hùng đã làm nên lịch sử Chiến thắng Ba Gia.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại xã Tịnh Bắc hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, là trung tâm kinh tế, y tế, giáo dục của vùng, có trục đường liên huyện Ba Gia - An Điem, thuận lợi cho người dân, tổ chức liên hệ công tác.

18. Thành lập xã Sơn Tịnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Tịnh Bình, xã Tịnh Sơn và thị trấn Tịnh Hà thuộc huyện Sơn Tịnh.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sơn Tịnh có: diện tích tự nhiên 59,78458 km² (đạt 199,282% so với quy định), quy mô dân số 42.380 người (đạt 264,875% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Thọ Phong (mới) và phường Trương Quang Trọng (mới); phía Tây giáp xã Ba Gia (mới) và xã Trường Giang (mới); phía Nam giáp xã Nghĩa Giang (mới), xã Trà Giang (mới) và phường Nghĩa Lộ (mới); phía Bắc giáp xã Ba Gia (mới) và xã Thọ Phong (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm Chính trị - Hành chính huyện (thị trấn Tịnh Hà) hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã Sơn Tịnh hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo

quy định.

Việc lấy tên gọi xã Sơn Tịnh phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, 03 xã, thị trấn này nằm ở vị trí trung tâm, vùng lõi của huyện Sơn Tịnh nên việc đặt tên xã Sơn Tịnh để lưu giữ hình ảnh, tên gọi gợi nhớ về huyện sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại thị trấn Tịnh Hà hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, nằm tại vị trí trung tâm chính trị - hành chính huyện hiện nay, thuận lợi cho người dân, tổ chức liên hệ công tác; tận dụng hệ thống hạ tầng đã đầu tư xây dựng, khang trang.

19. Thành lập xã Thọ Phong trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 2 ĐVHC cấp xã: Xã Tịnh Phong và xã Tịnh Thọ thuộc huyện Sơn Tịnh.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thọ Phong có: diện tích tự nhiên 66,64076 km² (đạt 222,135% so với quy định), quy mô dân số 27.787 người (đạt 173,669% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Đông Sơn (mới) và xã Tịnh Khê (mới); phía Tây giáp xã Ba Gia (mới), xã Sơn Tịnh (mới) và xã Bình Chương (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tịnh (mới) và phường Trương Quang Trọng (mới); phía Bắc giáp xã Đông Sơn (mới) và xã Bình Chương (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Tịnh Phong hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liên kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và định hướng, mở rộng không gian phát triển quy hoạch xây dựng Khu kinh tế Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045 theo Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045. Xã Thọ Phong hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Thọ Phong phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Đây là sự kết hợp hợp lý giữa hai xã cũ (Tịnh Thọ, Tịnh Phong) vừa giữ được yếu tố lịch sử (tên gốc), vừa mang giá trị hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển bền vững và giàu bản sắc.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại xã Tịnh Phong hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, có vị trí tương đối trung tâm giữa 02 xã thực hiện sắp xếp (Tịnh Phong, Tịnh Thọ) và có cơ sở, vật chất tương đối khang trang, thuận lợi cho người dân, tổ chức liên hệ công tác.

20. Thành lập xã Tư Nghĩa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên,

quy mô dân số của 4 ĐVHC cấp xã: Xã Nghĩa Trung, thị trấn La Hà, xã Nghĩa Hòa và xã Nghĩa Thương thuộc huyện Tư Nghĩa.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tư Nghĩa có: diện tích tự nhiên 41,93318 km² (đạt 139,777% so với quy định), quy mô dân số 59.172 người (đạt 369,825% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã An Phú (mới); phía Tây giáp xã Nghĩa Giang (mới) và xã Nghĩa Hành (mới); phía Nam giáp xã Vệ Giang (mới) và xã Nghĩa Hành (mới); phía Bắc giáp phường Nghĩa Lộ (mới), phường Cẩm Thành (mới) và xã An Phú (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm Chính trị - Hành chính huyện (thị trấn La Hà hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã Tư Nghĩa hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Tư Nghĩa phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, giữ lại tên của ĐVHC huyện Tư Nghĩa (trước sắp xếp) để đặt tên cho các xã trung tâm của huyện hiện nay.

Trụ sở ĐVHC đặt tại thị trấn La Hà hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, là vị trí trung tâm giữa 4 ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện, có Quốc lộ 1A, đường dẫn cao tốc và các tuyến đường phụ cận kết nối giao thông với phía nam thành phố Quảng Ngãi đi qua; thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc đi lại và thực hiện các giao dịch.

21. Thành lập xã Vệ Giang trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Nghĩa Hiệp, thị trấn Sông Vệ và xã Nghĩa Phương thuộc huyện Tư Nghĩa.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Vệ Giang có: diện tích tự nhiên 24,20753 km² (đạt 80,692% so với quy định), quy mô dân số 38.683 người (đạt 241,769% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Long Phụng (mới); phía Tây giáp xã Nghĩa Hành (mới) và xã Đình Cương (mới); phía Nam giáp xã Long Phụng (mới) và xã Đình Cương (mới); phía Bắc giáp xã Tư Nghĩa (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Thị trấn Sông Vệ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp

xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã Vệ Giang hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (sắp xếp từ 3 ĐVHC cấp xã trở lên thành ĐVHC mới).

Việc lấy tên gọi xã Vệ Giang phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Cả 03 địa phương này đều nằm dọc lưu vực Sông Vệ, sử dụng nguồn nước từ Sông Vệ. Người dân mưu sinh bằng nghề nuôi trồng và sử dụng nguồn nước từ dòng Sông Vệ, được dòng sông chở che, đùm bọc, bảo vệ cho dân cư nơi đây; đồng thời thể hiện nét cổ kính thanh bình và văn hóa. Do đó, việc đặt tên Vệ Giang để gợi nhớ dòng sông nổi tiếng hiện nay của tỉnh Quảng Ngãi.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại thị trấn Sông Vệ hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, là vị trí trung tâm giữa 3 xã thực hiện sắp xếp, là xã có diện tích và quy mô dân số lớn; là trung tâm kinh tế, văn hóa phía nam của huyện Tư Nghĩa, có Quốc lộ 1A và các tuyến đường liên huyện như Nghĩa Hành, Mộ Đức kết nối đi qua.

22. Thành lập xã Nghĩa Giang trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Nghĩa Thuận, xã Nghĩa Kỳ và xã Nghĩa Điền thuộc huyện Tư Nghĩa.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nghĩa Giang có: diện tích tự nhiên 47,74004 km² (đạt 159,133% so với quy định), quy mô dân số 39.371 người (đạt 246,069% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp phường Nghĩa Lộ (mới) và xã Tư Nghĩa (mới); phía Tây giáp xã Trà Giang (mới); phía Nam giáp xã Nghĩa Hành (mới) và xã Phước Giang (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Tịnh (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Nghĩa Kỳ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã Nghĩa Giang hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Nghĩa Giang phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Nghĩa Giang là tên gọi đầu tiên của huyện Tư Nghĩa hiện nay, có ý nghĩa “nghĩa khí như sông lớn” để nhớ đến lịch sử, truyền thống của huyện nhà.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại xã Nghĩa Kỳ hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, là vị trí trung tâm giữa 3 xã thực hiện sắp xếp, là xã có diện tích và quy mô dân số đông nhất; nơi tập trung các cơ quan, đơn vị của Trung ương, của tỉnh; có đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi,

đường Tỉnh lộ 623B đi qua và các tuyến đường phục vụ quốc phòng khác; thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc đi lại và thực hiện các giao dịch.

23. Thành lập xã Trà Giang trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: xã Nghĩa Sơn, xã Nghĩa Lâm và xã Nghĩa Thắng thuộc huyện Tư Nghĩa.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trà Giang có: diện tích tự nhiên 91,72208 km² (đạt 305,740% so với quy định), quy mô dân số 20.801 người (đạt 130,006% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Nghĩa Giang (mới) và xã Phước Giang (mới); phía Tây giáp xã Trường Giang (mới) và xã Sơn Hạ (mới); phía Nam giáp xã Sơn Mai (mới); phía Bắc giáp xã Trường Giang (mới) và xã Sơn Tịnh (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Nghĩa Thắng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã Trà Giang hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Trà Giang phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Nguyên trước đây Nghĩa Sơn tách ra từ xã Nghĩa Lâm; xã Nghĩa Lâm và xã Nghĩa Thắng là 02 xã chạy dọc bờ nam Sông Trà, người dân sinh sống lâu đời từ việc nuôi trồng trên dòng sông và sử dụng nguồn nước sông này. Vì vậy, đặt tên Trà Giang để gợi nhớ tên Sông Trà nổi tiếng hiện nay của tỉnh Quảng Ngãi.

Trụ sở ĐVHC mới nằm tại xã Nghĩa Thắng hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, có diện tích và quy mô dân số đông, có đường Tỉnh lộ 623B và các tuyến đường quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế xã hội đi qua; trụ sở xã Nghĩa Thắng được đầu tư nâng cấp, mở rộng năm 2021 đủ điều kiện làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức.

24. Thành lập xã Nghĩa Hành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Hành Thuận, thị trấn Chợ Chùa và xã Hành Trung thuộc huyện Nghĩa Hành.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nghĩa Hành có: diện tích tự nhiên 24,40032 km² (đạt 81,334% so với quy định), quy mô dân số 31.533 người (đạt 197,081% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Tư Nghĩa (mới) và xã Vệ Giang (mới); phía Tây giáp xã Phước Giang (mới); phía Nam giáp xã Đình Cương (mới); phía Bắc giáp xã Tư Nghĩa (mới) và xã Nghĩa Giang (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND huyện Nghĩa Hành hiện nay (thị trấn Chợ Chùa).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; sắp xếp 3 ĐVHC cấp xã thành một ĐVHC mới đảm bảo về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của các ĐVHC liền kề, mở rộng không gian phát triển cho đơn vị hành chính mới. Xã Nghĩa Hành hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (sắp xếp từ 3 ĐVHC cấp xã trở lên thành ĐVHC mới).

Việc lấy tên gọi xã Nghĩa Hành phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, giữ lại tên của ĐVHC huyện Nghĩa Hành (trước sắp xếp) có ý nghĩa lịch sử từ thời Nhà Nguyễn, cụ thể vào năm Minh Mạng thứ 13 (1832) nên gắn bó với người dân từ rất lâu đời, ngoài ra tên gọi Nghĩa Hành có ý nghĩa như hành động theo đạo nghĩa, thực thi lễ phải, sống có đạo nghĩa. Tên gọi này thể hiện tinh thần đạo lý, khát vọng về một vùng đất sống theo nhân nghĩa, giàu truyền thống văn hoá và đạo đức.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại thị trấn Chợ Chùa hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, có vị trí trung tâm giữa 3 ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp (Hành Thuận, thị trấn Chợ Chùa, Hành Trung), thuận lợi cho người dân, tổ chức liên hệ công tác.

25. Thành lập xã Đình Cương trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Hành Đức, xã Hành Phước và xã Hành Thịnh thuộc huyện Nghĩa Hành.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đình Cương có: diện tích tự nhiên 53,96211 km² (đạt 179,874% so với quy định), quy mô dân số 36.083 người (đạt 225,519% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Long Phụng (mới) và xã Mộ Đức (mới); phía Tây giáp xã Thiện Tín (mới) và xã Phước Giang (mới); phía Nam giáp xã Mộ Đức (mới) và xã Thiện Tín (mới); phía Bắc giáp xã Nghĩa Hành (mới) và xã Vệ Giang (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Hành Phước hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; sắp xếp 3 xã thành một xã đảm bảo về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của các ĐVHC liền kề, mở rộng không gian phát triển cho đơn vị hành chính mới. Xã Đình Cương hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Đình Cương phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt

tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, Đình Cương không chỉ là một tên gọi, mà còn mang giá trị lịch sử, văn hóa của huyện với di tích chiến thắng Đình Cương - di tích lịch sử cấp quốc gia. Việc lấy tên di tích làm tên xã mới có giá trị tôn vinh quá khứ, khơi dậy lòng tự hào và tạo sự gắn kết cộng đồng.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại xã Hành Phước hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, có vị trí trung tâm giữa 3 xã thực hiện sắp xếp (Hành Đức, Hành Phước, Hành Thịnh), thuận lợi cho người dân, tổ chức liên hệ công tác.

26. Thành lập xã Thiện Tín trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Hành Thiện, xã Hành Tín Tây và xã Hành Tín Đông thuộc huyện Nghĩa Hành.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thiện Tín có: diện tích tự nhiên 99,10045 km² (đạt 99,100% so với quy định), quy mô dân số 17.357 người (đạt 347,140% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Mộ Đức (mới), xã Đình Cương (mới) và xã Nguyễn Nghiêm (mới); phía Tây giáp xã Minh Long (mới) và xã Sơn Mai (mới); phía Nam giáp xã Ba Động (mới) và xã Ba Vinh (mới); phía Bắc giáp xã Đình Cương (mới) và xã Phước Giang (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Hành Thiện hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; sắp xếp 3 xã thành một xã đảm bảo về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của các ĐVHC có liên kề, mở rộng không gian phát triển cho đơn vị hành chính mới. Xã Thiện Tín hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (sắp xếp từ 3 ĐVHC cấp xã trở lên thành ĐVHC mới).

Việc lấy tên gọi xã Thiện Tín phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, Thiện Tín là sự kết hợp hài hòa giữa ba xã gốc, vừa giữ được cội nguồn, vừa thể hiện những giá trị đạo đức tích cực, gợi lên một vùng đất hiền hòa, đáng tin cậy, nơi con người sống tử tế, đoàn kết, có đạo lý.

Thiện Tín bao quát đầy đủ tên ba xã gốc mà không ưu ái bên nào, phù hợp với truyền thống văn hóa, cách mạng, lòng trung nghĩa của khu vực Hành Tín – Hành Thiện.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại xã Hành Thiện hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, có vị trí trung tâm giữa 3 xã thực hiện sắp xếp (Hành Thiện, Hành Tín Tây, Hành Tín Đông), thuận lợi cho người dân, tổ chức liên hệ công tác.

27. Thành lập xã Phước Giang trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Hành Dũng, xã Hành Nhân và xã Hành Minh thuộc huyện Nghĩa Hành.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phước Giang có: diện tích tự nhiên 57,02263 km² (đạt 190,075% so với quy định), quy mô dân số 23.842 người (đạt 149,013% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Nghĩa Hành (mới) và xã Đình Cương (mới); phía Tây giáp xã Sơn Mai (mới) và xã Trà Giang (mới); phía Nam giáp xã Sơn Mai (mới) và xã Thiện Tín (mới); phía Bắc giáp xã Nghĩa Giang (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Hành Dũng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; việc sáp nhập 3 xã thành một xã đảm bảo về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của các ĐVHC liền kề, mở rộng không gian phát triển cho đơn vị hành chính mới. Xã Phước Giang hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Phước Giang phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, thể hiện sự gắn kết về mặt địa lý và không gian sinh thái của 3 xã, đồng thời gợi hình ảnh trù phú, xanh mát, một vùng đất có nguồn nước nuôi sống sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh, là biểu tượng của sự trường tồn, nối liền và phát triển, rất phù hợp để đại diện cho một xã mới được hình thành từ sự hợp nhất. Tên gọi Phước Giang giúp tạo sự cân bằng, đoàn kết và thống nhất cộng đồng.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại xã Hành Dũng hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, có vị trí trung tâm giữa 3 xã thực hiện sắp xếp (Hành Dũng, Hành Nhân, Hành Minh), thuận lợi cho người dân, tổ chức liên hệ công tác.

28. Thành lập xã Long Phụng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Thắng Lợi, xã Đức Nhuận và xã Đức Hiệp thuộc huyện Mộ Đức.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Long Phụng có: diện tích tự nhiên 36,10214 km² (đạt 120,340% so với quy định), quy mô dân số 39.973 người (đạt 249,831% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Đình Cương (mới) và xã Vệ Giang (mới); phía Nam giáp xã Mộ Cày (mới) và xã Mộ Đức (mới); phía Bắc giáp xã Vệ Giang (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Đức Nhuận hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau

sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; sắp xếp các đơn vị hành chính liền kề thành 1 ĐVHC mới có diện tích tự nhiên và quy mô dân số đáp ứng tiêu chuẩn; có vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, có hệ thống giao thông kết nối thuận lợi; có lịch sử, văn hóa, tập quán của dân cư, phù hợp với quy hoạch vùng nhằm tạo không gian phát triển. Xã Long Phụng hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Long Phụng phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Long Phụng là tên một ngọn núi sát biển thuộc xã Thắng Lợi hiện nay, một vị trí chiến lược trong kháng chiến chống Mỹ. Tên này vừa mang ý nghĩa rồng - phượng (Long Phụng) hội tụ, tượng trưng cho sự thịnh vượng, đoàn kết, phát triển. Núi Long Phụng là nơi ghi dấu những sự kiện lịch sử có ý nghĩa trong phong trào đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Mộ Đức. Ngày 08/10/1930, lá cờ Đảng đã được treo trên đỉnh núi Long Phụng nhằm hướng ứng và chia lửa với cuộc biểu tình chiếm huyện trường của hơn 5.000 nông dân huyện Đức Phổ. Trong kháng chiến chống Pháp, núi Long Phụng được chọn làm nơi đặt Trụ Bò và bố trí tổ quan sát để canh phòng địch đổ bộ bằng đường biển⁸.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại xã Đức Nhuận hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận; trung tâm giữa 03 xã thực hiện sắp xếp nên thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đi lại và thực hiện các giao dịch.

29. Thành lập xã Mỏ Cày trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Đức Chánh, xã Đức Thạnh và xã Đức Minh thuộc huyện Mộ Đức.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mỏ Cày có: diện tích tự nhiên 44,79727 km² (đạt 149,324% so với quy định), quy mô dân số 38.587 người (đạt 241,169% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Mộ Đức (mới) và xã Long Phụng (mới); phía Nam giáp xã Lâm Phong (mới) và xã Mộ Đức (mới); phía Bắc giáp xã Long Phụng (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Đức Thạnh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã Mỏ Cày hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

⁸ Lý lịch di tích Núi Long Phụng- Chùa ông Rau, Tr4 năm 2017 của Bảo tàng tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi

Việc lấy tên gọi xã Mỏ Cày phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Mỏ Cày là địa danh thuộc xã Đức Chánh và tên gọi của di tích “Chiến thắng Mỏ Cày” lịch sử vang dội trong kí ức người dân Mộ Đức, nơi đội du kích Ba Tơ phục kích đánh cháy một đoàn xe quân sự của phát xít Nhật vào ngày 17/8/1945⁹.

Trụ sở ĐVHC mới nằm tại xã Đức Thạnh hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, là nơi có các trục giao thông kết nối với Quốc lộ 1A và giao thương với Thị tứ Thi Phổ đang phát triển, thuận lợi cho người dân, tổ chức liên hệ công tác.

30. Thành lập xã Mộ Đức trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 4 ĐVHC cấp xã: Xã Đức Hòa, xã Đức Phú, xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức thuộc huyện Mộ Đức.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mộ Đức có: diện tích tự nhiên 76,16838 km² (đạt 253,894% so với quy định), quy mô dân số 35.895 người (đạt 224,344% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp xã Mỏ Cày (mới) và xã Lân Phong (mới); phía Tây giáp xã Thiện Tín (mới); phía Nam giáp xã Lân Phong (mới); phía Bắc giáp xã Long Phụng (mới), xã Mỏ Cày (mới) và xã Đình Cương (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm Chính trị - Hành chính huyện (thị trấn Mộ Đức hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liên kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã Mộ Đức hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Mộ Đức phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, giữ lại tên ĐVHC cấp huyện (trước sắp xếp), trung tâm của vùng đất Mộ Đức hiện nay, tên quê hương của Bác Phạm Văn Đồng.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại thị trấn Mộ Đức hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, là trung tâm hành chính huyện hiện nay, thuận lợi cho người dân, tổ chức liên hệ công tác; tận dụng cơ sở hạ tầng của huyện hiện nay, không cần đầu tư xây mở rộng hay xây mới trụ sở.

31. Thành lập xã Lân Phong trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 2 ĐVHC cấp xã: Xã Đức Phong và xã Đức Lân thuộc huyện Mộ Đức.

⁹ Lý lịch di tích địa điểm Chiến thắng Mỏ Cày năm 2017 của Bảo tàng tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Lâm Phong có: diện tích tự nhiên 57,01159 km² (đạt 190,039% so với quy định), quy mô dân số 36.123 người (đạt 225,769% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Mộ Đức (mới); phía Nam giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới) và phường Trà Câu (mới); phía Bắc giáp xã Mộ Đức (mới) và xã Mộ Cày (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Đức Phong hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các ĐVHC có địa giới hành chính liền kề, thuận tiện cho giao thông đi lại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Xã Lâm Phong hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Lâm Phong phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Là hợp tên hai xã Đức Lâm, Đức Phong thành tên Lâm Phong, có ý nghĩa thể hiện dũng cảm, gan dạ và luôn sẵn sàng vượt qua mọi trở ngại, là biểu tượng của sức mạnh, sự dũng cảm, khát vọng ý chí vươn cao.

Trụ sở ĐVHC mới nằm tại xã Đức Phong hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, là trung tâm và cân bằng khoảng cách giữa 2 ĐVHC thực hiện sắp xếp (xã Đức Phong có diện tích rộng và dân số nhiều hơn xã Đức Lâm), là nơi có các trục giao thông kết nối với Quốc lộ 1A, thuận lợi cho người dân, tổ chức liên hệ công tác.

32. Thành lập xã Trà Bồng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Thị trấn Trà Xuân, xã Trà Sơn và xã Trà Thủy thuộc huyện Trà Bồng.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trà Bồng có: diện tích tự nhiên 139,42766 km² (đạt 139,428% so với quy định), quy mô dân số 18.926 người (đạt 378,520% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Đông Trà Bồng (mới); phía Tây giáp xã Thanh Bồng (mới); phía Nam giáp xã Cà Đam (mới) và xã Tây Trà Bồng (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Thị trấn Trà Xuân hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Xã Trà

Bồng hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc đặt tên xã Trà Bồng phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm dễ nhớ và lưu giữ tên gọi, truyền thống văn hóa, lịch sử đã gắn bó lâu đời với cán bộ, chiến sỹ và Nhân dân huyện Trà Bồng hiện nay qua các thế hệ.

Việc đặt trụ sở tại thị trấn Trà Xuân hiện nay vì thị trấn Trà Xuân nằm ở trung tâm, là trung tâm hành chính huyện Trà Bồng hiện nay, có đầy đủ trang thiết bị, thông tin đảm bảo, giao thông thuận lợi.

33. Thành lập Đông Trà Bồng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Trà Bình, xã Trà Phú và xã Trà Giang thuộc huyện Trà Bồng.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đông Trà Bồng có: diện tích tự nhiên 74,82853 km² (đạt 74,829% so với quy định), quy mô dân số 11.197 người (đạt 223,940% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Bình Chương (mới), xã Bình Minh (mới) và xã Ba Gia (mới); phía Tây giáp xã Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Cà Đam (mới) và xã Trường Giang (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Trà Bình hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Xã Đông Trà Bồng hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (sắp xếp từ 3 ĐVHC cấp xã trở lên thành ĐVHC mới).

Việc đặt tên xã Đông Trà Bồng phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Việc đặt tên xã Đông Trà Bồng vừa lưu giữ được tên gọi Trà Bồng đã gắn bó lâu đời với người dân cả huyện nói chung, 03 xã Trà Bình, Trà Phú, Trà Giang nói riêng; vừa dễ nhận diện được đây là một xã nằm hoàn toàn về phía Đông huyện Trà Bồng hiện nay. Thời gian tới mặc dù không còn tên gọi huyện Trà Bồng nhưng xã Đông Trà Bồng như một địa danh đánh dấu nơi bắt đầu cho địa phận huyện Trà Bồng đã từng tồn tại, gắn bó với nhân dân Trà Bồng qua các thế hệ.

Việc đặt trụ sở tại xã Trà Bình hiện nay vì xã Trà Bình có điều kiện về hạ tầng giao thông, thông tin liên lạc tốt nhất trong 03 xã. Khoảng cách từ xã Trà Bình đi các xã còn lại không quá xa, giao thông thông suốt, Nhân dân đi lại thuận tiện, kể cả mùa mưa.

34. Thành lập xã Tây Trà trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Sơn Trà, xã Trà Phong và xã Trà Xanh

thuộc huyện Trà Bồng.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tây Trà có: diện tích tự nhiên 170,86227 km² (đạt 170,862% so với quy định), quy mô dân số 11.617 người (đạt 232,340% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Tây Trà Bồng (mới) và xã Thanh Bồng (mới); phía Tây giáp thành phố Đà Nẵng (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Sơn Hà (mới); phía Bắc giáp xã Thanh Bồng (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Trà Phong hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Xã Tây Trà hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc đặt tên xã Tây Trà phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm dễ nhớ và lưu giữ tên gọi, truyền thống văn hóa, lịch sử, những thăng trầm đã gắn bó với cán bộ và Nhân dân huyện Tây Trà (cũ) trải qua hơn 15 năm từ khi thành lập đến khi sáp nhập lại với huyện Trà Bồng hiện nay (giai đoạn 2004 - 2020).

Việc đặt trụ sở tại xã Trà Phong hiện nay vì xã Trà Phong là Trung tâm hành chính huyện Tây Trà cũ, có đầy đủ trụ sở làm việc, trang thiết bị, thông tin đảm bảo, giao thông thuận lợi với các xã liền kề.

35. Thành lập xã Cà Đam trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số xã Trà Tân và 52,99080 km², quy mô dân số 1.815 người của xã Trà Bùi (sau khi điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số thôn Nước Nia, xã Trà Bùi vào xã Trà Tây và xã Hương Trà) thuộc huyện Trà Bồng.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Cà Đam có: diện tích tự nhiên 112,35052 km² (đạt 112,351% so với quy định), quy mô dân số 4.336 người (đạt 86,720% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Trường Giang (mới); phía Tây giáp xã Tây Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Sơn Hà (mới) và xã Sơn Hạ (mới); phía Bắc giáp xã Trà Bồng (mới) và xã Đông Trà Bồng (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Trà Tân hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; xã Trà Tân và các thôn: Niên, Tây, Tang, Quế thuộc xã Trà Bùi có địa giới liền kề nhau, có địa hình và địa giới

hành chính phù hợp; có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông và thông tin liên lạc giữa 02 xã thuận lợi. Xã Trà Tân và các thôn: Niên, Tây, Tang, Quế thuộc xã Trà Bùi nằm khá biệt lập với các ĐVHC khác; phía Bắc giáp với xã Trà Bình, Trà Phú, Trà Sơn nhưng chủ yếu ranh giới là núi cao, chỉ có một đường giao thông duy nhất từ xã Trà Bình đến xã Trà Tân nhưng khoảng cách khá xa và phải đi qua một phần địa phận của huyện Sơn Tịnh hiện nay; phía Tây giáp xã Hương Trà, Trà Tây hiện nay nhưng chủ yếu là rừng tự nhiên, không có đường giao thông đi lại và khoảng cách khá xa. Vì vậy, không thể sắp xếp xã Trà Tân, các thôn còn lại của xã Trà Bùi với ĐVHC thứ 3 liền kề. Tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện sắp xếp giảm gần 70% số lượng ĐVHC cấp xã so với số ĐVHC cấp xã hiện nay, đảm bảo mục tiêu sắp xếp ĐVHC theo quy định; vì vậy, kính đề nghị cấp thẩm quyền xem xét việc thành lập xã Cà Đam.

Việc đặt tên xã Cà Đam phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Việc đặt tên xã Cà Đam vì xã Trà Tân và Trà Bùi hiện nay nằm dưới chân Núi Cà Đam hùng vĩ, là căn cứ cách mạng quan trọng của huyện, tỉnh trong kháng chiến chống Mỹ đã đi vào lịch sử hào hùng không chỉ của huyện Trà Bồng mà cả tỉnh Quảng Ngãi. Bên cạnh đó, Cà Đam còn là danh lam thắng cảnh được nêu trong sử sách thời xưa, còn tên “Vân Phong trúc vũ”.

Việc đặt trụ sở tại xã Trà Tân hiện nay vì có điều kiện về cơ sở hạ tầng, trụ sở làm việc đảm bảo, giao thông, thông tin liên lạc thuận lợi hơn rất nhiều so với xã Trà Bùi. Trà Tân là xã đang hoàn thiện các tiêu chí về đích nông thôn mới năm 2024. Giao thông từ xã Trà Tân đến xã Trà Bùi thông suốt, người dân đi lại thuận tiện, kể cả vào mùa mưa.

36. Thành lập xã Thanh Bồng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Trà Lâm, xã Trà Hiệp và xã Trà Thanh thuộc huyện Trà Bồng.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thanh Bồng có: diện tích tự nhiên 133,88495 km² (đạt 133,885% so với quy định), quy mô dân số 7.426 người (đạt 148,520% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Trà Bồng (mới); phía Tây giáp xã Tây Trà (mới) và thành phố Đà Nẵng (mới); phía Nam giáp xã Tây Trà Bồng (mới) và xã Tây Trà (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Trà Hiệp hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Xã Thanh Bồng hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc đặt tên xã Thanh Bồng phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Địa danh Thanh Bồng xuất phát từ tên gọi trước đây thời vua Minh Mạng thứ 13 (năm 1832) vùng các xã phía tây Trà Bồng hiện nay đã từng có tên gọi Thanh Bồng trước khi có tên gọi Trà Bồng như hiện nay, góp phần để giáo dục truyền thống, lịch sử cho các thế hệ.

Việc đặt trụ sở tại xã Trà Hiệp vì xã Trà Hiệp nằm ở trung tâm 03 xã, có điều kiện hạ tầng giao thông, thông tin liên lạc tốt nhất. Khoảng cách từ xã Trà Hiệp đi các xã còn lại không quá xa, giao thông thuận lợi. Hiện nay, xã Trà Hiệp kết nối với xã Trà Thanh trên tuyến Quốc lộ 24C và kết nối với xã Trà Lâm qua tuyến đường huyện (ĐH 79), Nhân dân đi lại thuận lợi.

37. Thành lập xã Tây Trà Bồng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hương Trà, xã Trà Tây và một phần diện tích tự nhiên là 10 km², quy mô dân số là 382 người của xã Trà Bùi (thôn Nước Nia), thuộc huyện Trà Bồng.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tây Trà Bồng có: diện tích tự nhiên 129,05316 km² (đạt 129,053% so với quy định), quy mô dân số 8.078 người (đạt 161,560% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Cà Đam (mới); phía Tây giáp xã Tây Trà (mới); phía Nam giáp xã Sơn Hà (mới); phía Bắc giáp xã Thanh Bồng (mới) và xã Trà Bồng (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Hương Trà hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã đều là xã vùng cao có điều kiện kinh tế khó khăn, tỷ lệ người dân tộc thiểu số cao (trên 97%); 02 xã Hương Trà, Trà Tây nằm khá biệt lập với các đơn vị hành chính khác trong huyện. Việc điều chỉnh, sắp xếp thôn Nước Nia thuộc xã Trà Bùi với xã Hương Trà, Trà Tây hiện nay vì thôn Nước Nia trước đây thuộc xã Trà Tây, đây là thôn biệt lập với xã Trà Bùi, không có đường giao thông đi lại từ trung tâm xã Trà Bùi đến thôn; có vị trí cách xa trung tâm xã Trà Bùi nhưng rất gần trung tâm xã Trà Tây, giao thông đi lại từ thôn Nước Nia đến xã Trà Tây thuận lợi, trong khi giao thông đi lại từ thôn Nước Nia đến trung tâm xã Trà Bùi phải đi vòng qua một số xã của huyện Sơn Hà và huyện Sơn Tịnh và di chuyển ngược lại với khoảng cách rất xa, không thuận lợi. Do vậy, việc điều chỉnh thôn Nước Nia, xã Trà Bùi với xã Hương Trà, Trà Tây để thuận lợi trong giao thông và phù hợp với địa hình, địa giới hành chính. Xã Tây Trà Bồng hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên xã Tây Trà Bồng phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Việc đặt tên xã Tây Trà Bồng vừa lưu giữ được tên gọi Trà Bồng đã gắn bó lâu đời với người dân cả huyện nói chung, hai xã Trà Tây, Hương Trà nói riêng vừa dễ nhận diện được đây là một

xã nằm hoàn toàn về phía Tây huyện Trà Bồng hiện nay.

Trụ sở đặt tại xã Hương Trà hiện nay vì có điều kiện về cơ sở hạ tầng, trụ sở làm việc đảm bảo, giao thông, thông tin liên lạc thuận lợi, thông suốt, Nhân dân đi lại thuận lợi kể cả mùa mưa.

38. Thành lập xã Sơn Hạ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Sơn Hạ, xã Sơn Nham và xã Sơn Thành thuộc huyện Sơn Hà.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sơn Hạ có: diện tích tự nhiên 154,28944 km² (đạt 154,289% so với quy định), quy mô dân số 24.775 người (đạt 495,500% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Trà Giang (mới); phía Tây giáp xã Sơn Hà (mới); phía Nam giáp xã Sơn Linh (mới) và xã Sơn Mai (mới); phía Bắc giáp xã Cà Đam (mới) và xã Trường Giang (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Sơn Hạ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Xã Sơn Hạ hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Sơn Hạ phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân.

Trụ sở ĐVHC mới nằm tại xã Sơn Hạ hiện nay phù hợp khi là trung tâm giữa 03 xã thực hiện sắp xếp, nằm trên trục quốc lộ 24B thuận lợi giao thông, liên kết các xã lân cận, là trung tâm phát triển kinh tế - xã hội, xã trọng điểm về quốc phòng, được công nhận xã nông thôn mới.

39. Thành lập xã Sơn Linh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Sơn Giang, xã Sơn Linh và xã Sơn Cao thuộc huyện Sơn Hà.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sơn Linh có: diện tích tự nhiên 126,69744 km² (đạt 126,697% so với quy định), quy mô dân số 17.139 người (đạt 342,780% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Sơn Mai (mới); phía Tây giáp xã Sơn Thủy (mới); phía Nam giáp xã Sơn Thủy (mới) và xã Minh Long (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Hạ (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Sơn Giang hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau

sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Xã Sơn Linh hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Sơn Linh phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại xã Sơn Giang hiện nay thuận lợi giao thông, liên kết các xã lân cận, là trung tâm giữa 3 xã thực hiện sắp xếp; thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đi lại và thực hiện các giao dịch.

40. Thành lập xã Sơn Hà trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Thị trấn Di Lăng, xã Sơn Bao và xã Sơn Thượng thuộc huyện Sơn Hà.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sơn Hà có: diện tích tự nhiên 163,43834 km² (đạt 163,438% so với quy định), quy mô dân số 20.326 người (đạt 406,520% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Sơn Hạ (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Sơn Tây (mới); phía Nam giáp xã Sơn Thủy (mới) và xã Sơn Tây Hạ (mới); phía Bắc giáp xã Tây Trà Bồng (mới), xã Tây Trà (mới) và xã Cà Đam (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Thị trấn Di Lăng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Xã Sơn Hà hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Sơn Hà phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại tên của ĐVHC huyện Sơn Hà (trước sắp xếp) mang giá trị lịch sử, văn hóa của huyện.

Trụ sở ĐVHC mới đặt tại thị trấn Di Lăng hiện nay phù hợp, thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội, là trung tâm và cân bằng khoảng cách giữa 3 ĐVHC thực hiện sắp xếp, thuận lợi kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận.

41. Thành lập xã Sơn Thủy trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Sơn Trung, xã Sơn Hải và xã Sơn Thủy thuộc huyện Sơn Hà.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sơn Thủy có: diện tích tự nhiên 95,76813 km² (đạt 95,768% so với quy định), quy mô dân số 12.658 người (đạt 253,160% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Sơn Linh (mới) và xã Minh Long (mới); phía Tây giáp xã Sơn Hà (mới) và xã Sơn Tây Hạ (mới); phía Nam giáp xã Sơn Kỳ (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Hà (mới) và xã Sơn Hạ (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Sơn Hải hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Xã Sơn Thủy hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (sắp xếp từ 3 ĐVHC cấp xã trở lên thành ĐVHC mới).

Việc lấy tên gọi xã Sơn Thủy phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân.

Trụ sở ĐVHC mới nằm tại xã Sơn Hải hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận; phù hợp, thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội, nơi có Nhà máy sản xuất tinh bột mì Sơn Hải, là một trong các cụm công nghiệp tại tỉnh Quảng Ngãi.

42. Thành lập xã Sơn Kỳ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 2 ĐVHC cấp xã: Xã Sơn Kỳ và xã Sơn Ba thuộc huyện Sơn Hà.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sơn Kỳ có: diện tích tự nhiên 188,06978 km² (đạt 188,070% so với quy định), quy mô dân số 12.070 người (đạt 241,400% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Minh Long (mới) và xã Ba Dinh (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây Hạ (mới); phía Nam giáp xã Ba Vì (mới) và xã Kon PLông (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Thủy (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Sơn Kỳ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Xã Sơn Kỳ hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Sơn Kỳ phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên

ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân.

Trụ sở ĐVHC mới nằm tại xã Sơn Kỳ hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận; phù hợp, thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội, là trung tâm của cụm 4 xã: Sơn Hải, Sơn Thủy, Sơn Kỳ, Sơn Ba (thị tứ của huyện).

43. Thành lập xã Sơn Tây trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Sơn Long, xã Sơn Tân và xã Sơn Dung thuộc huyện Sơn Tây.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sơn Tây có: diện tích tự nhiên 127,06171 km² (đạt 127,062% so với quy định), quy mô dân số 9.832 người (đạt 196,640% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Sơn Tây Hạ (mới) và xã Sơn Hà (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Măng Bút (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tây Hạ (mới) và xã Kon PLông (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Sơn Hà (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Sơn Dung hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, nơi hội tụ các thủy điện như Đăkrinh, Bãi Mầu... và là trung tâm huyện lỵ (cũ) nên tập trung dân cư đông đúc, các tuyến đường giao nhau như tỉnh lộ 623, đường ĐH 83 và đường Trường Sơn Đông tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế, có không gian phát triển liên vùng giữa tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Nam hiện nay. Xã Sơn Tây hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Sơn Tây phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, giữ lại tên của ĐVHC huyện Sơn Tây (trước sắp xếp), mang giá trị lịch sử, văn hóa của huyện; là trung tâm của huyện Sơn Tây về mặt địa lý cũng như ý nghĩa chính trị văn hóa... khi có mối liên kết với Sơn Tây Thượng - Sơn Tây - Sơn Tây Hạ.

Trụ sở ĐVHC mới nằm tại xã Sơn Dung hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, là trung tâm ở giữa 03 xã (Sơn Dung, Sơn Long, Sơn Tân); tận dụng sử dụng cơ sở vật chất trụ sở tài sản công của huyện (cũ) để lại.

44. Thành lập xã Sơn Tây Thượng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Sơn Mùa, xã Sơn Liên và xã Sơn Bua thuộc huyện Sơn Tây.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sơn Tây Thượng có: diện tích tự nhiên 122,42836 km² (đạt 122,428% so với quy định), quy mô dân số 7.421 người (đạt 148,420% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Sơn Tây (mới); phía Tây giáp thành phố Đà Nẵng (mới) và xã Măng Bút (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tây (mới); phía Bắc giáp xã Tây Trà (mới) và xã Sơn Hà (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm Chính trị - Hành chính huyện Sơn Tây (xã Sơn Mùa hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, tận dụng cơ sở vật chất của huyện (cũ), không gian phát triển theo chuỗi liên kết dọc tuyến đường Trường Sơn Đông và dự kiến tuyến đường quốc lộ 24D tiếp giáp với thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi mới (tỉnh Quảng Nam và tỉnh Kon Tum hiện nay) tạo không gian phát triển liên vùng, đa số người Cadong sinh sống. Xã Sơn Tây Thượng hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Sơn Tây Thượng phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, giữ lại tên của ĐVHC huyện Sơn Tây (trước sắp xếp) gắn với “Thượng” có ý nghĩa là vùng đất cao đầu nguồn của huyện Sơn Tây, trong dân gian người ta thường gọi thượng nguồn, thượng lưu nơi bắt đầu các con sông, ngọn núi.

Trụ sở ĐVHC mới nằm tại xã Sơn Mùa hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, là trung tâm hành chính của huyện hiện nay và cũng đồng thời là trung tâm ở giữa 03 xã (Sơn Mùa, Sơn Liên, Sơn Bua); tận dụng sử dụng cơ sở vật chất trụ sở tài sản công của huyện để lại.

45. Thành lập xã Sơn Tây Hạ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Sơn Tinh, xã Sơn Lập và xã Sơn Mầu thuộc huyện Sơn Tây.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sơn Tây Hạ có: diện tích tự nhiên 136,14676 km² (đạt 136,147% so với quy định), quy mô dân số 5.690 người (đạt 113,800% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Sơn Thủy (mới) và xã Sơn Kỳ (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây (mới); phía Nam giáp xã Sơn Kỳ (mới) và xã Kon PLông (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Tây (mới) và xã Sơn Hà (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Sơn Tinh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, phù hợp với không gian phát triển vùng nằm trên dải đất của ven sông Sê Lô, có hệ thống thủy điện bậc thang trải dài từ xã Sơn Tinh, xã Sơn Lập và xã Sơn Màu. Xã Sơn Tây Hạ hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Sơn Tây Hạ phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, giữ lại tên của ĐVHC huyện Sơn Tây (trước sắp xếp) gắn với “Hạ” có ý nghĩa là vùng đất thấp bằng trù phú ...huyện Sơn Tây (có thượng thì phải có hạ) trong không gian địa phận giới hạn của huyện Sơn Tây.

Trụ sở ĐVHC mới nằm tại xã Sơn Tinh hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, là trung tâm ở giữa 03 xã (Sơn Tinh, Sơn Lập, Sơn Màu); có mặt bằng rộng và có đường giao thông kết nối với xã Sơn Thượng, huyện Sơn Hà nhằm mở rộng không gian phát triển.

46. Thành lập xã Minh Long trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Long Hiệp, xã Thanh An và xã Long Môn thuộc huyện Minh Long.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Minh Long có: diện tích tự nhiên 124,73945 km² (đạt 124,739% so với quy định), quy mô dân số 10.085 người (đạt 201,700% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Thiện Tín (mới); phía Tây giáp xã Sơn Kỳ (mới), xã Sơn Thủy (mới) và xã Sơn Linh (mới); phía Nam giáp xã Ba Vinh (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Mai (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm Chính trị - Hành chính huyện Minh Long (xã Long Hiệp hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Xã Minh Long hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Minh Long phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, giữ lại tên ĐVHC cấp huyện (trước sắp xếp), trung tâm của vùng đất Minh Long hiện nay.

Việc đặt trụ sở tại xã Long Hiệp hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, là trung tâm ở giữa các đơn vị thực hiện sắp xếp, cơ sở hạ tầng mới xây dựng, khang trang đảm bảo phục vụ công tác.

47. Thành lập xã Sơn Mai trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên,

quy mô dân số của 2 ĐVHC cấp xã: Xã Long Mai và xã Long Sơn thuộc huyện Minh Long.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sơn Mai có: diện tích tự nhiên 112,55724 km² (đạt 112,557% so với quy định), quy mô dân số 9.892 người (đạt 197,840% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Thiện Tín (mới); phía Tây giáp xã Sơn Linh (mới); phía Nam giáp Minh Long (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Hạ (mới), xã Trà Giang (mới) và xã Phước Giang (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Long Sơn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Xã Sơn Mai hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Sơn Mai phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, giữ lại hợp tên hai xã Long Sơn, Long Mai thành tên Sơn Mai và được Nhân dân đồng tình ủng hộ.

Việc đặt trụ sở tại xã Long Sơn hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận, có diện tích và cơ sở hạ tầng mới hơn so với xã Long Mai.

48. Thành lập xã Ba Vì trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Ba Vì, xã Ba Tiêu và xã Ba Ngạc thuộc huyện Ba Tơ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Ba Vì có: diện tích tự nhiên 125,40245 km² (đạt 125,402% so với quy định), quy mô dân số 11.372 người (đạt 227,440% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Ba Dinh (mới) và xã Ba Tô (mới); phía Tây giáp xã Kon Plông (mới); phía Nam giáp xã Ba Xa; phía Bắc giáp xã Sơn Kỳ (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Ba Vì hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Xã Ba Vì hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Ba Vì phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên

ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân. Xã Ba Vì là trung tâm tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của khu vực phía Tây huyện Ba Tơ, là đầu mối giao thông quan trọng giữa đô thị mới với các xã trong huyện và giữa tỉnh Quảng Ngãi với các tỉnh Tây Nguyên, là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển cho các khu vực khác trên địa bàn huyện.

Trụ sở đặt tại xã Ba Vì hiện nay vì có cửa ngõ giao thông Quốc lộ 24 đi qua, địa giới hành chính thuận lợi giao thông đi lại của tổ chức, người dân, doanh nghiệp khi thực hiện giao dịch chính quyền sau sắp xếp; cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện cho cán bộ, công chức, người lao động làm việc.

49. Thành lập xã Ba Tô trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Ba Tô, xã Ba Nam và xã Ba Lễ thuộc huyện Ba Tơ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Ba Tô có: diện tích tự nhiên 274,39618 km² (đạt 274,396% so với quy định), quy mô dân số 9.555 người (đạt 191,100% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Ba Dinh (mới) và tỉnh Gia Lai (mới); phía Tây giáp xã: Ba Xa, Ba Vì (mới); phía Nam giáp tỉnh Gia Lai (mới); phía Bắc giáp xã Ba Dinh (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Ba Tô hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Xã Ba Tô hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Ba Tô phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân. Xã Ba Tô nằm trên Quốc lộ 24 nhằm kết nối các tuyến giao thông đã được phê duyệt đường thị trấn Ba Tơ-Ba Dinh-Ba Tô-Ba Vì; giữa tỉnh Quảng Ngãi với các tỉnh Tây Nguyên; bảo đảm tính kết nối lưu thông giữa các địa phương, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Trụ sở đặt tại xã Ba Tô hiện nay thuận lợi kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận vì có tuyến giao thông Quốc lộ 24 đi qua; thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc đi lại và thực hiện các giao dịch; cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện cho cán bộ, công chức, người lao động làm việc.

50. Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên,

quy mô dân số của 2 ĐVHC cấp xã: Xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Ba Dinh có: diện tích tự nhiên 97,04831 km² (đạt 97,048% so với quy định), quy mô dân số 7.257 người (đạt 145,140% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Ba Vinh (mới); phía Tây giáp xã Ba Tô (mới), xã Ba Vì (mới) và xã Sơn Kỳ (mới); phía Nam giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Ba Tô (mới); phía Bắc giáp xã Ba Vinh (mới) và xã Minh Long (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Ba Dinh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Việc nhập 2 xã mang yếu tố lịch sử khi năm 2009 xã Ba Giang thành lập mới trên cơ sở tách ra từ xã Ba Dinh để thành lập mới thành 02 xã Ba Dinh và Ba Giang. Cả 02 xã Ba Dinh, Ba Giang là xã có vị trí trọng điểm quốc phòng thuộc trường hợp không bắt buộc sắp xếp ĐVHC; tuy nhiên để mở rộng không gian phát triển nên thực hiện sắp xếp 02 xã thành ĐVHC mới và không nhập thêm với 01 ĐVHC thứ 3 liền kề để đến mất ổn định về quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội. Mặt khác, giai đoạn 2019 - 2021, xã Ba Chùa (cũ) là ĐVHC liền kề với xã Ba Dinh đã thực hiện sáp nhập một phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số vào xã Ba Dinh theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên việc sắp xếp 02 xã Ba Dinh và Ba Giang là phù hợp. Tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện sắp xếp giảm gần 70% số lượng ĐVHC cấp xã so với số ĐVHC cấp xã hiện nay, đảm bảo mục tiêu sắp xếp ĐVHC theo quy định; vì vậy, kính đề nghị cấp thẩm quyền xem xét việc thành lập xã Ba Dinh.

Việc lấy tên gọi xã Ba Dinh phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp và lấy lại tên xã nguyên trước đây xã Ba Dinh, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân.

Trụ sở đặt tại xã Ba Dinh hiện nay thuận lợi kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận vì có tuyến giao thông Quốc lộ 24 đi qua; thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc đi lại và thực hiện các giao dịch; cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện cho cán bộ, công chức, người lao động làm việc.

51. Thành lập xã Ba Tơ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Thị trấn Ba Tơ, xã Ba Bích và xã Ba Cung thuộc huyện Ba Tơ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Ba Tơ có: diện tích tự nhiên 120,91234 km² (đạt 120,912% so với quy định), quy mô dân số 12.263 người (đạt 245,260% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Đặng Thùy Trâm (mới) và xã Ba Động (mới); phía Tây giáp xã Ba Đình (mới); phía Nam giáp xã Ba Tô (mới); phía Bắc giáp xã Ba Vinh (mới) và xã Ba Động (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm Chính trị - Hành chính huyện Ba Tơ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Việc nhập 3 xã nhằm tăng quy mô ĐVHC mới sau sắp xếp, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; hạ tầng giao thông được kết nối đồng bộ, đảm bảo hài hòa về hình thể ĐVHC, chức năng, cơ cấu phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển đô thị đã được UBND tỉnh phê duyệt. Xã Ba Tơ hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Ba Tơ phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại tên của ĐVHC huyện Ba Tơ (trước sắp xếp), giữ lại địa danh huyện Ba Tơ anh hùng, mang giá trị lịch sử, văn hóa của huyện.

Trụ sở đặt thị trấn Ba Tơ hiện nay vì Trung tâm Chính trị - Hành chính, văn hóa - xã hội - kinh tế của huyện Ba Tơ hiện nay đặt trên địa giới hành chính của thị trấn Ba Tơ, được quy hoạch định hướng để khai thác không gian phát triển tiềm năng trên cơ sở các vùng không gian kinh tế động lực thuộc 4 hành lang kinh tế chiến lược của tỉnh và là 1 trong 3 đô thị gắn với du lịch, công nghiệp và kinh tế nông nghiệp xanh tạo động lực phát triển được xác định trong quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cơ sở tỉnh tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển thời gian đến; thuận lợi kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận; thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc đi lại và thực hiện các giao dịch; cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện cho cán bộ, công chức, người lao động làm việc.

52. Thành lập xã Ba Vinh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 2 ĐVHC cấp xã: Xã Ba Điền và xã Ba Vinh thuộc huyện Ba Tơ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Ba Vinh có: diện tích tự nhiên 115,00002 km² (đạt 115,000% so với quy định), quy mô dân số 6.425 người (đạt 128,500% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Ba Động (mới); phía Tây giáp xã Ba Đình (mới); phía Nam giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Ba Đình (mới);

phía Bắc giáp xã Minh Long (mới) và xã Thiện Tín (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Ba Vinh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi; 02 xã đều là xã đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo chiếm tỷ lệ cao. Việc nhập 2 xã nhằm tăng quy mô ĐVHC mới sau sắp xếp, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; hạ tầng giao thông được kết nối đồng bộ, đảm bảo hài hòa về hình thể ĐVHC, chức năng, cơ cấu phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với định hướng quy hoạch. Xã Ba Vinh hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Ba Vinh phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân.

Trụ sở đặt tại xã Ba Vinh hiện nay thuận lợi kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận vì xã Ba Vinh là ĐVHC nằm cửa ngõ tuyến đường tỉnh qua xã Ba Vinh đến xã Ba Điền; thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc đi lại và thực hiện các giao dịch; cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện cho cán bộ, công chức, người lao động làm việc.

53. Thành lập xã Ba Động trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 ĐVHC cấp xã: Xã Ba Liên, xã Ba Thành và xã Ba Động thuộc huyện Ba Tơ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Ba Động có: diện tích tự nhiên 103,00837 km² (đạt 103,008% so với quy định), quy mô dân số 7.688 người (đạt 153,760% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới); phía Tây giáp xã Ba Vinh (mới); phía Nam giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Đặng Thù Trâm (mới); phía Bắc giáp xã Thiện Tín (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Ba Động hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã có địa giới hành chính liền kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo; giao thông đi lại và thông tin liên lạc giữa các xã thuận lợi. Xã Ba Động hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Việc lấy tên gọi xã Ba Động phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên

ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, nhằm giữ lại một trong các tên gọi đã có của các ĐVHC trước sắp xếp, ít thay đổi các thủ tục, giấy tờ... của ĐVHC mới sau sắp xếp liên quan đến tổ chức, cá nhân và nhằm định hướng hình thành đô thị khu Đông (đô thị Ba Động) theo quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; địa danh xã Ba Động có tên từ năm 1930, có địa giới hành chính ổn định đến nay chưa thay đổi, điều chỉnh lần nào; mang dấu ấn lịch sử là nơi có tổ chức đảng đầu tiên của huyện Ba Tơ (Chi bộ Bãi Ri) được thành lập sớm nhất tháng 4/1930.

Trụ sở đặt tại xã Ba Động hiện nay thuận lợi kết nối giao thông, liên kết các xã lân cận vì có tuyến giao thông Quốc lộ 24 đi qua; thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc đi lại và thực hiện các giao dịch; cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện cho cán bộ, công chức, người lao động làm việc.

54. Thành lập Xã Đặng Thùy Trâm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 2 ĐVHC cấp xã: Xã Ba Trang và xã Ba Khâm thuộc huyện Ba Tơ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đặng Thùy Trâm có: diện tích tự nhiên 199,40256 km² (đạt 199,403% so với quy định), quy mô dân số 4.494 người (đạt 89,880% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Đông giáp phường Đức Phổ (mới) và xã Khánh Cường (mới); phía Tây giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Ba Tô (mới); phía Nam giáp tỉnh Gia Lai (mới); phía Bắc giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới) và xã Ba Động (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Ba Trang hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC, đặt tên, trụ sở của ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các ĐVHC nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; xã Ba Trang và Ba Khâm có địa giới hành chính liên kề, có nét tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội; quốc phòng, an ninh luôn đảm bảo. Tuy nhiên 02 xã: Ba Trang, Ba Khâm có vị trí biệt lập, khó kết nối giao thông với đơn vị liên kề là thị trấn Ba Tơ về hướng Tây, xã Phô Nhơn hiện nay về hướng Đông, xã Ba Liên hiện nay về hướng Bắc; còn về hướng Nam giáp huyện An Lão tỉnh Gia Lai (mới) - tỉnh Bình Định hiện nay; mặt khác, việc nhập 02 xã có diện tích rất lớn (199,403 km²) nên nếu nhập thêm với 01 xã thứ 3 liên kề dẫn đến địa bàn rất rộng, khó quản lý, phức tạp và có khả năng ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tác động không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch chung của địa phương. Tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện sắp xếp giảm gần 70% số lượng ĐVHC cấp xã so với số ĐVHC cấp xã hiện nay, đảm bảo mục tiêu sắp xếp ĐVHC theo quy định; vì vậy, kính đề nghị cấp thẩm quyền xem xét việc thành lập Xã Đặng Thùy Trâm.

Việc lấy tên gọi Xã Đặng Thùy Trâm phù hợp với nguyên tắc, quy định về đặt tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Theo đó, lấy tên của đồng chí

Đặng Thùy Trâm, người đã có công đóng góp to lớn, có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của tỉnh Quảng Ngãi nói chung, trong đó có xã Ba Trang nói riêng. Ba Trang là nơi đồng chí Đặng Thùy Trâm đã hy sinh vào ngày 22/6/1970 khi thực hiện nhiệm vụ. Điểm di tích lịch sử Bệnh xá Đức Phổ tại thôn Nước Đang thuộc xã Ba Trang là một trong những điểm thuộc Khu di tích lịch sử văn hóa gắn liền với hoạt động cách mạng của Bác sĩ Đặng Thùy Trâm trong kháng chiến chống Mỹ (gồm: Bệnh xá Đặng Thùy Trâm ở xã Phổ Cường, thị xã Đức Phổ, cùng các điểm di tích gắn liền với hoạt động của Bác sĩ Đặng Thùy Trâm trong chiến tranh như: Trạm Phẫu thuật tiền phương ở núi Bông Dầu, thôn Quy Thiện, xã Phổ Khánh; Hàm bí mật tại vườn nhà Y sĩ Tạ Thị Ninh ở thôn Nga Mân, xã Phổ Cường; Bệnh xá Đức Phổ tại Đồi Gò Chày thôn Đông Rằm 1, xã Ba Khâm), khu di tích được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi xếp hạng di tích văn hóa cấp tỉnh. Tháng 02/2006, Chủ tịch nước đã truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Liệt sĩ - Bác sĩ Đặng Thùy Trâm. Do đó, việc đặt tên thành xã Đặng Thùy Trâm có ý nghĩa lịch sử đối với xã Ba Trang hiện nay.

Trụ sở đặt tại Xã Ba Trang hiện nay thuận lợi trong kết nối giao thông vì xã Ba Trang là ĐVHC nằm cửa ngõ tuyến đường tỉnh hướng Tây xã Ba Trang trung tâm thị trấn Ba Tư hiện nay, có diện tích rộng hơn nhiều so với xã Ba Khâm; thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc đi lại và thực hiện các giao dịch; cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện cho cán bộ, công chức, người lao động làm việc.

(cụ thể có Phụ lục II, III kèm theo)

III. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

Trước sắp xếp: Tỉnh Quảng Ngãi có 13 ĐVHC cấp huyện (gồm: 5 huyện đồng bằng, 5 huyện miền núi, 1 huyện hải đảo¹⁰; 1 thị xã; 1 thành phố) và 170 ĐVHC cấp xã (gồm: 144 xã, 17 phường và 09 thị trấn).

Sau sắp xếp: Tỉnh Quảng Ngãi còn 56 ĐVHC cấp xã (bao gồm: 6 phường, 49 xã và 01 đặc khu), đạt tỷ lệ 32,35%; giảm 115 ĐVHC cấp xã hiện nay (gồm: 11 phường, 9 thị trấn, 95 xã), tỷ lệ 67,65% so với số ĐVHC cấp xã trước sắp xếp và không còn ĐVHC cấp huyện.

(cụ thể có Phụ lục IV kèm theo)

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

1.1. Phương án sắp xếp

¹⁰ Lý Sơn

Sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp (*cấp tỉnh, cấp xã*), bỏ cấp huyện (*cấp trung gian*) sẽ kết thúc hoạt động của tổ chức, cơ quan cấp huyện theo quy định và lộ trình của cấp có thẩm quyền¹¹; đồng thời, việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, tổ chức của chính quyền địa phương khi sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm nguyên tắc thống nhất, gắn với việc sắp xếp tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

1.1.1. Cơ cấu tổ chức

Tổ chức chính quyền địa phương sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về Tổ chức chính quyền địa phương và quy định có liên quan¹². Theo đó, **cơ cấu tổ chức gồm**: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

a) Hội đồng nhân dân cấp xã thành lập 2 Ban: Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập tối đa 4 phòng và tương đương phù hợp với đặc điểm đô thị, nông thôn, hải đảo (*đặc khu*), gồm: (1) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; (2) Phòng Kinh tế (*đối với xã, đặc khu*) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (*đối với phường*); (3) Phòng Văn hoá - Xã hội; (4) Trung tâm phục vụ hành chính công (*xác định là tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã*).

Căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, diện tích tự nhiên, quy mô dân số của đơn vị hành chính để quyết định số lượng cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cho phù hợp (*nhưng không vượt quá 04 phòng và tương đương*). Trường hợp tổ chức số lượng cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp xã dưới 03 đầu mối thì có thể bố trí tăng 01 Phó Chủ tịch UBND để trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo.

Đối với trường hợp ĐVHC cấp xã giữ nguyên (*không sắp xếp*), Trung ương giao địa phương căn cứ vào điều kiện thực tế xem xét, quyết định số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cho phù hợp hoặc không tổ chức các phòng chuyên môn (*trừ các Ban của HĐND hiện có*) mà phân công công chức chuyên môn trực tiếp đảm nhiệm các vị trí việc làm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương cấp xã mới. Trường hợp không tổ chức các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã, Trung ương giao UBND tỉnh quyết định tăng biên chế so với số lượng biên chế cán bộ, công chức cấp xã hiện nay để thực hiện các nhiệm vụ mới chuyển giao từ cấp huyện.

c) Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự ở ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

¹¹ theo Kết luận số 137-KL/TW, kết thúc hoạt động của ĐVHC cấp huyện hiện nay kể từ ngày 01/7/2025 sau khi Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi) và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành.

¹² Kết luận 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của BCH Trung ương; Quyết định 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

1.1.2. Số lượng chức danh lãnh đạo¹³

Thực hiện chủ trương của cấp có thẩm quyền về việc bố trí chức danh lãnh đạo cấp xã kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu các cơ quan tham mưu, giúp việc cho cấp ủy, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền để tăng số lượng công chức làm việc trực tiếp giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Lãnh đạo HĐND xã gồm: Chủ tịch (*chức danh kiêm nhiệm*) và 01 Phó Chủ tịch (*chức danh chuyên trách*);

- Lãnh đạo UBND xã gồm: Chủ tịch (*chức danh chuyên trách*) và 02 Phó Chủ tịch (*01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Chánh Văn phòng HĐND và UBND; 01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công*).

- Các Ban của Hội đồng nhân dân có Trưởng ban (*chức danh kiêm nhiệm*) và 01 Phó Trưởng ban (*chức danh chuyên trách*).

- Các phòng và tương đương của UBND có Trưởng phòng (*chức danh chuyên trách hoặc do Phó Chủ tịch UBND kiêm nhiệm*) và 01 cấp phó chức danh chuyên trách.

Đối với trường hợp ĐVHC cấp xã giữ nguyên (*không sắp xếp*) và không tổ chức các phòng chuyên môn thì số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã có thể bố trí tăng thêm 01 Phó chủ tịch để bảo đảm vai trò lãnh đạo, điều hành của chính quyền trong việc phục vụ người dân, doanh nghiệp.

1.1.3. Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn

Cấp xã là cấp tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh; tập trung vào các nhiệm vụ phục vụ người dân, trực tiếp giải quyết các vấn đề của cộng đồng dân cư, cung cấp các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn. Theo đó, chính quyền địa phương cấp xã mới đảm nhận các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã và nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện hiện nay trực tiếp phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn. Đồng thời, chính quyền địa phương cấp tỉnh tiếp tục phân cấp cho chính quyền địa phương cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn tùy thuộc vào đặc điểm, điều kiện, năng lực và yêu cầu quản lý của từng cấp xã. Định hướng chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã và nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã thực hiện theo quy định tại Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp¹⁴ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung dự kiến sẽ được Quốc hội xem xét thông quan tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV.

¹³ Theo Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp các ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

¹⁴ Tại trang 20- 21 và trang 26-27 của Quyết định 759/QĐ-TTg

1.1.4. Về biên chế (khối chính quyền)

Thực hiện theo Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; theo đó:

Chuyển 100% biên chế cấp huyện hiện có để bố trí biên chế cấp xã, trong đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp huyện hiện nay được bố trí làm nòng cốt tại các đơn vị cấp xã mới. Có thể tăng cường cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh về cấp xã.

Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện, cán bộ, công chức của cấp xã hiện có trước sắp xếp để bố trí cho ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp. Thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo trong thời hạn 05 năm cơ bản theo đúng quy định. Dự kiến biên chế bình quân của mỗi cấp xã khoảng 32 biên chế (không bao gồm khối Đảng, đoàn thể).

1.1.5. Về tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập

Việc tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn ĐVHC cấp xã sau khi sắp xếp, bỏ cấp huyện được thực hiện theo Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Quyết định 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ¹⁵ và Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó:

- Đối với lĩnh vực giáo dục: Giữ nguyên các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập và chuyển giao cho chính quyền địa phương cấp xã quản lý. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý và tổ chức lại để thực hiện cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Đối với lĩnh vực y tế: Duy trì các Trạm y tế xã, phường hiện có để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Căn cứ vào diện tích, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã mới, có thể tổ chức lại thành 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để thực hiện nhiệm vụ về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn.

Đối với Trung tâm y tế hiện nay tiếp tục giao¹⁶ Sở Y tế quản lý để sắp xếp, tổ chức cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Định hướng sắp xếp, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người

¹⁵ Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

¹⁶ Hiện nay tỉnh Quảng Ngãi tạm dừng việc chuyển giao các Trung tâm y tế do Sở Y tế quản lý về cho UBND cấp huyện quản lý

dân trên địa bàn.

- Định hướng chuyển chức năng, nhiệm vụ; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện về tỉnh:

Chuyển nguyên trạng các Ban Quản lý dự án đầu tư cấp huyện về trực thuộc các Ban Quản lý dự án đầu tư trực thuộc UBND tỉnh và sắp xếp, bố trí phù hợp với chức năng, nhiệm vụ (đối với địa phương có Trung tâm phát triển quỹ đất huyện thì chuyển nguyên trạng về trực thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh).

Chuyển chức năng, nhiệm vụ dịch vụ công ích, vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị ở cấp huyện về Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh để cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường

- Thực hiện việc cơ cấu lại hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả (*như Đội quản lý Đô thị và các công trình công cộng/Đội quản lý trật tự đô thị và công cộng, ...*), bảo đảm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu gắn với cơ cấu lại, giảm viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

1.1.6. Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay theo quy định điểm 2.6 khoản 2 mục II Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQDP 02 cấp (*kể từ ngày 01/8/2025*).

Chính quyền địa phương xem xét, có thể sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí công tác theo quy định.

1.1.7. Đối với thôn, tổ dân phố của cấp xã

Tiếp tục xác định thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là cấp hành chính. Trước mắt giữ nguyên thôn, tổ dân phố hiện có. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo hướng tinh gọn, phục vụ trực tiếp đời sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn sau khi có quy định của cấp có thẩm quyền.

1.2. Lộ trình thực hiện

- Kết thúc hoạt động của ĐVHC cấp huyện và các tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện: Thực hiện hoàn thành chậm nhất ngày 01/7/2025 (*thời điểm kết thúc hoạt động của ĐVHC cấp huyện¹⁷*).

- Việc sắp xếp và kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức sau

¹⁷ theo Kết luận 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của BCHTW)

sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị quyết 76/2025/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025 (*hoàn thành xong việc kiện toàn tổ chức bộ máy và chính thức đi vào hoạt động chậm nhất ngày 15/8/2025*).

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

Theo định hướng tại Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp: Căn cứ vào điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã hiện nay, sẽ xem xét, quyết định việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức ở cấp xã mới theo phân cấp quản lý.

2.1. Đối với cán bộ, công chức (bao gồm cấp huyện và cấp xã hiện nay)

a) Thực trạng

- Tổng số cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã tỉnh Quảng Ngãi có mặt hiện nay (*không bao gồm khối đảng, đoàn thể*): 3.109 người/3.409 biên chế giao năm 2025, trong đó:

+ Cán bộ, công chức cấp huyện: 874 người/956 biên chế giao năm 2025.

+ Cán bộ, công chức cấp xã¹⁸: 2.235 người/2.451¹⁹ biên chế giao năm 2025 (*không bao gồm 1.151 người/1.203²⁰ biên chế giao năm 2025 với các chức danh: Bí thư, Bí thư kiêm Chủ tịch HĐND xã, Phó Bí thư kiêm Chủ tịch HĐND, Phó Bí thư kiêm CT MTTQVN, Phó Bí thư thường trực, Chủ tịch MTTQVN và Chủ tịch các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã*).

b) Phương án, lộ trình thực hiện

Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã hiện có để bố trí làm việc tại cấp xã và thực hiện rà soát tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Việc sắp xếp, bố trí 1.151 người với các chức danh: Bí thư, Bí thư kiêm Chủ tịch HĐND xã, Phó Bí thư kiêm Chủ tịch HĐND, Phó Bí thư kiêm CT MTTQVN, Phó Bí thư thường trực, Chủ tịch MTTQVN và Chủ tịch các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã tại các xã, phường, thị trấn được thực hiện gắn với Đề án hệ thống tổ chức Đảng cấp xã trực thuộc Tỉnh ủy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (*cấp tỉnh, cấp xã*); Đề án sắp xếp các cơ quan Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ về trực thuộc UBMTTQVN cấp tỉnh và cấp xã và Đề án cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ quản lý và phân cấp quản lý cán bộ theo mô hình hệ

¹⁸ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân (chuyên trách); Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Công chức: Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự; Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội.

¹⁹ Bao gồm 21 cán bộ đối dư (11 cán bộ, 10 công chức)

²⁰ Bao gồm 15 cán bộ đối dư (4 cán bộ khối Đảng và 11 cán bộ tổ chức chính trị - xã hội)

thống chính trị được tổ chức lại.

Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi có hiệu lực thi hành, số lượng và việc bố trí lãnh đạo, quản lý, số lượng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính sau sắp xếp thực hiện theo quy định.

2.2. Viên chức sự nghiệp cấp huyện (không bao gồm giáo dục, y tế và sự nghiệp khối Đảng quản lý)

a) Thực trạng: Hiện có 402 người/448 biên chế được giao hưởng lương từ ngân sách nhà nước; 175 viên chức hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị tự chủ²¹.

b) Phương án, lộ trình thực hiện: Tổ chức thực hiện tinh gọn đầu mối, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức đảm bảo cung ứng nhiều dịch vụ công cơ bản thiết yếu trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã, liên xã theo quy định của Chính phủ và phân cấp quản lý.

2.3 Người lao động (ở cấp huyện)

a) Thực trạng: Hiện có 65 đang hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ tại cơ quan hành chính cấp huyện.

b) Phương án, lộ trình thực hiện: Theo quy định của Chính phủ về sử dụng người lao động tại các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp (nếu có).

2.4. Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

a) Thực trạng: Tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã hiện nay: 1.897 người/2.259 giao năm 2025. Trong đó, có 121 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đang kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và 88 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đang kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố.

b) Phương án, lộ trình thực hiện: Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay, xem xét bố trí công tác tại thôn, tổ dân phố khi đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn và nhu cầu thực tế của địa phương; trường hợp không bố trí công tác thì khi kết thúc hoạt động kể từ ngày 01/8/2025.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

3.1. Để giải quyết số cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp xã hiện nay theo hướng bỏ cấp trung gian (cấp huyện), hình thành các ĐVHC cấp xã mới, thực hiện theo lộ trình và căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước để bố trí, sắp xếp và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức như:

+ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định

²¹ Ban QL Chợ (TP Quảng Ngãi); Ban QL DADTXD và PTQĐ hoặc Ban QL ĐTXD, Trung tâm PTQĐ các huyện, thị xã, TP

về tinh giản biên chế và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 29 (nếu có²²);

+ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/03/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ;

+ Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng...

Trong thời hạn 5 năm: Hàng năm tiếp tục rà soát, đánh giá chất lượng cán bộ, công chức để bố trí sắp xếp giảm dần số lượng cán bộ, công chức dôi dư, đến năm 2030 đảm bảo đủ số lượng cán bộ, công chức của một ĐVHC mới theo quy định.

3.2. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay, nếu không bố trí công tác thì kết thúc hoạt động từ 01/8/2025 và giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành (Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế) và chính sách khác của Trung ương (nếu có).

Thời gian thực hiện: Theo quy định của cấp thẩm quyền.

(cụ thể có Phụ lục V kèm theo)

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Qua rà soát có 400 trụ sở công trên địa bàn tỉnh, theo đó dự kiến phương án và lộ trình sắp xếp, xử lý trụ sở công như sau:

1. Phương án sắp xếp

Sau sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã tỉnh Quảng Ngãi còn 56 ĐVHC cấp xã (6 phường, 49 xã và 01 đặc khu); trên cơ sở rà soát tiêu chuẩn, định mức theo quy định, tỉnh tiếp tục sử dụng 67 trụ sở để làm việc; dôi dư 48 trụ sở; phương án khác 285 trụ sở.

2. Lộ trình: Việc bố trí, sử dụng trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định của Chính phủ; theo đó, dự kiến lộ trình sắp xếp, xử lý như sau:

Năm 2025: 10%/tổng số trụ sở dôi dư và phương án khác.

Năm 2026: thêm 15%/tổng số trụ sở dôi dư và phương án khác.

Năm 2027: thêm 25%/tổng số trụ sở dôi dư và phương án khác.

Năm 2028: thêm 25%/tổng số trụ sở dôi dư và phương án khác.

²² Hiện nay, dự thảo đang được lấy ý kiến

Năm 2029: thêm 25%/tổng số trụ sở dôi dư và phương án khác.

(cụ thể có Phụ lục VI kèm theo)

VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

1. Người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo đơn vị hành chính như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của trung ương và địa phương áp dụng đối với đơn vị hành chính như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp có thay đổi tên gọi của đơn vị hành chính sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

VII. QUẢN LÝ HỒ SƠ, BẢN ĐỒ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH, HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH

Trong quá trình sắp xếp ĐVHC, các địa phương tăng cường công tác quản lý, bảo quản hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính, hồ sơ địa chính để tránh việc thất lạc, hư hỏng và phối hợp thực hiện chỉnh lý hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính, hồ sơ địa chính sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Sở Nội vụ

- Tham mưu triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự khối chính quyền... theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định cấp thẩm quyền.

- Hướng dẫn, tham mưu thực hiện giải quyết chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị, địa phương tại các ĐVHC cấp xã mới hình thành sau sắp xếp theo phân cấp quản lý.

- Đối với công tác văn thư, lưu trữ khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã: Hướng dẫn về quản lý công tác văn thư; thu thập, bảo quản, tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng; hướng dẫn thống kê, sắp xếp, đóng gói, niêm phong, xác nhận khối lượng, tình trạng tài liệu giấy, tài liệu trên vật mang tin khác (nếu có) và phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, địa phương rà soát, tận dụng các trụ

sở còn trống để bố trí kho lưu trữ, đảm bảo tính an toàn, hiệu quả trong suốt quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan rà soát và tổ chức thẩm định trình cấp có thẩm quyền quyết định phân loại ĐVHC hình thành sau sắp xếp *(theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC)*.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Rà soát, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động - xã hội và chính sách đối với người có công tại ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp.

2. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch đô thị đối với các ĐVHC đô thị sau sắp xếp, đề xuất các biện pháp để đảm bảo và tiếp tục nâng cao chất lượng đô thị sau khi hoàn thành sắp xếp.

- Tiến hành rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn để bảo đảm sự thống nhất, phù hợp với Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Quảng Ngãi.

3. Sở Tài chính

- Hướng dẫn việc thực hiện nguồn vốn đầu tư công và việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030; việc xác định ưu đãi đầu tư; thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính; thay đổi thông tin giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép kinh doanh của cá nhân, tổ chức.

- Hướng dẫn công tác lập dự toán, định mức chi; quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí; việc miễn phí, lệ phí khi thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ có liên quan của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; xử lý trụ sở, tài sản làm việc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức ở đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp, sáp nhập.

- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC ở các địa phương; việc xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp; việc miễn phí, lệ phí khi thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Rà soát, chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi sắp xếp ĐVHC do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC thực hiện sắp xếp. Cập nhật, chuyển đổi thông tin các loại giấy tờ theo thẩm quyền quản lý sau khi sắp xếp ĐVHC.

Rà soát, bổ sung thực hiện các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo; chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với ĐVHC thực hiện sắp xếp; đánh giá các tiêu chí nông thôn mới và trình cấp có thẩm quyền việc công nhận ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

5. Sở Tư pháp

- Tham mưu rà soát, tổng hợp, đề xuất phương án xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành còn hiệu lực theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013, theo phương án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn xử lý vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực hộ tịch khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã.

- Hướng dẫn giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến thẩm quyền giải quyết và thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp ở các ĐVHC sau sắp xếp.

6. Sở Y tế

Chuyển giao nguyên trạng các trạm y tế về cấp xã quản lý để thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, đảm bảo việc tiếp cận dịch vụ y tế của người dân ở các địa giới hành chính sắp xếp được thuận lợi nhất.

7. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp.

- Thực hiện tốt công tác quản lý tôn giáo trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn Chủ quản dữ liệu xác định phạm vi, khoanh vùng dữ liệu, tài liệu điện tử trong Hệ thống thông tin theo từng tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân; lập danh mục hồ sơ công việc chưa hoàn thành, đã hoàn thành theo cơ quan, tổ chức, cá nhân (*tính đến thời điểm dự kiến bàn giao*); chuẩn bị phương án bàn giao khi có chỉ đạo.

- Hướng dẫn Chủ quản dữ liệu thực hiện đóng, kết thúc hoạt động đối với tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân ngay khi có quyết định về sắp xếp tổ chức bộ máy có hiệu lực; đôn đốc, theo dõi tình hình thực hiện và tổ chức hoạt động hỗ trợ thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp việc cấp mã định danh điện tử cho các cơ quan, tổ chức mới; Hướng dẫn các Chủ quản dữ liệu thực hiện cập nhật hệ thống mã định danh tài liệu, mã hồ sơ, ký hiệu văn bản của cơ quan, tổ chức mới, bảo đảm Hệ

thống thông tin hoạt động thông suốt.

- Hướng dẫn về chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; về xây dựng hệ thống dữ liệu kết nối, liên thông giữa chính quyền cấp tỉnh và liên thông với Trung ương.

9. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh và xác định đơn vị hành chính có di tích được công nhận, xếp hạng là di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới, di sản lịch sử quốc gia đặc biệt của các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

Hướng dẫn đảm bảo duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập.

11. Công an tỉnh

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thống kê, đóng gói, bảo đảm an toàn, bàn giao tài liệu mật theo đúng quy định.

- Hướng dẫn, phối hợp thực hiện việc thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp; thực hiện việc chuyển đổi địa chỉ cư trú của công dân; cập nhật, chuyển đổi thông tin các loại giấy tờ theo thẩm quyền quản lý do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC do thực hiện sắp xếp.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục duy trì, củng cố các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi sắp xếp ĐVHC cấp xã theo quy định của cấp có thẩm quyền.

12. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh

Rà soát, trình cấp có thẩm quyền xác định ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp là trọng điểm về quốc phòng; tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ ở ĐVHC sau sắp xếp. Hướng dẫn, thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị xét công nhận ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân.

IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Việc xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo theo định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ; phù hợp với nguyên tắc sắp xếp, mở rộng không gian phát triển cho đơn vị hành chính mới; xây dựng và củng cố chính quyền cấp xã vững mạnh, gần dân, thiết thực, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của tổ chức chính trị, quản lý chính quyền cấp xã; cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; phù hợp với nhiệm vụ, định hướng phát triển của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Kiến nghị, đề xuất

2.1. Kiến nghị Trung ương quan tâm xem xét hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã, như: Cải tạo, sửa chữa, xây trụ sở làm việc của cơ quan hành chính sau sáp nhập; Trạm y tế; đầu tư cơ sở vật chất, giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động...

2.2. Kiến nghị Chính phủ quan tâm chỉ đạo, sớm triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Quảng Ngãi - KonTum, thúc đẩy phát triển kinh tế hành lang Đông Tây của tỉnh Quảng Ngãi sau hợp nhất.

2.3. Kiến nghị Trung ương bố trí vốn để sửa chữa 62 km Quốc lộ 24 để phục vụ cho việc đi lại của người dân được thuận lợi sau sắp xếp.

2.4. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương sớm tham mưu cấp thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC và các nội dung khác có liên quan để địa phương có cơ sở pháp lý trong quá trình triển khai và thực hiện Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp lại ĐVHC cấp xã.

Trên đây là Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC I
THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
	TỈNH QUẢNG NGÃI	5155,248		1.532.488		78	1		145
I	THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI	157,348		324.767		0			20
1	Phường Quảng Phú	7.30505	132,82	22.594	322,77				
2	Phường Nghĩa Chánh	4.33342	78,79	18.342	262,03				X
3	Phường Nghĩa Lộ	3.95769	71,96	20.349	290,70				X
4	Phường Trung Quang Trọng	9.03963	164,36	20.898	298,54				
5	Phường Lê Hồng Phong	3.25226	59,13	10.197	145,67				X
6	Phường Trần Hưng Đạo	0.52536	9,55	12.661	180,87				X
7	Phường Nguyễn Nghiêm	0.52729	9,59	11.792	168,46				X
8	Phường Chánh Lộ	2.54801	46,33	18.201	260,01				X
9	Phường Trần Phú	2.55876	46,52	20.416	291,66				X
10	Xã Tịnh Khê	16.20328	54,01	17.254	215,68				X
11	Xã Nghĩa Hà	13.83858	46,13	18.749	234,36				X
12	Xã Nghĩa Đông	6.21503	20,72	10.551	131,89				X
13	Xã Nghĩa Đông	6.18912	20,63	10.293	128,66				X
14	Xã Tịnh An Đông	9.85896	32,86	6.836	85,45				X

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
15	Xã Tịnh An Tây	7,09728	23,66	11.475	143,44				X
16	Xã Tịnh An	8,65243	28,84	10.099	126,24				X
17	Xã Tịnh Châu	6,55186	21,84	7.953	99,41				X
18	Xã Tịnh Hòa	17,71119	59,04	13.562	169,53				X
19	Xã Tịnh Long	7,91757	26,39	10.111	126,39				X
20	Xã Tịnh Kỳ	3,35424	11,18	11.377	142,21				X
21	Xã Tịnh Thiện	12,01916	40,06	9.224	115,30				X
22	Xã An Phú	7,69000	25,63	31.833	397,91				X
II	HUYỆN BÌNH SON	466,85200		228.680		2	0		20
I	Thị trấn Châu Ó	8,21653	27,39	16.552	206,90				X
2	Xã Bình Hải	13,33214	44,44	14.491	181,14				X
3	Xã Bình Châu	19,36934	64,56	17.433	217,91				X
4	Xã Bình Tân Phú	38,57552	128,59	9.347	116,84				
5	Xã Bình Chánh	12,69774	42,33	15.717	196,46				X
6	Xã Bình Thạnh	15,65352	52,18	17.067	213,34				X
7	Xã Bình Long	13,68380	45,61	8.137	101,71				X
8	Xã Bình Mỹ	12,82496	42,75	8.655	108,19				X
9	Xã Bình Minh	42,11023	140,37	10.762	134,53				
10	Xã Bình An	47,35232	94,70	3.962	79,24	X			X
11	Xã Bình Khương	39,14214	78,28	4.949	98,98	X			X
12	Xã Bình Dương	8,79871	29,33	8.632	107,90				X

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
13	Xã Bình Trung	14,53135	48,44	11.537	144,21				X
14	Xã Bình Hiệp	13,73621	45,79	7.665	95,81				X
15	Xã Bình Hòa	21,61479	72,05	7.100	88,75				X
16	Xã Bình Đông	13,50536	45,02	12.622	156,91				X
17	Xã Bình Trị	18,37567	61,25	8.975	112,19				X
18	Xã Bình Phước	23,58058	78,60	7.841	98,01				X
19	Xã Bình Chương	17,96140	59,87	7.910	98,88				X
20	Xã Bình Nguyễn	26,48617	88,29	11.416	142,70				X
21	Xã Bình Thuận	18,86953	62,90	9.583	119,79				X
22	Xã Bình Thanh	26,43445	88,11	8.327	104,09				X
III	HUYỆN TRÀ BÔNG	760,40600		61.580		16			15
1	Thị trấn Trà Xuân	5,93266	11,87	8.747	174,94	X			X
2	Xã Trà Bình	21,84035	43,68	5.728	114,56	X			X
3	Xã Trà Tân	59,35972	118,72	2.521	50,42	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
4	Xã Trà Búi	62,99080	125,98	2.197	43,94	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
5	Xã Trà Giang	37,07758	74,16	653	13,06	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
6	Xã Trà Sơn	57,35420	114,71	6.240	124,80	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	
7	Xã Trà Thủy	76,14080	152,28	3.939	78,78	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
8	Xã Trà Hiệp	49,97195	99,94	2.398	47,96	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
9	Xã Trà Lắm	34,66508	69,33	2.315	46,30	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
10	Xã Trà Thanh	49,24792	98,50	2.713	54,26	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
11	Xã Trà Xanh	80,60662	161,21	2.403	48,06	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
12	Xã Trà Phong	40,35403	80,71	4.902	98,04	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
13	Xã Hương Trà	49,47508	98,95	4.607	92,14	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
14	Xã Trà Tây	69,57808	139,16	3.089	61,78	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
15	Xã Sơn Trà	49,90162	99,80	4.312	86,24	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
16	Xã Trà Phú	15,91060	31,82	4.816	96,32	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
IV	HUYỆN SƠN TINH	243,86100		113.725		3			10
1	Thị trấn Tịnh Hà	20,18000	67,27	20.861	260,76				X
2	Xã Tịnh Thọ	39,08127	130,27	14.553	181,91				
3	Xã Tịnh Hiệp	35,83117	71,66	9.657	193,14	X			X
4	Xã Tịnh Bình	25,24458	84,15	11.788	147,35				X
5	Xã Tịnh Trà	21,49867	71,66	6.002	75,03				X
6	Xã Tịnh Giang	17,14455	34,29	8.146	162,92	X			X
7	Xã Tịnh Đông	24,86630	49,73	7.672	153,44	X			X
8	Xã Tịnh Minh	9,29114	30,97	6.229	77,86				X
9	Xã Tịnh Sơn	14,36000	47,87	9.731	121,64				X
10	Xã Tịnh Phong	27,55949	91,86	13.234	165,43				X

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
11	Xã Tĩnh Bắc	8,80617	29,35	5.852	73,15				X
V	HUYỆN TƯ NGHĨA	205,60800		158.027		2			12
1	Thị trấn La Hà	4,66844	15,56	12.176	151,60				X
2	Thị trấn Sông Vệ	6,42000	21,40	14.830	185,38				X
3	Xã Nghĩa Trung	12,89611	42,99	15.549	194,36				X
4	Xã Nghĩa Hiệp	10,47753	34,93	13.487	168,59				X
5	Xã Nghĩa Thương	14,50453	48,35	16.400	205,00				X
6	Xã Nghĩa Hòa	9,86410	32,88	15.047	187,68				X
7	Xã Nghĩa Kỳ	25,52676	85,09	20.547	256,84				X
8	Xã Nghĩa Thắng	39,25880	130,86	11.932	149,15				
9	Xã Nghĩa Sơn	37,90355	75,81	1.274	25,48	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 10% dân số là người DTTS	X
10	Xã Nghĩa Lâm	14,55973	29,12	7.595	151,90	X			X
11	Xã Nghĩa Thuận	15,04160	50,14	8.975	112,08				X
12	Xã Nghĩa Điền	7,17168	23,91	9.849	123,11				X
13	Xã Nghĩa Phương	7,31000	24,37	10.366	129,58				X
VI	HUYỆN SON HÀ	728,26300		86.968		14			10
1	Thị trấn Di Lăng	56,76197	113,52	10.632	212,64	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	
2	Xã Sơn Hạ	39,73643	79,47	10.816	216,32	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
3	Xã Sơn Thành	48,73215	97,46	8.813	176,26	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
4	Xã Sơn Kỳ	142,94906	285,90	7.568	151,36	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
5	Xã Sơn Thượng	38,35692	76,71	4.923	98,46	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
6	Xã Sơn Bao	68,31945	136,64	4.771	95,42	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
7	Xã Sơn Trung	27,07154	54,14	3.867	77,34	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
8	Xã Sơn Nham	65,82086	131,64	5.146	102,92	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	
9	Xã Sơn Cao	36,32110	72,64	5.725	114,50	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
10	Xã Sơn Lĩnh	64,21397	128,43	6.086	121,72	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	
11	Xã Sơn Giang	26,16237	52,32	5.328	106,56	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
12	Xã Sơn Hải	24,35369	48,71	3.449	68,98	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
13	Xã Sơn Thủy	44,34290	88,69	5.342	106,84	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
14	Xã Sơn Ba	45,12072	90,24	4.502	90,04	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
VII	HUYỆN SƠN TÂY	385,63700		22.943		9			9
1	Xã Sơn Bua	50,97751	101,96	1.990	39,80	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
2	Xã Sơn Mù	40,67403	81,35	3.685	73,70	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
3	Xã Sơn Liên	30,77682	61,55	1.746	34,92	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
4	Xã Sơn Dung	45,14944	90,30	4.412	88,24	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
5	Xã Sơn Long	48,41132	96,82	2.252	45,04	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
6	Xã Sơn Lập	46,31041	93,02	1.382	27,64	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
7	Xã Sơn Tinh	49,99513	99,99	2.519	50,38	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
8	Xã Sơn Màu	39,64122	79,28	1.789	35,78	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
9	Xã Sơn Tân	33,50095	67,00	3.168	63,36	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
VIII	HUYỆN MINH LONG	237,29700		19.977		5			4
1	Xã Long Môn	69,47513	138,95	1.528	30,56	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
2	Xã Thanh An	37,94991	75,90	3.652	73,04	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
3	Xã Long Mai	37,10369	74,21	4.247	84,94	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
4	Xã Long Sơn	75,45355	150,91	5.645	112,90	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	
5	Xã Long Hiệp	17,31441	34,63	4.905	98,10	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
IX	HUYỆN NGHĨA HẠNH	234,48500		108.815		5			12
1	Thị trấn Chợ Chùa	7,53460	25,12	12.374	154,68				X
2	Xã Hành Phước	16,85688	56,19	14.340	179,25				X
3	Xã Hành Tín Đông	34,63534	69,27	4.643	92,86	X			X
4	Xã Hành Tín Tây	39,18419	78,37	5.212	104,24	X			X
5	Xã Hành Thịnh	20,62487	68,75	9.619	120,24				X
6	Xã Hành Thiện	25,28092	50,56	7.502	150,04	X			X
7	Xã Hành Minh	9,59740	31,99	6.679	83,49				X
8	Xã Hành Trung	8,46159	28,21	10.038	125,48				X
9	Xã Hành Đức	16,48036	54,93	12.124	151,55				X

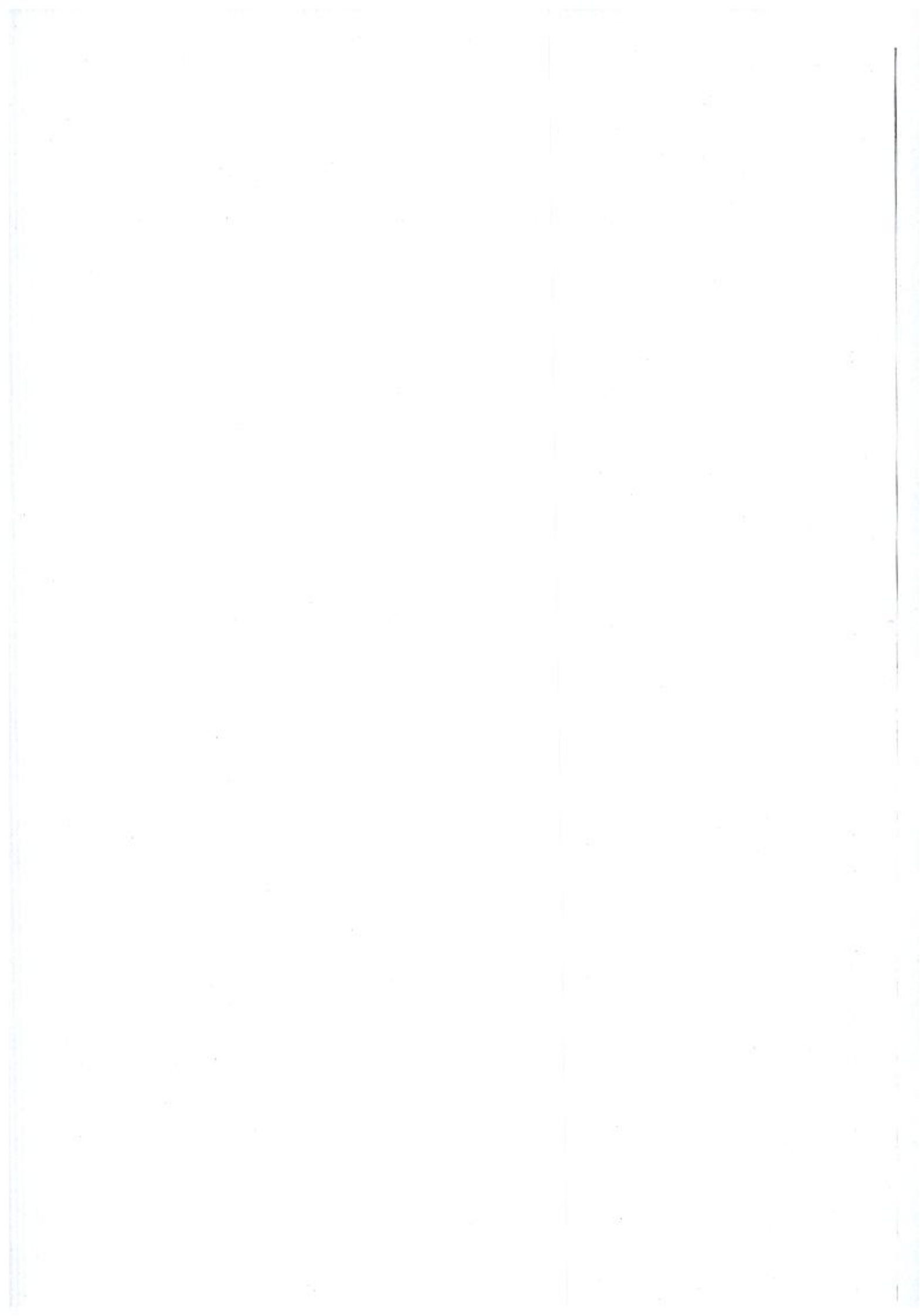
STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
10	Xã Hành Nhân	17,54173	35,08	8.950	179,00	X			X
11	Xã Hành Dũng	29,88350	59,77	8.213	164,26	X			X
12	Xã Hành Thuận	8,40413	28,01	9.121	114,01				X
X	HUYỆN MỘC ĐỨC	214,08200		150.578		1			12
1	Thị trấn Mộc Đức	8,71715	29,06	8.406	105,08				X
2	Xã Đức Lân	29,87546	99,58	16.153	201,91				X
3	Xã Đức Phong	27,13613	90,45	19.970	249,63				X
4	Xã Đức Chánh	19,12484	63,75	18.993	237,41				X
5	Xã Đức Nhuận	10,63481	35,45	14.635	182,94				X
6	Xã Đức Tấn	11,46132	38,20	7.469	93,36				X
7	Xã Đức Minh	16,30782	54,36	9.845	123,06				X
8	Xã Thắng Lợi	16,38000	54,60	16.763	209,54				X
9	Xã Đức Phú	42,43992	84,88	8.555	171,10	X			X
10	Xã Đức Thạnh	9,36461	31,22	9.749	121,86				X
11	Xã Đức Hòa	13,54999	45,17	11.465	143,31				X
12	Xã Đức Hiệp	9,08733	30,29	8.575	107,19				X
XI	THỊ XÃ ĐỨC PHỐ	373,05300		166.283		2			4
1	Phường Phố Thạnh	30,16842	548,52	25.879	517,58				
2	Phường Nguyễn Nghiêm	5,61711	102,13	11.131	222,62				
3	Phường Phố Vinh	15,59115	283,48	9.465	189,30				

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
4	Phường Phố Ninh	22,63462	411,54	10.692	213,84				
5	Phường Phố Văn	10,56403	192,07	10.326	206,52				
6	Phường Phố Quang	11,06179	201,12	9.973	199,46				
7	Phường Phố Hòa	16,37729	297,77	4.614	92,28				
8	Phường Phố Minh	9,10647	165,57	5.456	109,12				
9	Xã Phố Khánh	55,91033	186,37	13.997	174,96				
10	Xã Phố Cường	48,06961	160,23	14.967	187,09				
11	Xã Phố Phong	54,31113	108,62	10.706	214,12	X			
12	Xã Phố An	18,24999	60,83	13.080	163,50				X
13	Xã Phố Châu	19,77994	65,93	6.517	81,46				X
14	Xã Phố Nhôm	41,02341	82,05	7.335	146,70	X			X
15	Xã Phố Thuận	14,58729	48,62	12.145	151,81				X
XII	HUYỆN BA TÔ	1137,95700		64.506		19			17
1	Thị trấn Ba Tô	32,05334	64,11	7.579	151,58	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
2	Xã Ba Vinh	70,57704	141,15	4.690	93,80	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
3	Xã Ba Xa	102,78670	205,57	5.452	109,04	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	
4	Xã Ba Đình	43,21734	86,43	5.535	110,70	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
5	Xã Ba Tô	59,15164	118,30	6.582	131,64	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	
6	Xã Ba Bích	58,75847	117,52	2.343	46,86	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
7	Xã Ba Điền	44,42298	88,85	1.735	34,70	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
8	Xã Ba Giang	53,83097	107,66	1.722	34,44	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
9	Xã Ba Khâm	51,74272	103,49	1.929	38,58	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
10	Xã Ba Lễ	94,11903	190,24	1.880	37,60	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
11	Xã Ba Nam	120,12551	240,25	1.093	21,86	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
12	Xã Ba Thành	46,52876	93,06	3.344	66,88	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
13	Xã Ba Ngọc	42,22597	84,45	3.464	69,28	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
14	Xã Ba Tiểu	40,67683	81,35	2.712	54,24	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
15	Xã Ba Trung	147,65984	295,32	2.565	51,30	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
16	Xã Ba Vĩ	42,49965	85,00	5.196	103,92	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
17	Xã Ba Cung	30,10053	60,20	2.341	46,82	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
18	Xã Ba Liên	41,25979	82,52	1.489	29,78	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
19	Xã Ba Động	15,21982	30,44	2.855	57,10	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS	X
XIII	HUYỆN LÝ SƠN	10,39860		25.639			X		

PHỤ LỤC II
THÔNG KÊ DVHC CẤP XÃ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án sắp xếp DVHC cấp xã năm 2025)

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
I	HUYỆN BA TƠ							
I	Xã Ba Xã	102,78670	205,57	5.452	109,04	X		Xã miền núi, vùng cao có trên 30% dân số là người DTTS



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP DVHC CẤP XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Đề án sắp xếp DVHC cấp xã năm 2025)

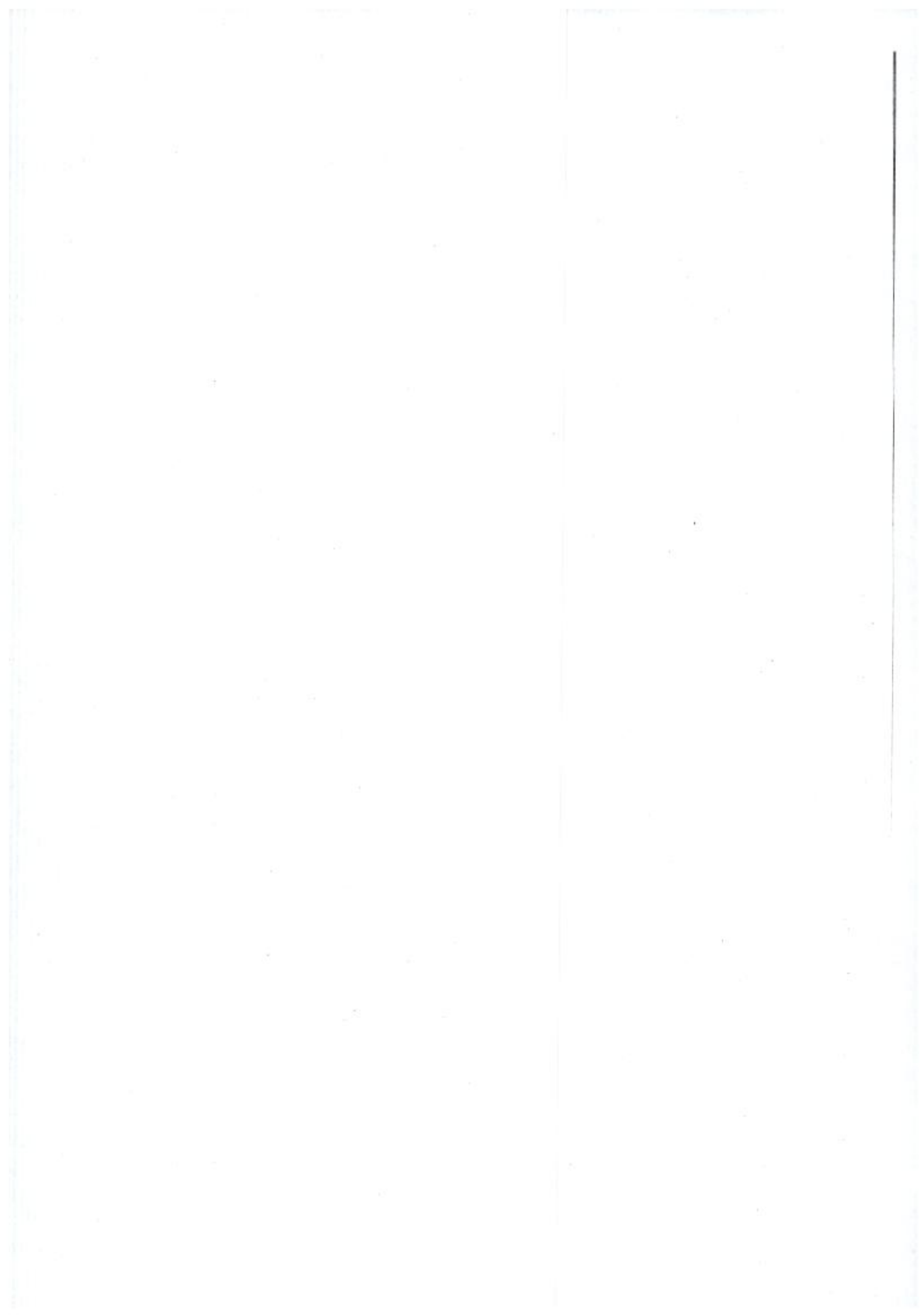
[illegible]

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích tự nhiên (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
2.1	Phường Trà Cầu	Nhập xã Phổ An, phường Phổ Văn, phường Phổ Quang và xã Phổ Thuận	3	54,46310	990,238%	45.524	216,781%			
2.2	Phường Đức Phổ	Nhập phường Phổ Hòa, phường Nguyễn Nghiêm, phường Phổ Minh, phường Phổ Vinh và phường Phổ Ninh	4	69,32664	1260,48%	41.358	196,943%			
2.3	Phường Sa Huỳnh	Nhập phường Phổ Thạnh và xã Phổ Châu	1	49,94836	908,152%	32.396	154,267%			
III		Huyện Bình Sơn		487,91789		253.619				
1	Xã Bình Minh	Nhập xã Bình Minh, xã Bình An và xã Bình Khương	2	128,60469	428,682%	19.673	122,956%			
2	Xã Bình Chương	Nhập xã Bình Chương và xã Bình Mỹ	1	30,78636	102,621%	16.565	103,531%			
3	Xã Bình Sơn	Nhập xã Bình Thạnh, xã Bình Chánh, xã Bình Dương, xã Bình Nguyên, xã Bình Trung, thị trấn Châu Ô và xã Bình Long	6	100,06782	333,559%	89.058	556,613%			
4	Xã Vạn Tường	Nhập xã Bình Thuận, xã Bình Đông, xã Bình Trị, xã Bình Hải, xã Bình Hòa và xã Bình Phước	5	109,27807	364,260%	60.612	378,825%			
5	Xã Đông Sơn	Nhập xã Bình Hiệp, xã Bình Thanh, xã Bình Tân Phú, xã Bình Châu và xã Tịnh Hòa	4	115,82671	386,089%	56.334	352,088%			
IV		Huyện Sơn Tịnh		243,86307		113.725				
1	Xã Trường Giang	Nhập xã Tịnh Giang, xã Tịnh Đông và xã Tịnh Minh	2	51,30199	171,007%	22.047	137,794%			
2	Xã Ba Gia	Nhập xã Tịnh Bắc, xã Tịnh Hiệp và xã Tịnh Trà	2	66,13601	220,453%	21.511	134,444%			
3	Xã Sơn Tịnh	Nhập xã Tịnh Bình, xã Tịnh Sơn và thị trấn Tịnh Hà	2	59,78458	199,282%	42.380	264,875%			
4	Xã Thọ Phong	Nhập xã Tịnh Phong và xã Tịnh Thọ	1	66,64076	222,135%	27.787	173,669%			
V		Huyện Tư Nghĩa		205,60283		158.027				
1	Xã Tư Nghĩa	Nhập thị trấn La Hà, xã Nghĩa Trung, xã Nghĩa Thương và xã Nghĩa Hòa	3	41,93318	139,777%	59.172	369,825%			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phương án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích tự nhiên (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
2	Xã Vệ Giang	Nhập xã Nghĩa Hiệp, thị trấn Sông Vệ và xã Nghĩa Phương	2	24,20753	80,692%	38.683	241,769%			
3	Xã Nghĩa Giang	Nhập xã Nghĩa Thuận, xã Nghĩa Kỳ và xã Nghĩa Diễn	2	47,74004	159,133%	39.371	246,069%			
4	Xã Trà Giang	Nhập xã Nghĩa Sơn, xã Nghĩa Lân và xã Nghĩa Thắng	2	91,72208	305,740%	20.801	130,006%			
VI		Huyện Nghĩa Hành		234,48551		108.815				
1	Xã Nghĩa Hành	Nhập xã Hành Thuận, thị trấn Chợ Chùa và xã Hành Trung	2	24,40032	81,334%	31.533	197,081%			
2	Xã Đình Cường	Nhập xã Hành Đức, xã Hành Phước và xã Hành Thịnh	2	53,96211	179,874%	36.083	225,519%			
3	Xã Thiện Tín	Nhập xã Hành Thiện, xã Hành Tín Tây và xã Hành Tín Đông	2	99,10045	99,100%	17.357	347,140%	X		
4	Xã Phước Giang	Nhập xã Hành Dũng, xã Hành Nhân và xã Hành Minh	2	57,02263	190,075%	23.842	149,013%			
VII		Huyện Mộ Đức		214,07923		150.578				
1	Xã Long Phụng	Nhập xã Thăng Lợi, xã Đức Nhuận và xã Đức Hiệp	2	36,10214	120,340%	39.973	249,831%			
2	Xã Mộ Cày	Nhập xã Đức Chánh, xã Đức Thanh và xã Đức Minh	2	44,79727	149,324%	38.587	241,169%			
3	Xã Mộ Đức	Nhập xã Đức Hòa, xã Đức Phú, xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức	3	76,16838	253,894%	35.895	224,344%			
4	Xã Lân Phong	Nhập xã Đức Phong và xã Đức Lân	1	57,01159	190,039%	36.123	225,769%			
VIII		Huyện Trà Bồng		760,40709		61.580				
1	Xã Trà Bồng	Nhập thị trấn Trà Xuân, xã Trà Sơn và xã Trà Thủy	2	139,42766	139,428%	18.926	378,520%	X		
2	Xã Đông Trà Bồng	Nhập xã Trà Bình, xã Trà Phú và xã Trà Giang	2	74,82853	74,829%	11.197	223,940%	X		
3	Xã Tây Trà	Nhập xã Sơn Trà, xã Trà Phong và xã Trà Xanh	2	170,86227	170,862%	11.617	232,340%	X		

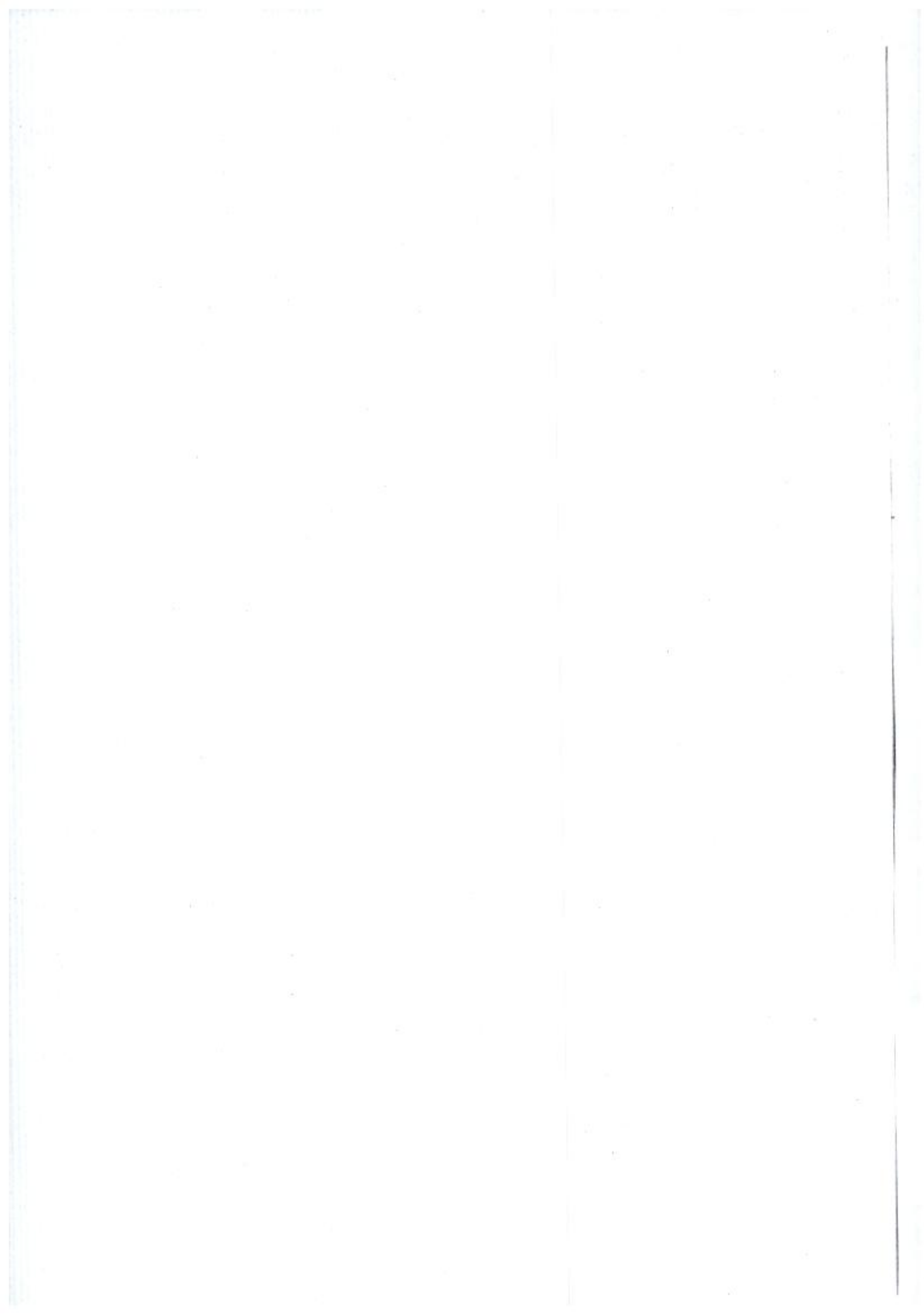
Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích tự nhiên (km ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích tự nhiên (km ²)	Tỷ lệ (%)			
4	Xã Cà Đam	Nhập xã Trà Tân và 52,991 km ² , quy mô dân số 1,815 người của xã Trà Bùi (sau khi điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số thôn Nước Nĩa, xã Trà Bùi vào xã Trà Tây và xã Hương Trà)	1	112,35052	112,351%		86,720%	X		
5	Xã Thanh Bồng	Nhập xã Trà Lâm, xã Trà Hiệp và xã Trà Thanh	2	133,88495	133,885%		148,520%	X		
6	Xã Tây Trà Bồng	Nhập xã Hương Trà, xã Trà Tây và một phần diện tích tự nhiên 10 km ² , quy mô dân số là 382 người của xã Trà Bùi (thôn Nước Nĩa)	1	129,05316	129,053%		161,560%	X		
IX		Huyện Sơn Hà		728,26313			86,968			
1	Xã Sơn Hạ	Nhập xã Sơn Hạ, xã Sơn Nham và xã Sơn Thành	2	154,28944	154,289%		495,500%	X		
2	Xã Sơn Linh	Nhập xã Sơn Giang, xã Sơn Linh và xã Sơn Cao	2	126,69744	126,697%		342,780%	X		
3	Xã Sơn Hà	Nhập thị trấn Di Lăng, xã Sơn Bao và xã Sơn Thượng	2	163,43834	163,438%		406,520%	X		
4	Xã Sơn Thủy	Nhập xã Sơn Trung, xã Sơn Hải và xã Sơn Thủy	2	95,76813	95,768%		253,160%	X		
5	Xã Sơn Kỳ	Nhập xã Sơn Kỳ và xã Sơn Ba	1	188,06978	188,070%		241,400%	X		
X		Huyện Sơn Tây		385,63683			22,943			
1	Xã Sơn Tây	Nhập xã Sơn Long, xã Sơn Tân và xã Sơn Dung	2	127,06171	127,062%		196,640%	X		
2	Xã Sơn Tây Thượng	Nhập xã Sơn Mưa, xã Sơn Liên và xã Sơn Bua	2	122,42836	122,428%		148,420%	X		
3	Xã Sơn Tây Hạ	Nhập xã Sơn Tinh, xã Sơn Lập và xã Sơn Mầu	2	136,14676	136,147%		113,800%	X		
XI		Huyện Minh Long		237,29669			19,977			
1	Xã Minh Long	Nhập xã Long Hiệp, xã Thanh An và xã Long Môn	2	124,73945	124,739%		201,700%	X		
2	Xã Sơn Mai	Nhập xã Long Mui và xã Long Sơn	1	112,55724	112,557%		197,840%	X		
XII		Huyện Ba Tơ		1137,95693			64,506			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích tự nhiên (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	Xã Ba Vì	Nhập xã Ba Tiêu, xã Ba Ngạc và xã Ba Vì	2	125,40245	125,402%	11.372	227,440%	X		
2	Xã Ba Tô	Nhập xã Ba Tô, xã Ba Nam và xã Ba Lễ	2	274,39618	274,396%	9.555	191,100%	X		
3	Xã Ba Đình	Nhập xã Ba Đình và xã Ba Giang	1	97,04831	97,048%	7.257	145,140%	X		
4	Xã Ba Tơ	Nhập xã Ba Bích, thị trấn Ba Tơ và xã Ba Cung	2	120,91234	120,912%	12.263	245,260%	X		
5	Xã Ba Vinh	Nhập xã Ba Diên và xã Ba Vinh	1	115,00002	115,000%	6.425	128,500%	X		
6	Xã Ba Động	Nhập xã Ba Liên, xã Ba Thành và xã Ba Động	2	103,00837	103,008%	7.688	153,760%	X		
7	Xã Đặng Thùy Trâm	Nhập xã Ba Trang và xã Ba Khâm	1	199,40256	199,403%	4.494	89,880%	X		
XIII		ĐẶC KHU LÝ SƠN		10,39860		25.639				



PHỤ LỤC IV
BẢNG THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Đề án sắp xếp DVHC cấp xã năm 2025)

DVHC cấp xã	Số lượng DVHC hiện nay	Số lượng DVHC đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng DVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng DVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng DVHC sau sắp xếp	Số lượng DVHC sau sắp xếp không đạt tiêu chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng DVHC giảm sau sắp xếp
Xã	144	1		143	49	4	95
Phường	17			17	6		11
Thị trấn	9			9			9
Tổng	170	1	0	169	55	4	115



PHỤ LỤC V
THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ VÀ
DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, BỎ TRÍ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

STT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức					Số lượng theo hiện có					Số lượng dự kiến thực hiện sắp xếp, tính giữa theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29,...)				
		Cán bộ	Công chức	Số cán bộ, công chức cấp xã đối dư giải theo lộ trình sắp xếp	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách		
A	CẤP XÃ	1.864	1.754	36	0	2.259	1.812	1.574	0	1.897	443	173	0	1.688		
1	THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI	240	254	10	0	316	229	219		251	50	29	0	237		
1	Phường Quảng Phú	11	15			18	10	11		13	3	3		13		
2	Phường Nghĩa Chánh	11	15			17	11	11		12	1	2		12		
3	Phường Nghĩa Lộ	11	14			17	11	11		13	3	0		11		
4	Phường Trương Quang Trọng	11	14			17	10	12		11	4	0		11		
5	Xã Tịnh Khê	11	13			16	11	11		11	0	3		11		
6	Xã An Phú	11	16			19	13	15		31	1	5		27		
7	Xã Nghĩa Hà	11	13			16	10	11		13	4	2		13		
8	Phường Lê Hồng Phong	11	10			12	8	9		12	3	2		8		
9	Phường Trần Hưng Đạo	11	11			13	11	10		9	2	0		9		
10	Phường Nguyễn Nghiêm	10	12			13	9	9		7	0	2		7		
11	Phường Chánh Lộ	11	12			15	11	11		11	3	0		11		
12	Phường Trần Phú	10	14			15	10	11		6	1	0		5		
13	Xã Nghĩa Đông	11	10			12	10	9		9	3	2		9		
14	Xã Nghĩa Dũng	11	10			12	10	8		11	3	1		11		
15	Xã Tịnh An Đông	11	10			12	11	10		11	2	2		11		
16	Xã Tịnh An Tây	11	10			12	10	9		9	5	0		9		
17	Xã Tịnh An	11	9			12	11	8		11	1	0		9		
18	Xã Tịnh Châu	11	9			12	11	8		10	3	1		10		
19	Xã Tịnh Hòa	11	10			13	11	9		11	3	2		11		
20	Xã Tịnh Long	11	9			12	11	9		9	0	1		8		

STT	Tên DVHC	Số lượng theo định mức						Số lượng theo hiện có						Số lượng dự kiến thực hiện sắp xếp, tính gần theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29...)			
		Cán bộ	Công chức	Số cán bộ, công chức cấp xã đối dư giải theo lộ trình sắp xếp	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức				
21	Xã Tinh Kỳ	11	9				12	9	8		10	1	1		10		
22	Xã Tinh Thiệu	11	9				12	10	9		11	4	0		11		
II	HUYỆN BÌNH SƠN	242	231	0	0	297	235	223		249	41	16	0		197		
1	Thị trấn Châu Ó	11	13				16	11	13		10	3	0		9		
2	Xã Bình Hải	11	12				15	11	12		11	2	0		8		
3	Xã Bình Châu	11	13				16	10	13		13	2	1		13		
4	Xã Bình Tân Phú	11	11				14	10	11		14	0	1		12		
5	Xã Bình Chánh	11	12				15	11	11		12	0	3		11		
6	Xã Bình Thạnh	11	13				16	11	12		13	0	4		11		
7	Xã Bình Long	11	9				12	11	8		11	2	0		8		
8	Xã Bình Mỹ	11	9				12	11	9		11	1	0		9		
9	Xã Bình Minh	11	11				14	10	11		9	1	0		7		
10	Xã Bình An	11	9				12	11	9		12	3	2		8		
11	Xã Bình Khương	11	9				12	10	8		10	1	0		8		
12	Xã Bình Dương	11	9				12	11	8		11	4	1		9		
13	Xã Bình Trung	11	9				12	10	9		12	2	0		7		
14	Xã Bình Hiệp	11	9				12	11	9		11	1	2		9		
15	Xã Bình Hòa	11	9				12	11	9		11	4	0		7		
16	Xã Bình Đông	11	12				15	11	12		14	0	1		9		
17	Xã Bình Trị	11	9				12	11	9		10	4	0		7		
18	Xã Bình Phước	11	11				14	11	9		9	3	0		8		
19	Xã Bình Chương	11	9				12	11	9		9	2	1		9		
20	Xã Bình Nguyên	11	11				14	10	11		10	0	0		9		
21	Xã Bình Thuận	11	11				14	11	10		13	1	0		11		
22	Xã Bình Thanh	11	11				14	10	11		13	5	0		8		
III	HUYỆN TRẢ BÓNG	176	144	0	0	192	169	137		170	67	0	0		155		
1	Thị trấn Trà Xuân	11	9				12	11	7		9	4	0		9		
2	Xã Trà Bình	11	9				12	9	9		7	3	0		6		
3	Xã Trà Tân	11	9				12	11	9		11	8	0		7		
4	Xã Trà Bù	11	9				12	11	8		10	7	0		8		
5	Xã Trà Giang	11	9				12	10	9		10	5	0		8		

3														
STT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức					Số lượng theo hiện có					Số lượng dự kiến thực hiện sắp xếp, tính gần theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29...)		
		Cán bộ	Công chức	Số cán bộ, công chức cấp xã đối dư giải đoạn 2023-2025 giảm theo lộ trình sắp xếp	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách				
6	Xã Trà Sơn	11	9			12	11	8		12	5	0		10
7	Xã Trà Thủy	11	9			12	11	9		12	2	0		11
8	Xã Trà Hiệp	11	9			12	11	8		10	3	0		9
9	Xã Trà Lâm	11	9			12	11	9		12	5	0		11
10	Xã Trà Thanh	11	9			12	11	9		11	8	0		11
11	Xã Trà Xinh	11	9			12	11	9		10	4	0		10
12	Xã Trà Phong	11	9			12	11	8		11	2	0		11
13	Xã Hương Trà	11	9			12	11	9		12	6	0		12
14	Xã Trà Tây	11	9			12	11	9		12	1	0		12
15	Xã Sơn Trà	11	9			12	8	9		11	1	0		10
16	Xã Trà Phú	11	9			12	10	8		10	3	0		10
IV	HUYỆN SƠN TINH	120	110	0	0	142	116	101		123	25	4	0	110
1	Thị trấn Tinh Hà	11	13			17	11	9		12	2	0		10
2	Xã Tinh Thọ	11	12			15	11	11		11	1	0		8
3	Xã Tinh Hiệp	11	10			13	10	9		11	5	0		11
4	Xã Tinh Bình	11	10			12	11	9		12	2	2		12
5	Xã Tinh Trà	11	9			12	11	9		12	3	0		8
6	Xã Tinh Giang	11	9			13	10	8		11	3	0		10
7	Xã Tinh Đông	11	9			13	10	9		12	1	0		11
8	Xã Tinh Minh	11	9			12	11	8		11	2	0		11
9	Xã Tinh Sơn	11	9			12	10	9		12	1	1		11
10	Xã Tinh Phong	11	11			13	11	11		12	2	0		11
11	Xã Tinh Bắc	10	9			10	10	9		7	3	1		7
V	HUYỆN TỨ NGHIA	143	142	14	0	187	142	127		148	29	14	0	123
1	Thị trấn La Hà	11	12			15	11	11		12	2	1		10
2	Xã Nghĩa Trung	11	12			15	11	11		11	1	3		10
3	Xã Nghĩa Hiệp	11	12			15	11	10		11	1	1		7
4	Xã Nghĩa Thương	11	13			16	11	10		12	3	0		10
5	Xã Nghĩa Hòa	11	12			15	10	10		13	2	0		10
6	Xã Nghĩa Kỳ	11	14			17	11	12		13	1	2		11
7	Xã Nghĩa Thắng	11	12			14	11	11		11	5	2		10

STT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức						Số lượng theo hiện có						Số lượng dự kiến thực hiện sắp xếp, tính giãn theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29...)			
		Cán bộ	Công chức	Số cán bộ, công chức cấp xã đối dư giải theo lộ trình sắp xếp	Viện chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHĐ không chuyên trách			
8	Xã Nghĩa Sơn	11	9			12	11	7		10	3	1		10			
9	Xã Nghĩa Lâm	11	9			13	11	8		10	5	1		9			
10	Xã Nghĩa Thuận	11	9			12	11	8		11	2	0		8			
11	Xã Nghĩa Điền	11	9			12	11	9		8	1	1		7			
12	Xã Nghĩa Phương	11	9			12	11	8		13	1	1		12			
14	Thị trấn Sông Vệ	11	10			13	11	12		13	2	1		9			
VI	HUYỆN SON HÀ	154	141	0	0	183	149	123		157	26	21	0	137			
1	Thị trấn Di Lăng	11	13			17	11	9		13	0	2		13			
2	Xã Sơn Hạ	11	13			16	11	12		14	2	0		13			
3	Xã Sơn Thành	11	12			15	11	10		11	0	0		8			
4	Xã Sơn Kỳ	11	12			15	10	9		12	2	1		12			
5	Xã Sơn Thượng	11	9			12	11	8		11	4	1		7			
6	Xã Sơn Bao	11	9			12	11	8		9	0	0		7			
7	Xã Sơn Trung	11	9			12	10	9		8	2	2		7			
8	Xã Sơn Nhâm	11	9			12	10	7		12	2	2		10			
9	Xã Sơn Cao	11	9			12	11	9		11	2	2		11			
10	Xã Sơn Linh	11	10			12	11	8		11	4	2		7			
11	Xã Sơn Giang	11	9			12	10	9		12	3	1		10			
12	Xã Sơn Hải	11	9			12	11	8		9	1	1		9			
13	Xã Sơn Thủy	11	9			12	10	9		12	2	3		11			
14	Xã Sơn Ba	11	9			12	11	8		12	2	4		12			
VII	HUYỆN SON TÂY	99	81	0	0	108	93	72		80	25	8	0	73			
1	Xã Sơn Bua	11	9			12	11	8		7	4	0		5			
2	Xã Sơn Mùa	11	9			12	10	8		11	4	0		11			
3	Xã Sơn Liên	11	9			12	11	9		11	1	0		11			
4	Xã Sơn Dung	11	9			12	10	8		10	4	2		9			
5	Xã Sơn Long	11	9			12	11	9		12	1	1		11			
6	Xã Sơn Lập	11	9			12	10	6		8	3	1		6			
7	Xã Sơn Tinh	11	9			12	11	7		10	3	1		9			
8	Xã Sơn Mầu	11	9			12	9	9		7	2	2		7			
9	Xã Sơn Tân	11	9			12	10	8		4	3	1		4			

STT		Tên ĐVHC		Số lượng theo định mức					Số lượng theo hiện có					Số lượng dự kiến thực hiện sắp xếp, tính gần theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29...)				
				Cán bộ	Công chức	Số cán bộ, công chức cấp xã đối dư giải đoạn 2023-2025 giảm theo lộ trình sắp xếp	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách						
VIII		HUYỆN MINH LONG		54	44	0	0	58	53	40		49	5	5	0	47		
1	Xã Long Môn	11	9					12	11	7		11	1	1		9		
2	Xã Thanh An	11	9					12	11	9		11	0	1		11		
3	Xã Long Mai	11	9					12	11	9		9	1	1		9		
4	Xã Long Sơn	11	9					12	11	8		11	1	1		11		
5	Xã Long Hiệp	10	8					10	9	7		7	2	1		7		
IX		HUYỆN NGHĨA HẠNH		132	114	0	0	150	129	103		131	26	8	0	115		
1	Xã Hành Phước	11	12					15	10	10		13	2	2		12		
2	Thị Trấn Chợ Chùa	11	10					12	11	8		11	0	0		9		
3	Xã Hành Tân Đông	11	9					12	10	9		11	2	2		9		
4	Xã Hành Tân Tây	11	9					12	11	8		11	3	0		9		
5	Xã Hành Thịnh	11	9					12	11	8		9	3	1		9		
6	Xã Hành Thiện	11	9					13	11	8		11	5	1		9		
7	Xã Hành Minh	11	9					12	11	9		10	0	0		8		
8	Xã Hành Trung	11	9					12	11	9		12	2	0		11		
9	Xã Hành Đức	11	10					12	11	7		11	1	0		11		
10	Xã Hành Nhân	11	9					13	10	9		9	3	0		9		
11	Xã Hành Dũng	11	10					13	11	9		11	1	0		8		
12	Xã Hành Thuận	11	9					12	11	9		12	4	2		11		
X	HUYỆN MỘC ĐỨC	132	127	12	0			168	130	111		149	42	14	0	139		
1	Xã Đức Lân	11	13					16	11	9		14	1	2		13		
2	Xã Đức Phong	11	14					17	11	9		13	6	0		13		
3	Xã Đức Chánh	11	13					16	10	10		12	4	0		12		
4	Xã Đức Nhuận	11	12					15	10	12		12	3	2		8		
5	Xã Đức Tân	11	9					12	11	7		11	2	0		10		
6	Thị trấn Mỹ Đức	11	9					12	11	7		10	4	2		8		
7	Xã Đức Minh	11	9					12	11	9		11	0	1		11		
8	Xã Đức Phú	11	10					13	11	8		12	4	4		12		
9	Xã Đức Thanh	11	9					12	11	9		10	4	0		10		
10	Xã Đức Hòa	11	9					12	10	9		11	4	2		11		

STT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức					Số lượng theo hiện có					Số lượng dự kiến thực hiện sắp xếp, tính gián theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29...)			
		Cán bộ	Công chức	Số cán bộ, công chức cấp xã đối dư giải theo lộ trình sắp xếp	Viên chức	NHID không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHID không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHID không chuyên trách	
11	Xã Đức Hiệp	11	9			12	10	8		12	6	1		12	
12	Xã Thắng Lợi	11	11			14	13	14		21	4	0		19	
XI	THỊ XÃ ĐỨC PHỐ	163	183	0	0	218	160	142		163	50	26	0	145	
1	Phường Phố Thịnh	11	19			26	10	12		13	1	1		11	
2	Xã Phố Khánh	11	13			15	10	10		11	6	1		11	
3	Xã Phố Cường	11	13			15	11	11		10	1	5		9	
4	Xã Phố Phong	11	13			16	11	10		11	3	0		11	
5	Xã Phố An	11	13			15	11	10		13	5	1		13	
6	Phường Nguyễn Nghiêm	11	12			14	11	8		9	4	2		9	
7	Phường Phố Vinh	11	12			14	11	10		10	1	0		7	
8	Phường Phố Ninh	11	12			17	11	9		12	8	3		12	
9	Phường Phố Văn	11	12			14	11	10		12	4	2		10	
10	Phường Phố Quang	11	12			14	11	10		11	3	2		8	
11	Xã Phố Châu	11	10			12	11	9		11	4	3		9	
12	Xã Phố Nhom	11	11			12	11	8		11	4	3		9	
13	Xã Phố Thuận	11	11			13	11	9		9	1	1		9	
14	Phường Phố Hòa	10	10			11	9	8		10	1	1		8	
15	Phường Phố Minh	10	10			10	10	8		10	4	1		9	
XII	HUYỆN BA TƠ	209	183	0	0	240	207	176		227	57	28	0	210	
1	Xã Ba Vinh	11	11			14	11	11		14	7	2		14	
2	Xã Ba Xa	11	12			15	11	11		13	1	0		13	
3	Xã Ba Đình	11	11			14	11	10		13	0	0		13	
4	Xã Ba Tô	11	11			14	11	10		13	2	0		12	
5	Thị trấn Ba Tư	11	10			13	11	10		12	2	0		11	
6	Xã Ba Bích	11	9			12	11	9		12	0	0		11	
7	Xã Ba Điền	11	9			12	11	9		12	8	3		10	
8	Xã Ba Giang	11	9			12	11	9		10	0	2		9	
9	Xã Ba Khâm	11	9			12	11	8		12	8	5		12	
10	Xã Ba Lễ	11	9			12	11	9		12	9	5		11	
11	Xã Ba Nam	11	8			13	11	8		13	2	1		11	
12	Xã Ba Thành	11	10			12	11	9		11	3			10	

STT		Tên DVHC	Số lượng theo định mức					Số lượng theo hiện có					Số lượng dự kiến thực hiện sắp xếp, tính gộp theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29...)			
			Cán bộ	Công chức	Số cán bộ, công chức cấp xã đối dư giải đoạn 2023-2025 giảm theo lộ trình sắp xếp	Viện chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHĐ không chuyên trách	
	13	Xã Ba Ngạc	11	9			12	11	9		12	2	0		10	
	14	Xã Ba Tiến	11	9			12	11	8		11	1	1		11	
	15	Xã Ba Trang	11	10			13	10	10		11	5	2		11	
	16	Xã Đa Vĩ	11	10			12	10	9		12	1	1		12	
	17	Xã Ba Cung	11	9			12	11	9		10	5	2		6	
	18	Xã Ba Liên	11	9			12	11	9		12	0	1		12	
	19	Xã Đa Động	11	9			12	11	9		12	1	1		11	
B	CẤP HUYỆN		85	871	0	15.774	0	81	793	14.980	0	21	70	1.396	0	
	Dự kiến số lượng cán bộ, công chức cấp huyện bổ trí về cấp xã		85	871				81	793			21	70			
	Dự kiến viên chức thuộc cấp huyện quản lý bổ trí về cấp xã (viên chức giáo dục)					15.774				14.980				1.396		
C	VIỆN CHỨC TRẠM Y TẾ CẤP XÃ (HIỆN NAY DO SỐ Y TẾ QUẦN L.Ỗ, DỰ KIẾN CHUYÊN NGUYÊN TRẠNG VỀ CẤP XÃ QUẢN LÝ					1.160				1.040						
	TỔNG CỘNG (A+B+C)		1.949	2.625	36	16.934	2.259	1.893	2.367	16.020	1.897	464	243	1.396	1.688	

Ghi chú: Cán bộ cấp xã bao gồm khối Đảng, tổ chức chính trị - xã hội và khối chính quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC VI

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ CÔNG TẠỊ CÁC ĐVHC CẤP XÃ SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

STT	Tên cấp xã	Số lượng	Dự kiến phương án sắp xếp, xử lý				Dự kiến lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Đổi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029	
	Cấp xã	292	67	22	203	0	0	0	0	0	
1	Xã Tịnh Khê	6	1	0	5						
2	Phường Trương Quang Trọng	15	2	0	13						
3	Xã An Phú	14	2	0	12						
4	Phường Cẩm Thành	7	1	3	3						
5	Phường Nghĩa Lộ	8	1	1	6						
6	Phường Trà Cầu	8	2	2	4						
7	Xã Nguyễn Nghiêm	4	1	1	2						
8	Phường Đức Phổ	8	1	2	5						
9	Phường Khánh Cường	4	2	1	1						
10	Phường Sa Huỳnh	3	2	0	1						
11	Xã Bình Minh	3	1	0	2						
12	Xã Bình Chương	2	1	0	1						
13	Xã Bình Sơn	9	1	0	8						
14	Xã Vạn Tường	6	1	0	5						
15	Xã Đông Sơn	11	1	0	10						
16	Xã Thọ Phong	3	1	0	2						
17	Xã Trương Giang	5	1	0	4						
18	Xã Ba Gia	3	1	0	2						
19	Xã Sơn Tịnh	4	1	0	3						
20	Xã Trà Giang	8	2	2	4						
21	Xã Nghĩa Giang	4	2	0	2						
22	Xã Tư Nghĩa	5	1	0	4						
23	Xã Vệ Giang	5	2	0	3						
24	Xã Nghĩa Hành	10	1	1	8						
25	Xã Đình Cường	3	1	0	2						
26	Xã Thiện Tín	4	1	1	2						

STT	Tên cấp xã	Số lượng	Dự kiến phương án sắp xếp, xử lý			Dự kiến lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Đôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
27	Xã Phước Giang	4	1	2	1					
28	Xã Long Phụng	4	1	0	3					
29	Xã Mỏ Cày	4	1	0	3					
30	Xã Mỹ Đức	4	1	0	3					
31	Xã Lân Phong	3	1	0	2					
32	Xã Tây Trà Bồng	10	1	3	6					
33	Xã Tây Trà	9	1	2	6					
34	Xã Thanh Bồng	5	1	0	4					
35	Xã Trà Bồng	3	1	0	2					
36	Xã Đông Trà Bồng	4	1	0	3					
37	Xã Cà Đam	3	1	0	2					
38	Xã Sơn Hạ	6	1	0	5					
39	Xã Sơn Linh	4	1	0	3					
40	Xã Sơn Hà	6	1	0	5					
41	Xã Sơn Thủy	3	1	0	2					
42	Xã Sơn Kỳ	2	1	0	1					
43	Xã Sơn Tây Hạ	3	1	0	2					
44	Xã Sơn Tây	6	1	0	5					
45	Xã Sơn Tây Thượng	7	1	0	6					
46	Xã Minh Long	6	2	0	4					
47	Xã Sơn Mai	3	2	0	1					
48	Xã Ba Vi	3	1	0	2					
49	Xã Ba Tô	3	1	0	2					
50	Xã Ba Xa	1	1	0	0					
51	Xã Ba Đình	4	1	0	3					
52	Xã Ba Tơ	5	2	0	3					
53	Xã Ba Vinh	2	1	0	1					
54	Xã Ba Động	3	1	0	2					
55	Xã Đặng Thùy Trâm	2	1	0	1					
56	Độc khu Lý Sơn	8	1	1	6					
	Các cơ sở nhà, đất còn lại thuộc các huyện, thị xã, thành phố	108	0	26	82	0	0	0	0	0

STT	Tên cấp xã	Số lượng	Dự kiến phương án sắp xếp, xử lý			Dự kiến lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Đôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
	TỔNG CỘNG	400	67	48	285	Xử lý 10% tổng số trụ sở đôi dư và phương án khác	Xử lý thêm 15% tổng số trụ sở đôi dư và phương án khác	Xử lý thêm 25% tổng số trụ sở đôi dư và phương án khác	Xử lý thêm 25% tổng số trụ sở đôi dư và phương án khác	Xử lý thêm 25% tổng số trụ sở đôi dư và phương án khác

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2025

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Về việc tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính
cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 33**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày .../4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 như sau:

1. Chuyển nguyên trạng huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành đơn vị hành chính cấp xã có tên gọi là đặc khu.

Tên gọi đơn vị hành chính mới: Đặc khu Lý Sơn

Diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính mới là 10,3986 km²

Quy mô dân số của đơn vị hành chính mới là 25.639 người

Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Đặc khu Lý Sơn là hải đảo, cách biệt với đất liền nên không giáp với đơn vị hành chính liền kề.

2. Không thực hiện sắp xếp đối với xã Ba Xa, thuộc huyện Ba Tư có diện tích tự nhiên là 102,7867 km² và quy mô dân số là 5.452 người.

Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Ba Tô (mới); phía Tây giáp xã Kon PLông (mới); phía Nam giáp xã Ba Tô (mới) và xã Kon PLông (mới); phía Bắc giáp xã Ba Vì (mới).

3. Sắp xếp 169 xã, phường, thị trấn thuộc 12 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Ngãi thành 54 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 06 phường và 48 xã (*Cụ thể theo Phụ lục sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 đính kèm*).

4. Sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Quảng Ngãi có 56 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 6 phường, 49 xã và 01 đặc khu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 33 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Sở Nội vụ (10 bản);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, BPC (D).

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 14/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp			
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liên kế
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thành lập xã Tịnh Khê trên cơ sở nhập xã Tịnh Kỳ, xã Tịnh Khê, xã Tịnh Long, xã Tịnh Thiện và xã Tịnh Châu thuộc thành phố Quảng Ngãi						
	Xã Tịnh Kỳ	3,35424	11,377	Xã Tịnh Khê	46,04611	55,919	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp phường Trương Quang Trọng (mới) và xã Thọ Phong (mới); phía Nam giáp xã An Phú (mới); phía Bắc giáp xã Đông Sơn (mới)
	Xã Tịnh Khê	16,20328	17,254				
	Xã Tịnh Long	7,91757	10,111				
	Xã Tịnh Thiện	12,01916	9,224				
	Xã Tịnh Châu	6,55186	7,953				
2	Thành lập phường Trương Quang Trọng trên cơ sở nhập phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh Ấn Tây, xã Tịnh Ấn Đông và xã Tịnh An thuộc thành phố Quảng Ngãi						
	Phường Trương Quang Trọng	9,03963	20,898	Phường Trương Quang Trọng	34,64830	49,308	Phía Đông giáp xã Tịnh Khê (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tịnh (mới); phía Nam giáp phường Nghĩa Lộ (mới) và xã An Phú (mới); phía Bắc giáp xã Thọ Phong (mới)
	Xã Tịnh Ấn Tây	7,09728	11,475				
	Xã Tịnh Ấn Đông	9,85896	6,836				
	Xã Tịnh An	8,65243	10,099				
3	Thành lập xã An Phú trên cơ sở nhập xã An Phú, xã Nghĩa Hà, xã Nghĩa Đông và xã Nghĩa Dũng thuộc thành phố Quảng Ngãi						
	Xã An Phú	7,69000	31,833	Xã An Phú	33,93273	71,426	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp phường Cẩm Thành (mới); phía Nam giáp xã Tư Nghĩa (mới); phía Bắc giáp xã Tịnh Khê (mới) và phường Trương Quang Trọng (mới)
	Xã Nghĩa Hà	13,83858	18,749				
	Xã Nghĩa Đông	6,21503	10,551				
	Xã Nghĩa Dũng	6,18912	10,293				
4	Thành lập phường Cẩm Thành trên cơ sở nhập phường Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Nghiêm, phường Chánh Lộ và phường Nghĩa Chánh thuộc thành phố Quảng Ngãi						
	Phường Nguyễn Nghiêm	0,52729	11,792	Phường Cẩm Thành	7,93408	60,996	Phía Đông giáp xã An Phú (mới); phía Tây giáp phường Nghĩa Lộ (mới); phía Nam giáp xã Tư Nghĩa (mới); phía Bắc giáp phường Nghĩa Lộ (mới)
	Phường Trần Hưng Đạo	0,52536	12,661				
	Phường Nghĩa Chánh	4,33342	18,342				
	Phường Chánh Lộ	2,54801	18,201				
5	Thành lập phường Nghĩa Lộ trên cơ sở nhập phường Lê Hồng Phong, phường Trần Phú, phường Quảng Phú và phường Nghĩa Lộ thuộc thành phố Quảng Ngãi						
	Phường Lê Hồng Phong	3,25226	10,197				

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp		
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)
	Phường Trần Phú	2,55876	20.416	Phường Nghĩa Lộ	17,07376	73.556
	Phường Quảng Phú	7,30505	22.594			
	Phường Nghĩa Lộ	3,95769	20.349			
6	Thành lập phường Trà Cầu trên cơ sở nhập xã Phổ An, xã Phổ Thuận, phường Phổ Văn và phường Phổ Quang thuộc thị xã Đức Phổ					
	Xã Phổ An	18,24999	13.080	Phường Trà Cầu	54,46310	45.524
	Phường Phổ Văn	10,56403	10.326			
	Phường Phổ Quang	11,06179	9.973			
	Xã Phổ Thuận	14,58729	12.145			
7	Thành lập xã Nguyễn Nghiêm trên cơ sở nhập xã Phổ Phong và xã Phổ Nhơn thuộc thị xã Đức Phổ					
	Xã Phổ Nhơn	41,02341	7.335	Xã Nguyễn Nghiêm	95,33454	18.041
	Xã Phổ Phong	54,31113	10.706			
8	Thành lập phường Đức Phổ trên cơ sở nhập phường Phổ Hòa, phường Nguyễn Nghiêm, phường Phổ Ninh, phường Phổ Minh và phường Phổ Vinh thuộc thị xã Đức Phổ					
	Phường Phổ Hòa	16,37729	4.614	Phường Đức Phổ	69,32664	41.358
	Phường Nguyễn Nghiêm	5,61711	11.131			
	Phường Phổ Minh	9,10647	5.456			
	Phường Phổ Vinh	15,59115	9.465			
	Phường Phổ Ninh	22,63462	10.692			
9	Thành lập xã Khánh Cường trên cơ sở nhập xã Phổ Khánh và xã Phổ Cường thuộc thị xã Đức Phổ					
	Xã Phổ Khánh	55,91033	13.997	Xã Khánh Cường	103,97994	28.964
	Xã Phổ Cường	48,06961	14.967			
10	Thành lập phường Sa Huỳnh trên cơ sở nhập phường Phổ Thạnh và xã Phổ Châu thuộc thị xã Đức Phổ					
	Phường Phổ Thạnh	30,16842	25.879	Phường Sa Huỳnh	49,94836	32.396
	Xã Phổ Châu	19,77994	6.517			
11	Thành lập xã Bình Minh trên cơ sở nhập xã Bình Minh, xã Bình An và xã Bình Khương thuộc huyện Bình Sơn					
	Xã Bình Minh	42,11023	10.762	Xã Bình Minh	128,60469	19.673
	Xã Bình An	47,35232	3.962			
	Xã Bình Khương	39,14214	4.949			
12	Thành lập xã Bình Chương trên cơ sở nhập xã Bình Chương và xã Bình Mỹ thuộc huyện Bình Sơn					
	Xã Bình Chương	17,96140	7.910			
	Phía Đông giáp xã Bình Sơn (mới) và xã Thọ Phong (mới); phía Tây giáp					

Hiện trạng đơn vị hành chính				Phương án sắp xếp			
STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liên kế
	Xã Bình Mỹ	12,82496	8.655	Xã Bình Chương	30,78636	16.565	xã Đông Trà Đông (mới); phía Nam giáp xã Ba Già (mới); phía Bắc giáp xã Bình Minh (mới) và xã Bình Sơn (mới)
13	Thành lập xã Bình Sơn trên cơ sở nhập xã Bình Thạnh, xã Bình Chánh, xã Bình Dương, xã Bình Nguyên, xã Bình Trung, thị trấn Châu Ô và xã Bình Long thuộc huyện Bình Sơn						
	Xã Bình Thạnh	15,65352	17.067	Xã Bình Sơn	100,06782	89.058	Phía Đông giáp xã Vạn Tường (mới); phía Tây giáp xã Bình Minh (mới); phía Nam giáp xã Đông Sơn (mới) và xã Bình Chương (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới) và biển Đông
	Xã Bình Chánh	12,69774	15.717				
	Xã Bình Dương	8,79871	8.632				
	Xã Bình Nguyên	26,48617	11.416				
	Xã Bình Trung	14,53135	11.537				
	Thị trấn Châu Ô	8,21653	16.552				
	Xã Bình Long	13,68380	8.137				
14	Thành lập xã Vạn Tường trên cơ sở nhập xã Bình Thuận, xã Bình Đông, xã Bình Trị, xã Bình Hải, xã Bình Hòa và xã Bình Phước thuộc huyện Bình Sơn						
	Xã Bình Thuận	18,86953	9.583	Xã Vạn Tường	109,27807	60.612	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Bình Sơn (mới); phía Nam giáp xã Đông Sơn (mới); phía Bắc giáp biển Đông
	Xã Bình Đông	13,50536	12.622				
	Xã Bình Trị	18,37567	8.975				
	Xã Bình Hải	13,33214	14.491				
	Xã Bình Hòa	21,61479	7.100				
	Xã Bình Phước	23,58058	7.841				
15	Thành lập xã Đông Sơn trên cơ sở nhập xã Bình Hiệp, xã Bình Thanh, xã Bình Tân Phú, xã Bình Châu thuộc huyện Bình Sơn và xã Tịnh Hòa thuộc thành phố Quảng Ngãi						
	Xã Bình Hiệp	13,73621	7.665	Xã Đông Sơn	115,82671	56.334	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Thọ Phong (mới); phía Nam giáp biển Đông và xã Tịnh Khê (mới); phía Bắc giáp xã Vạn Tường (mới) và xã Bình Sơn (mới)
	Xã Bình Thanh	26,43445	8.327				
	Xã Bình Tân Phú	38,57552	9.347				
	Xã Bình Châu	19,36934	17.433				
	Xã Tịnh Hòa	17,71119	13.562				
16	Thành lập xã Trường Giang trên cơ sở nhập xã Tịnh Giang, xã Tịnh Đông và xã Tịnh Minh thuộc huyện Sơn Tịnh						
	Xã Tịnh Giang	17,14455	8.146	Xã Trường Giang	51,30199	22.047	Phía Đông giáp Xã Ba Già (mới) và xã Sơn Tịnh (mới); phía Tây giáp xã Sơn Hạ (mới) và xã Cà Đam (mới); phía Nam giáp xã Trà Giang (mới) và xã Sơn Hạ (mới); phía Bắc giáp xã Ba Già (mới) và xã Đông Trà Đông (mới)
	Xã Tịnh Đông	24,86630	7.672				
	Xã Tịnh Minh	9,29114	6.229				
17	Thành lập xã Ba Già trên cơ sở nhập xã Tịnh Bắc, xã Tịnh Hiệp và xã Tịnh Trà thuộc huyện Sơn Tịnh						
	Xã Tịnh Bắc	8,80617	5.852	Xã Ba Già	66,13601	21.511	Phía Đông giáp xã Sơn Tịnh (mới) và xã Thọ Phong (mới); phía Tây giáp xã Trường Giang (mới) và xã Đông Trà Đông (mới); phía Nam giáp xã Trường Giang (mới) và xã Sơn Tịnh (mới); phía Bắc giáp xã Bình Chương
	Xã Tịnh Hiệp	35,83117	9.657				

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp		
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)
	Xã Tịnh Trà	21,49867	6.002			
18	Thành lập xã Sơn Tịnh trên cơ sở nhập xã Tịnh Bình, xã Tịnh Sơn và thị trấn Tịnh Hà thuộc huyện Sơn Tịnh					
	Xã Tịnh Bình	25,24458	11.788	Xã Sơn Tịnh	59,78458	42.380
	Xã Tịnh Sơn	14,36000	9.731			
	Thị trấn Tịnh Hà	20,18000	20.861			
19	Thành lập xã Thọ Phong trên cơ sở nhập xã Tịnh Phong và xã Tịnh Thọ thuộc huyện Sơn Tịnh					
	Xã Tịnh Phong	27,55949	13.234	Xã Thọ Phong	66,64076	27.787
	Xã Tịnh Thọ	39,08127	14.553			
20	Thành lập xã Tư Nghĩa trên cơ sở nhập xã Nghĩa Trung, thị trấn La Hà, xã Nghĩa Hòa và xã Nghĩa Thương thuộc huyện Tư Nghĩa					
	Thị trấn La Hà	4,66844	12.176	Xã Tư Nghĩa	41,93318	59.172
	Xã Nghĩa Trung	12,89611	15.549			
	Xã Nghĩa Thương	14,50453	16.400			
	Xã Nghĩa Hòa	9,86410	15.047			
21	Thành lập xã Vệ Giang trên cơ sở nhập xã Nghĩa Hiệp, thị trấn Sông Vệ và xã Nghĩa Phương thuộc huyện Tư Nghĩa					
	Xã Nghĩa Hiệp	10,47753	13.487	Xã Vệ Giang	24,20753	38.683
	Thị trấn Sông Vệ	6,42000	14.830			
	Xã Nghĩa Phương	7,31000	10.366			
22	Thành lập xã Nghĩa Giang trên cơ sở nhập xã Nghĩa Thuận, xã Nghĩa Kỳ và xã Nghĩa Diễn thuộc huyện Tư Nghĩa					
	Xã Nghĩa Thuận	15,04160	8.975	Xã Nghĩa Giang	47,74004	39,371
	Xã Nghĩa Kỳ	25,52676	20.547			
	Xã Nghĩa Diễn	7,17168	9.849			
23	Thành lập xã Trà Giang trên cơ sở nhập xã Nghĩa Sơn, xã Nghĩa Lâm và xã Nghĩa Thắng thuộc huyện Tư Nghĩa					
	Xã Nghĩa Sơn	37,90355	1.274	Xã Trà Giang	91,72208	20.801
	Xã Nghĩa Lâm	14,55973	7.595			
	Xã Nghĩa Thắng	39,25880	11.932			
24	Thành lập xã Nghĩa Hành trên cơ sở nhập xã Hành Thuận, thị trấn Chợ Chùa và xã Hành Trung thuộc huyện Nghĩa Hành					
	Xã Hành Thuận	8,40413	9.121			

Phía Đông giáp xã Tư Nghĩa (mới) và xã Vệ Giang (mới); phía Tây giáp xã

Hiện trạng đơn vị hành chính					Phương án sắp xếp		
STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính hiện kê
	Thị trấn Chợ Chùa	7,53460	12.374	Xã Nghĩa Hành	24,40032	31.533	Phước Giang (mới); phía Nam giáp xã Đình Cương (mới); phía Bắc giáp xã Tư Nghĩa (mới) và xã Nghĩa Giang (mới)
	Xã Hành Trung	8,46159	10.038				
25	Thành lập xã Đình Cương trên cơ sở nhập xã Hành Đức, xã Hành Phước và xã Hành Thịnh thuộc huyện Nghĩa Hành						
	Xã Hành Đức	16,48036	12.124	Xã Đình Cương	53,96211	36,083	Phía Đông giáp xã Long Phụng (mới) và xã Mộ Đức (mới); phía Tây giáp xã Thiện Tín (mới) và xã Phước Giang (mới); phía Nam giáp xã Mộ Đức (mới) và xã Thiện Tín (mới); phía Bắc giáp xã Nghĩa Hành (mới) và xã Vệ Giang (mới)
	Xã Hành Phước	16,85688	14.340				
	Xã Hành Thịnh	20,62487	9.619				
26	Thành lập xã Thiện Tín trên cơ sở nhập xã Hành Thiện, xã Hành Tín Tây và xã Hành Tín Đông thuộc huyện Nghĩa Hành						
	Xã Hành Thiện	25,28092	7.502	Xã Thiện Tín	99,10045	17.357	Phía Đông giáp xã Mộ Đức (mới), xã Đình Cương (mới) và xã Nguyễn Nghiêm (mới); phía Tây giáp xã Minh Long (mới) và xã Sơn Mai (mới); phía Nam giáp xã Ba Động (mới) và xã Ba Vinh (mới); phía Bắc giáp xã Đình Cương (mới) và xã Phước Giang (mới)
	Xã Hành Tín Tây	39,18419	5.212				
	Xã Hành Tín Đông	34,63534	4.643				
27	Thành lập xã Phước Giang trên cơ sở nhập xã Hành Dũng, xã Hành Nhân và xã Hành Minh thuộc huyện Nghĩa Hành						
	Xã Hành Dũng	29,88350	8.213	Xã Phước Giang	57,02263	23.842	Phía Đông giáp xã Nghĩa Hành (mới) và xã Đình Cương (mới); phía Tây giáp xã Sơn Mai (mới) và xã Trà Giang (mới); phía Nam giáp xã Sơn Mai (mới) và xã Thiện Tín (mới); phía Bắc giáp xã Nghĩa Giang (mới)
	Xã Hành Nhân	17,54173	8.950				
	Xã Hành Minh	9,59740	6.679				
28	Thành lập xã Long Phụng trên cơ sở nhập xã Thăng Lợi, xã Đức Nhuận và xã Đức Hiệp thuộc huyện Mộ Đức						
	Xã Thăng Lợi	16,38000	16.763	Xã Long Phụng	36,10214	39.973	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Đình Cương (mới) và xã Vệ Giang (mới); phía Nam giáp xã Mộ Cày (mới) và xã Mộ Đức (mới); phía Bắc giáp xã Vệ Giang (mới)
	Xã Đức Nhuận	10,63481	14.635				
	Xã Đức Hiệp	9,08733	8.575				
29	Thành lập xã Mộ Cày trên cơ sở nhập xã Đức Chánh, xã Đức Thạnh và xã Đức Minh thuộc huyện Mộ Đức						
	Xã Đức Chánh	19,12484	18.993	Xã Mộ Cày	44,79727	38.587	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Mộ Đức (mới) và xã Long Phụng (mới); phía Nam giáp xã Lân Phong (mới) và xã Mộ Đức (mới); phía Bắc giáp xã Long Phụng (mới)
	Xã Đức Thạnh	9,36461	9.749				
	Xã Đức Minh	16,30782	9.845				
30	Thành lập xã Mộ Đức trên cơ sở nhập xã Đức Hòa, xã Đức Phú, xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức thuộc huyện Mộ Đức						
	Xã Đức Hòa	13,54999	11.465	Xã Mộ Đức	76,16838	35.895	Phía Đông giáp xã Mộ Cày (mới) và xã Lân Phong (mới); phía Tây giáp xã Thiện Tín (mới); phía Nam giáp xã Lân Phong (mới); phía Bắc giáp xã Long Phụng (mới), xã Mộ Cày (mới) và xã Đình Cương (mới)
	Xã Đức Phú	42,43992	8.555				
	Xã Đức Tân	11,46132	7.469				
	Thị trấn Mộ Đức	8,71715	8.406				
31	Thành lập xã Lân Phong trên cơ sở nhập xã Đức Phong và xã Đức Lân thuộc huyện Mộ Đức						

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp			
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liền kề
	Xã Đức Phong	27,13613	19.970	Xã Lân Phong	57,01159	36.123	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Mộ Đức (mới); phía Nam giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới) và phường Trà Cầu (mới); phía Bắc giáp xã Mộ Đức (mới) và xã Mộ Cây (mới)
	Xã Đức Lân	29,87546	16.153				
32	Thành lập xã Trà Bồng trên cơ sở nhập thị trấn Trà Xuân, xã Trà Sơn và xã Trà Thủy thuộc huyện Trà Bồng						
	Thị trấn Trà Xuân	5,93266	8.747	Xã Trà Bồng	139,42766	18.926	Phía Đông giáp xã Đông Trà Bồng (mới); phía Tây giáp xã Thanh Bồng (mới); phía Nam giáp xã Cà Dam (mới) và xã Tây Trà Bồng (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới)
	Xã Trà Sơn	57,35420	6.240				
	Xã Trà Thủy	76,14080	3.939				
33	Thành lập xã Đông Trà Bồng trên cơ sở nhập xã Trà Bình, xã Trà Phú và xã Trà Giang thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Trà Bình	21,84035	5.728	Xã Đông Trà Bồng	74,82853	11.197	Phía Đông giáp xã Bình Chương (mới), xã Bình Minh (mới) và xã Ba Gia (mới); phía Tây giáp xã Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Cà Dam (mới) và xã Trường Giang (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới)
	Xã Trà Phú	15,91060	4.816				
	Xã Trà Giang	37,07758	653				
34	Thành lập xã Tây Trà trên cơ sở nhập xã Sơn Trà, xã Trà Phong và xã Trà Xinh thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Sơn Trà	49,90162	4.312	Xã Tây Trà	170,86227	11.617	Phía Đông giáp xã Tây Trà Bồng (mới) và xã Thanh Bồng (mới); phía Tây giáp thành phố Đà Nẵng (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Sơn Hà (mới); phía Bắc giáp xã Thanh Bồng (mới)
	Xã Trà Phong	40,35403	4.902				
	Xã Trà Xinh	80,60662	2.403				
35	Thành lập xã Cà Dam trên cơ sở nhập xã Trà Tân và 52,9908 km2, quy mô dân số 1.815 người của xã Trà Bội (gồm 4 thôn Niên, Tây, Tang, Quế) thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Trà Tân	59,35972	2.521	Xã Cà Dam	112,35052	4.336	Phía Đông giáp xã Trường Giang (mới); phía Tây giáp xã Tây Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Sơn Hà (mới) và xã Sơn Hạ (mới); phía Bắc giáp xã Trà Bồng (mới) và xã Đông Trà Bồng (mới)
	DTTN 52,9908 km2 và QMDS 1.815 người của 4 thôn: Niên, Tây, Tang, Quế) xã Trà Bội	52,99080	1.815				
36	Thành lập xã Thanh Bồng trên cơ sở nhập xã Trà Lâm, xã Trà Hiệp và xã Trà Thanh thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Trà Lâm	34,66508	2.315	Xã Thanh Bồng	133,88495	7.426	Phía Đông giáp xã Trà Bồng (mới); phía Tây giáp xã Tây Trà (mới) và thành phố Đà Nẵng (mới); phía Nam giáp xã Tây Trà Bồng (mới) và xã Tây Trà (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới)
	Xã Trà Hiệp	49,97195	2.398				
	Xã Trà Thanh	49,24792	2.713				
37	Thành lập xã Tây Trà Bồng trên cơ sở nhập xã Hương Trà, xã Trà Tây và một phần diện tích tự nhiên là 10 km2, quy mô dân số là 382 người của xã Trà Bội (gồm thôn Nước Nĩa của xã Trà Bội) thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Hương Trà	49,47508	4.607	Xã Trà Tây			Phía Đông giáp xã Cà Dam (mới); phía Tây giáp xã Tây Trà (mới); phía Bắc giáp xã Cà Dam (mới); phía Tây giáp xã Tây Trà (mới); phía
	Xã Trà Tây	69,57808	3.089				

Hiện trạng đơn vị hành chính					Phương án sắp xếp		
STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính hiện kê
	DTTN 10km2 và QMDS 382 người thôn Nước Nĩa của xã Trà Bội	10,00000	382	Xã Tây Trà Bồng	129,05316	8.078	Nam giáp xã Sơn Hà (mới); phía Bắc giáp xã Thanh Bồng (mới) và xã Trà Bồng (mới)
38	Thành lập xã Sơn Hạ trên cơ sở nhập xã Sơn Hạ, xã Sơn Nham và xã Sơn Thành thuộc huyện Sơn Hà						
	Xã Sơn Hạ	39,73643	10.816	Xã Sơn Hạ			Phía Đông giáp xã Trà Giang (mới); phía Tây giáp xã Sơn Hà (mới); phía Nam giáp xã Sơn Linh (mới) và xã Sơn Mai (mới); phía Bắc giáp xã Cà Dam (mới) và xã Trường Giang (mới)
	Xã Sơn Nham	65,82086	5.146				
	Xã Sơn Thành	48,73215	8.813				
39	Thành lập xã Sơn Linh trên cơ sở nhập xã Sơn Giang, xã Sơn Linh và xã Sơn Cao thuộc huyện Sơn Hà						
	Xã Sơn Giang	26,16237	5.328	Xã Sơn Linh			Phía Đông giáp xã Sơn Mai (mới); phía Tây giáp xã Sơn Thủy (mới); phía Nam giáp xã Sơn Thủy (mới) và xã Minh Long (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Hà (mới)
	Xã Sơn Linh	64,21397	6.086				
	Xã Sơn Cao	36,32110	5.725				
40	Thành lập xã Sơn Hà trên cơ sở nhập thị trấn Di Lăng, xã Sơn Bao và xã Sơn Thượng thuộc huyện Sơn Hà						
	Thị trấn Di Lăng	56,76197	10.632	Xã Sơn Hà			Phía Đông giáp xã Sơn Hạ (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Sơn Tây (mới); phía Nam giáp xã Sơn Thủy (mới) và xã Sơn Tây Hạ (mới); phía Bắc giáp xã Tây Trà Bồng (mới), xã Tây Trà (mới) và xã Cà Dam (mới)
	Xã Sơn Bao	68,31945	4.771				
	Xã Sơn Thượng	38,35692	4.923				
41	Thành lập xã Sơn Thủy trên cơ sở nhập xã Sơn Trung, xã Sơn Hải và xã Sơn Thủy thuộc huyện Sơn Hà						
	Xã Sơn Trung	27,07154	3.867	Xã Sơn Thủy			Phía Đông giáp xã Sơn Linh (mới) và xã Minh Long (mới); phía Tây giáp xã Sơn Hà (mới) và xã Sơn Tây Hạ (mới); phía Nam giáp xã Sơn Kỳ (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Hà (mới) và xã Sơn Hạ (mới)
	Xã Sơn Hải	24,35369	3.449				
	Xã Sơn Thủy	44,34290	5.342				
42	Thành lập xã Sơn Kỳ trên cơ sở nhập xã Sơn Kỳ và xã Sơn Ba thuộc huyện Sơn Hà						
	Xã Sơn Kỳ	142,94906	7.568	Xã Sơn Kỳ			Phía Đông giáp xã Minh Long (mới) và xã Ba Dinh (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây Hạ (mới); phía Nam giáp xã Ba Vì (mới) và xã Kon Plông (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Thủy (mới)
	Xã Sơn Ba	45,12072	4.502				
43	Thành lập xã Sơn Tây trên cơ sở nhập xã Sơn Long, xã Sơn Tân và xã Sơn Dung thuộc huyện Sơn Tây						
	Xã Sơn Long	48,41132	2.252	Xã Sơn Tây			Phía Đông giáp xã Sơn Tây Hạ (mới) và xã Sơn Hà (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Măng Bút (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tây Hạ (mới) và xã Kon Plông (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Sơn Hà (mới)
	Xã Sơn Tân	33,50095	3.168				
	Xã Sơn Dung	45,14944	4.412				
44	Thành lập xã Sơn Tây Thượng trên cơ sở nhập xã Sơn Mân, xã Sơn Liên và xã Sơn Bua thuộc huyện Sơn Tây						

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp			
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liền kề
	Xã Sơn Mùa	40,67403	3.685	Xã Sơn Tây Thượng	122,42836	7.421	Phía Đông giáp xã Sơn Tây (mới); phía Tây giáp thành phố Đà Nẵng (mới) và xã Măng Bút (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tây (mới); phía Bắc giáp xã Tây Trá (mới) và xã Sơn Hà (mới)
	Xã Sơn Liên	30,77682	1.746				
	Xã Sơn Bua	50,97751	1.990				
45	Thành lập xã Sơn Tây Hạ trên cơ sở nhập xã Sơn Tinh, xã Sơn Lập và xã Sơn Mậu thuộc huyện Sơn Tây						
	Xã Sơn Tinh	49,99513	2.519	Xã Sơn Tây Hạ	136,14676	5.690	Phía Đông giáp xã Sơn Thủy (mới) và xã Sơn Kỳ (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây (mới); phía Nam giáp xã Sơn Kỳ (mới) và xã Sơn PLông (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Tây (mới) và xã Sơn Hà (mới)
	Xã Sơn Lập	46,51041	1.382				
	Xã Sơn Mậu	39,64122	1.789				
46	Thành lập xã Minh Long trên cơ sở nhập xã Long Hiệp, xã Thanh An và xã Long Môn thuộc huyện Minh Long						
	Xã Long Hiệp	17,31441	4.905	Xã Minh Long	124,73945	10.085	Phía Đông giáp xã Thiện Tín (mới); phía Tây giáp xã Sơn Kỳ (mới), xã Sơn Thủy (mới) và xã Sơn Linh (mới); phía Nam giáp xã Ba Vinh (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Mai (mới)
	Xã Thanh An	37,94991	3.652				
	Xã Long Môn	69,47513	1.528				
47	Thành lập xã Sơn Mai trên cơ sở nhập xã Long Mai và xã Long Sơn thuộc huyện Minh Long						
	Xã Long Mai	37,10369	4.247	Xã Sơn Mai	112,55724	9.892	Phía Đông giáp xã Thiện Tín (mới); phía Tây giáp xã Sơn Linh (mới); phía Nam giáp Minh Long (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Hạ (mới), xã Trà Giang (mới) và xã Phước Giang (mới)
	Xã Long Sơn	75,45355	5.645				
48	Thành lập xã Ba Vi trên cơ sở nhập xã Ba Vi, xã Ba Tiêu và xã Ba Ngạc thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Tiêu	40,67683	2.712	Xã Ba Vi	125,40245	11.372	Phía Đông giáp xã Ba Đình (mới) và xã Ba Tô (mới); phía Tây giáp xã Kon PLông (mới); phía Nam giáp xã Ba Xa; phía Bắc giáp xã Sơn Kỳ (mới)
	Xã Ba Ngạc	42,22597	3.464				
	Xã Ba Vi	42,49965	5.196				
49	Thành lập xã Ba Tô trên cơ sở nhập xã Ba Tô, xã Ba Nam và xã Ba Lễ thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Tô	59,15164	6.582	Xã Ba Tô	274,39618	9.555	Phía Đông giáp xã Ba Đình (mới) và tỉnh Gia Lai (mới); phía Tây giáp xã: Ba Xa, Ba Vi (mới); phía Nam giáp tỉnh Gia Lai (mới); phía Bắc giáp xã Ba Đình (mới)
	Xã Ba Nam	120,12551	1.093				
	Xã Ba Lễ	95,11903	1.880				
50	Thành lập xã Ba Đình trên cơ sở nhập xã Ba Đình và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Đình	43,21734	5.535	Xã Ba Đình	97,04831	7.257	Phía Đông giáp xã Ba Tô (mới) và xã Ba Vinh (mới); phía Tây giáp xã Ba Tô (mới), xã Ba Vi (mới) và xã Sơn Kỳ (mới); phía Nam giáp xã Ba Tô (mới) và xã Ba Tô (mới); phía Bắc giáp xã Ba Vinh (mới) và xã Minh Long (mới)
	Xã Ba Giang	53,83097	1.722				
51	Thành lập xã Ba Tơ trên cơ sở nhập thị trấn Ba Tơ, xã Ba Bích và xã Ba Cung thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Bích	58,75847	2.343				Phía Đông giáp xã Dân Chủ (mới) và xã Ba Đình (mới); phía Tây

Hiện trạng đơn vị hành chính				Phương án sắp xếp			
STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liên kề
	Thị trấn Ba Tơ	32,05334	7.579	Xã Ba Tơ	120,91234	12.263	giáp xã Ba Dinh (mới); phía Nam giáp xã Ba Tô (mới); phía Bắc giáp xã Ba Vinh (mới) và xã Ba Động (mới)
	Xã Ba Cưng	30,10053	2.341				
52	Thành lập xã Ba Vinh trên cơ sở nhập xã Ba Diễn và xã Ba Vinh thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Diễn	44,42298	1.735	Xã Ba Vinh	115,00002	6.425	phía Đông giáp xã Ba Động (mới); phía Tây giáp xã Ba Dinh (mới); phía Nam giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Ba Dinh (mới); phía Bắc giáp xã Minh Long (mới) và xã Thiện Tín (mới)
	Xã Ba Vinh	70,57704	4.690				
53	Thành lập xã Ba Động trên cơ sở nhập xã Ba Liên, xã Ba Thành và xã Ba Động thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Liên	41,25979	1.489	Xã Ba Động	103,00837	7.688	phía Đông giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới); phía Tây giáp xã Ba Vinh (mới); phía Nam giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Động Thủy Trầm (mới); phía Bắc giáp xã Thiện Tín (mới)
	Xã Ba Thành	46,52876	3.344				
	Xã Ba Động	15,21982	2.855				
54	Thành lập xã Động Thủy Trầm trên cơ sở nhập xã Xã Ba Trang và xã Ba Khâm thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Trang	147,65984	2.565	Xã Động Thủy Trầm	199,40256	4.494	phía Đông giáp phường Đức Phổ (mới) và xã Khánh Cường (mới); phía Tây giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Ba Tô (mới); phía Nam giáp tỉnh Gia Lai (mới); phía Bắc giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới) và xã Ba Động (mới)
	Xã Ba Khâm	51,74272	1.929				

